

**TRUNG TÂM VĂN HÓA – THÔNG TIN VÀ THỂ THAO  
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA CƠ SỞ  
NHÀ THI ĐẤU ĐA NĂNG VÀ  
SÂN BÓNG ĐÁ HUYỆN CHÂU THÀNH**

**ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH,  
TỈNH TRÀ VINH**



Châu Thành, tháng 5 năm 2023

TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN VÀ THỂ THAO  
HUYỆN CHÂU THÀNH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA CƠ SỞ  
NHÀ THI ĐẤU ĐA NĂNG VÀ  
SÂN BÓNG ĐÁ HUYỆN CHÂU THÀNH**  
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH,  
TỈNH TRÀ VINH

CHỦ CƠ SỞ  
TRUNG TÂM VĂN HÓA -  
THÔNG TIN VÀ THỂ THAO  
HUYỆN CHÂU THÀNH



**Huỳnh Quốc Vũ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN *Label*  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Thị Thu Hiền**

Châu Thành, tháng 5 năm 2023

## MỤC LỤC

*Trang*

<b>Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....</b>	<b>1</b>
1.1. Tên chủ cơ sở .....	1
1.2. Tên cơ sở .....	1
1.2.1. Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành .....	1
1.2.2. Sân bóng đá huyện Châu Thành.....	2
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	4
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	4
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	5
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	5
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	6
<b>Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>9</b>
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	9
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt	10
<b>Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>21</b>
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	21
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	21
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	24
3.1.3. Xử lý nước thải.....	25
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	27
3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành .....	27
3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại Sân bóng đá huyện Châu Thành.....	28
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	28

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....	29
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	30
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	31
<b>Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>33</b>
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	33
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải: không có.....	34
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: không có .....	34
<b>Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>35</b>
<b>Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>37</b>
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	37
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	37
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	37
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	37
<b>Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....</b>	<b>38</b>
<b>Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....</b>	<b>39</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

1	<b>BTNMT</b>	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	<b>BC</b>	Báo cáo
3	<b>CP</b>	Chính phủ
4	<b>CTNH</b>	Chất thải nguy hại
5	<b>HĐND</b>	Hội đồng nhân dân
6	<b>HTXLNT</b>	Hệ thống xử lý nước thải
7	<b>NĐ</b>	Nghị định
8	<b>PVC</b>	Polivyil clorua
9	<b>QCVN</b>	Quy chuẩn Việt Nam
10	<b>QLMT</b>	Quản lý môi trường
11	<b>QĐ</b>	Quyết định
12	<b>STNMT</b>	Sở Tài nguyên Môi trường
13	<b>STT</b>	Số thứ tự
14	<b>TT</b>	Thông tư
15	<b>UBND</b>	Ủy ban nhân dân

## DANH MỤC BẢNG

*Trang*

Bảng 1: Toạ độ các điểm ranh giới của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành	2
Bảng 2: Toạ độ các điểm ranh giới của Sân bóng đá huyện Châu Thành .....	3
Bảng 3: Máy móc, thiết bị tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.....	6
Bảng 4: Nhu cầu sử dụng nước theo tính toán của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành .....	7
Bảng 5: Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt ( $L_{td}$ ).....	15
Bảng 6: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt sông Đa Lộc .....	15
Bảng 7: Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước ( $L_{nn}$ ).....	16
Bảng 8: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.....	17
Bảng 9: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ Trung tâm y tế huyện Châu Thành .....	18
Bảng 10: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải Chợ Châu Thành .....	18
Bảng 11: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ các nguồn thải lớn vào sông Đa Lộc .....	18
Bảng 12: Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc.....	19
Bảng 13: Thống kê chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành .....	30
Bảng 14: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt (Cột B, hệ số K = 1,2) .....	33
Bảng 15: Kết quả quan trắc không khí xung quanh trước cổng chính Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.....	35
Bảng 16: Kết quả quan trắc không khí xung quanh trước cổng Sân bóng đá huyện Châu Thành .....	36

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

*Trang*

Hình 1: Sơ đồ vị trí của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành .....	2
Hình 2: Sơ đồ vị trí của Sân bóng đá huyện Châu Thành.....	3
Hình 3: Người dân đánh cầu lông tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành ...	5
Hình 4: Sơ đồ vị trí xả nước thải vào nguồn nước Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành .....	20
Hình 5: Các ống thoát nước mưa Ø114 từ mái Nhà thi đấu đa năng.....	22
Hình 6: Tuyến thoát nước và hố ga thoát nước chung của Nhà thi đấu đa năng	22
Hình 7: Sơ đồ thu gom và tiêu thoát nước mưa chảy tràn của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.....	23
Hình 8: Sơ đồ thu gom và xả nước thải sinh hoạt của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành .....	25
Hình 9: Quy trình xử lý nước thải bằng bể tự hoại nhựa được chế tạo sẵn .....	26
Hình 10: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại nhựa được chế tạo sẵn .....	27
Hình 11: Thùng chứa CTR thông thường tại Nhà thi đấu đa năng.....	29
Hình 12: Nhà bao che máy bơm công suất lớn và cây xanh trong khuôn viên Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành .....	31
Hình 13: Hệ thống phòng cháy chữa cháy bên trong và bên ngoài Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.....	32

## **Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1.1. Tên chủ cơ sở**

- Tên chủ cơ sở: Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.
- Địa chỉ văn phòng: Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Huỳnh Quốc Vũ.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0949350595.
- Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Châu Thành Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.
- Mã số thuế: 2100644259.

### **1.2. Tên cơ sở**

#### ***1.2.1. Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành***

- Tên cơ sở: Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.
- Địa điểm cơ sở: Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành được xây dựng trên thửa đất thuộc khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành với tổng diện tích đất là 4.498 m<sup>2</sup>, tứ cận tiếp giáp như sau:
  - + Phía Nam: giáp đường tránh công Đa Lộc.
  - + Phía Bắc: giáp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Châu Thành.
  - + Phía Đông và phía Tây: giáp đường nhựa (rộng 3,5m).





Hình 1: Sơ đồ vị trí của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

Bảng 1: Tọa độ các điểm ranh giới của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

STT	Ký hiệu điểm	Tọa độ VN-2000	
		X (m)	Y (m)
1	Điểm 1	01091497	00592953
2	Điểm 2	01091511	00593033
3	Điểm 3	01091460	00593039
4	Điểm 4	01091444	00592963

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

### 1.2.2. Sân bóng đá huyện Châu Thành

- Tên cơ sở: Sân bóng đá huyện Châu Thành.
- Địa điểm cơ sở: Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Sân bóng đá huyện Châu Thành được xây dựng trên thửa đất thuộc khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành với tổng diện tích đất khoảng 34.000 m<sup>2</sup>, tứ cận tiếp giáp như sau:
  - + Phía Bắc: giáp đường dẫn vào Sân bóng đá và đất trống của người dân.
  - + Phía Đông, phía Tây và phía Nam: giáp với ruộng lúa và ao hồ của người dân.



Hình 2: Sơ đồ vị trí của Sân bóng đá huyện Châu Thành

Bảng 2: Tọa độ các điểm ranh giới của Sân bóng đá huyện Châu Thành

STT	Ký hiệu điểm	Tọa độ VN-2000	
		X (m)	Y (m)
1	Điểm 1	01091504	00592364
2	Điểm 2	01091528	00592537
3	Điểm 3	01091334	00592570
4	Điểm 4	01091297	00592411

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

**- Quy mô của cơ sở:**

+ Cơ sở Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và cơ sở Sân bóng đá huyện Châu Thành được quy định tại điểm d khoản 5 Điều 8 và khoản 4 Điều 10 của Luật đầu tư công. Tổng vốn đầu tư của 02 cơ sở là 37.600.000.0000 đồng (Nhà thi đấu huyện Châu Thành có tổng vốn đầu tư là 32.000.000.000 đồng, Sân bóng đá huyện Châu Thành có tổng vốn đầu tư là 7.600.000.000 đồng): thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Cơ sở Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành thuộc nhóm III theo quy định tại STT thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

→ Căn cứ theo Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, → Cơ sở

Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và cơ sở Sân bóng đá huyện Châu Thành thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình UBND huyện Châu Thành thẩm định và cấp phép.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác bảo vệ môi trường, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và thể thao huyện Châu Thành phối hợp cùng Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường (đơn vị tư vấn) lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và cơ sở Sân bóng đá huyện Châu Thành để trình Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phê duyệt.

### **1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

##### **a. Cơ sở Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành**

Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành được xây dựng trên diện tích đất là 4.498 m<sup>2</sup> là công trình dân dụng, cấp III, bậc chịu lửa bậc III, niên hạn sử dụng từ 20 năm đến 50 năm. Nhà thi đấu đa năng có sức chứa 450 chỗ ngồi bao gồm các hạng mục sau:

- Hạng mục nhà thi đấu đa năng: tổng diện tích sàn sử dụng 1.844,9 m<sup>2</sup>, 01 tầng.
- Sàn lắp mặt bằng: tổng khối lượng 5.063,2 m<sup>3</sup>.
- Hàng rào xây tường: tổng chiều dài 135,8 m.
- Hàng rào ô hoa, cổng: tổng chiều dài 135,8 m.
- Sân đường, hệ thống thoát nước, cây xanh: tổng diện tích 2.451,53 m<sup>2</sup>.
- Phòng cháy chữa cháy toàn khu.
- Chiếu sáng toàn khu.
- Hệ thống cấp nước tổng thể toàn khu.
- Trạm hạ thế 3x50 kVA: 01 trạm.

##### **a. Cơ sở Sân bóng đá huyện Châu Thành**

Sân bóng đá huyện Châu Thành được xây dựng trên diện tích đất là 34.000 m<sup>2</sup> là công trình dân dụng, cấp III. Sân bóng đá huyện Châu Thành đã được xây dựng hoàn thành và bàn giao cho Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành quản lý và sử dụng vào tháng 11/2022 bao gồm các hạng mục sau:

- Sàn lắp mặt bằng (phía trước sân bóng): khối lượng 25.449,51 m<sup>3</sup>.
- Hàng rào xây tường cao 2,2 m, dài 731,46 m. Trong đó:
  - + Hàng rào A (đoạn 1-2, 2-3, 3-4) xây tường làm mới cao 1,5m, dài 170,22 m.

+ Hàng rào B (đoạn 4-5, 5-6, 6-1) xây tường làm mới cao 2,2m, dài 561,24 m.

*(Bản vẽ mặt bằng tổng thể chi tiết được đính kèm tại Phụ lục)*

### **1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Hằng ngày, người dân đến tham gia các hoạt động thể dục thể thao tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành như cầu lông, bóng chuyền, hoạt động Câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ, tổ chức các giải thi đấu thể thao trong nhà thi đấu và hoạt động thể dục thể thao ngoài trời như thể dục dưỡng sinh, tập luyện võ thuật và một số hoạt động khác trong khuôn viên nhà thi đấu,... hoặc Sân bóng đá huyện Châu Thành theo nhu cầu luyện tập thể dục thể thao của bản thân. Tại Nhà thi đấu đa năng và Sân bóng đá được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ nhu cầu tham gia hoạt động thể dục thể thao của người dân khu vực xung quanh Nhà thi đấu đa năng và Sân bóng đá huyện Châu Thành.



*Hình 3: Người dân đánh cầu lông tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành*

Trong quá trình hoạt động của người dân diễn ra tại Nhà thi đấu đa năng có phát sinh nước thải. Trong quá trình hoạt động của người dân diễn ra tại Sân bóng đá có phát sinh bụi nhưng phát sinh bụi với tần suất không liên tục và quy mô nhỏ nên không đáng kể.

### **1.3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành hoạt động trong lĩnh vực thể thao. Diện tích sàn sử dụng của Nhà thi đấu đa năng là 1.844,9 m<sup>2</sup>, diện tích của Sân bóng đá là khoảng 34.000 m<sup>2</sup>. Hiện tại, Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành mở cửa phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của người dân trên địa bàn huyện Châu Thành với lưu lượng ước tính 50 lượt người/ngày hoặc tổ chức các

giải thi đấu của các tổ chức có nhu cầu. Nhà thi đấu đa năng mở cửa miễn phí cho người dân có nhu cầu thực hiện các hoạt động thể dục thể thao vào ban ngày, riêng buổi tối có phụ thu đối với các hoạt động đánh cầu lông, bóng chuyền,... Chi phí phụ thu là 15.000 đồng/giờ/sân.

#### 1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

- Tại Sân bóng đá huyện Châu Thành không bố trí máy móc, thiết bị cho hoạt động của cơ sở. Riêng tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành có bố trí các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành được liệt kê theo bảng sau:

*Bảng 3: Máy móc, thiết bị tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành*

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
1	Trung tâm báo cháy 24V 8Zone	Bộ	01	Mới 100%
2	Đầu báo khói	Bộ	12	Mới 100%
3	Đầu báo Bearm	Bộ	03	Mới 100%
4	Nút nhấn khẩn 24VDC	Cái	04	Mới 100%
5	Chuông báo cháy 24VDC	Cái	04	Mới 100%
6	Đèn chiếu sáng sự cố 2x5W	Cái	08	Mới 100%
7	Đèn chiếu sáng thoát hiểm Exit	Cái	10	Mới 100%
8	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	Cái	02	Mới 100%
9	Bình chữa cháy khí CO <sub>2</sub> MT 5Kg	Bình	19	Mới 100%
10	Bình chữa cháy bột MFz 8kg	Bình	19	Mới 100%
11	Bình điện khô dự phòng 24VDC	Cái	01	Mới 100%
12	Thùng chứa bình chữa cháy loại 2 bình	Cái	19	Mới 100%
13	Máy bơm chữa cháy Diezel Q = 81 m <sup>3</sup> /h, H = 65 m	Cái	01	Mới 100%
14	Máy bơm chữa cháy điện Q = 81 m <sup>3</sup> /h, H = 65 m	Cái	01	Mới 100%
15	Tủ điều khiển máy bơm	Bộ	01	Mới 100%
16	Trụ chờ xe cứu hỏa	Trụ	01	Mới 100%
17	Trụ chữa cháy ngoài nhà	Trụ	04	Mới 100%
18	Tủ chữa cháy trong nhà (01 lãng B, 1 cuộn vòi, 1 ngàm B, 1 van, 1 hộp hợng	Bộ	04	Mới 100%
19	Tủ chữa cháy ngoài (2 lãng A, 2 cuộn vòi, 2 ngàm A)	Bộ	04	Mới 100%
20	Máy bơm sinh hoạt 1,5 Hp	Cái	01	Mới 100%
21	Chậu xí bệt 1 khối sứ + vòi xịt	Bộ	08	Mới 100%
22	Lavabo sứ + vòi rửa	Bộ	08	Mới 100%
23	Chậu tiểu nam treo tường có ấn nút xả	Bộ	04	Mới 100%



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
	nước			
24	Vòi sen tắm	Cái	08	Mới 100%
25	Bồn nước Inox 500L + Van phao	Bộ	02	Mới 100%
26	Bồn tự hoại nhựa chế tạo sẵn 2.0 m <sup>3</sup>	Cái	02	Mới 100%
27	Gương soi	Bộ	08	Mới 100%
28	Kệ kính	Bộ	08	Mới 100%
29	Giá treo inox	Bộ	08	Mới 100%
30	Hộp giấy	Bộ	08	Mới 100%
31	Hộp xà phòng	Bộ	08	Mới 100%
32	Đồng hồ đo lưu lượng	Bộ	01	Mới 100%
33	Máy bơm sinh hoạt 2 Hp	Cái	01	Mới 100%
34	Ghế nhà thi đấu nhựa tựa lưng thấp	Cái	288	Mới 100%

(Nguồn: Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành)

- **Nhu cầu về điện:** Điện năng tiêu thụ được tính toán trên cơ sở công suất của tất cả các máy móc, thiết bị và thời gian hoạt động của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành. Nguồn điện được sử dụng tại Nhà thi đấu đa năng chủ yếu là điện dùng để chiếu sáng, cung cấp cho các máy móc, thiết bị phục vụ cho quá trình hoạt động. Nhu cầu tiêu thụ điện bình quân vào khoảng 440 Kwh/tháng và nguồn điện được sử dụng từ mạng lưới điện Quốc gia. Riêng Sân bóng đá huyện Châu Thành chỉ phục vụ các hoạt động thể thao vào ban ngày, chủ yếu là bóng đá, không hoạt động vào ban đêm nên không có hoạt động nào cần cung cấp và sử dụng điện.

- **Nhu cầu về nước:** nguồn nước được sử dụng chủ yếu vào các hoạt động sinh hoạt của người dân đến tham gia các hoạt động thể dục thể thao tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành,... Nước được sử dụng cấp từ nước cấp thủy cục với lưu lượng trung bình khoảng 60 m<sup>3</sup>/tháng. Riêng Sân bóng đá huyện Châu Thành không có nhu cầu sử dụng nguồn nước cấp.

Bảng 4: Nhu cầu sử dụng nước theo tính toán của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Tiêu chuẩn dùng nước	Lượng nước (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
<b>I</b>	<b>Nhu cầu sử dụng nước hàng ngày</b>			<b>5,539</b>
1	Nhà/công trình công cộng, dịch vụ khác	1.844,9 m <sup>2</sup>	2,0 lít/m <sup>2</sup> sàn/ngày đêm <sup>(*)</sup>	3,690
2	Nước tưới cây	334 m <sup>2</sup>	3,0 lít/m <sup>2</sup> /ngày đêm <sup>(*)</sup>	1,002
3	Nước rửa đường	2.117,52 m <sup>2</sup>	0,4 lít/m <sup>2</sup> /ngày đêm <sup>(*)</sup>	0,847

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Tiêu chuẩn dùng nước	Lượng nước (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
II	Nhu cầu nước dự trữ PCCC			200

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

(\*) Tính toán theo mục 2.10.2 Nhu cầu sử dụng nước QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- **Nhu cầu sử dụng hóa chất cho công tác vệ sinh các nhà vệ sinh của Nhà thi đấu đa năng:** Hóa chất tẩy rửa, vệ sinh bồn cầu, sàn nhà. Cụ thể: Hóa chất rửa bồn cầu nhu cầu khoảng 0,2 lít/tháng, hóa chất lau sàn nhu cầu khoảng 1 lít/tháng). Các loại hóa chất này khi được sử dụng sẽ lựa chọn thương hiệu uy tín như Vim, Gift, Duck,...

## **Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

- Việc đầu tư xây dựng và xây dựng Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện và phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành.

- Vị trí xây dựng Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành được đầu tư trên đất công thuộc cấp huyện và Trung tâm phát triển Quỹ đất quản lý. Bên cạnh đó, vị trí xây dựng Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành đã được đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật như hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc hoàn chỉnh, giao thông nối liền đường nhựa nội bộ, đảm bảo điều kiện hoạt động của trung tâm, cung cấp vật liệu cũng như phòng cháy chữa cháy.

- Việc xây dựng Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác tổ chức các hội thi, hội thao của huyện Châu Thành và tạo sân chơi lành mạnh đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, đồng thời góp phần hoàn chỉnh các tiêu chí xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

- Nước thải không phát sinh tại Sân bóng đá huyện Châu Thành, chỉ phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành. Đồng thời tại khu vực hoạt động của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành chưa có quy hoạch phân vùng môi trường nên Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chưa có cơ sở để so sánh, đối chiếu sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường. Tuy nhiên, nước thải phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước công cộng phía trước dự án. Do đó, Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành phù hợp với các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước nguồn tiếp nhận.

- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội xung quanh cách ranh giới Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành khoảng 500m:

+ Về phía Đông Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành cách Sông Đa Lộc khoảng 150m.

+ Về phía Tây cách Ngân hàng Agribank chi nhánh Châu Thành 200m,



cách trường Sân bóng đá huyện Châu Thành khoảng 450m.

+ Về phía Nam, Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành có mặt tiền tiếp giáp đường tránh cống Đa Lộc, cách Tòa án nhân dân huyện Châu Thành khoảng 350m, cách Công an huyện Châu Thành 400m, cách Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Trà Vinh 430m, cách Trường Mầm non Tuổi Xanh 500m.

+ Về phía Bắc: tiếp giáp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Châu Thành, cách Huyện ủy Châu Thành 100m, cách Chợ Châu Thành 300m, cách Trung tâm Y tế huyện Châu Thành 480m.

+ Về phía Tây Bắc cách Trường THPT Vũ Đình Liệu 30m, cách Trường Tiểu học Thị trấn Châu Thành 100m, cách UBND Khóm 2 khoảng 200m, cách Bưu điện Châu Thành 330m, cách Chùa Hưng Long khoảng 500m.

- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội xung quanh cách ranh giới Sân bóng đá huyện Châu Thành khoảng 500m:

+ Về phía Đông, Sân bóng đá huyện Châu Thành cách Trường THPT Vũ Đình Liệu 400m, cách Huyện ủy Châu Thành và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Châu Thành 500m.

+ Về phía Tây cách Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực miền Nam khoảng 200m, cách Chi nhánh Công ty TNHH MTV Mỹ Nguyên Việt Nam khoảng 300m.

+ Về phía Nam, Sân bóng đá huyện Châu Thành cách Chùa Sóc Nách khoảng 300m.

+ Về phía Bắc: cách Chùa Hưng Long khoảng 200m.

+ Về phía Đông Bắc cách Trung tâm Y tế huyện Châu Thành 480m, cách Bưu điện Châu Thành 400m.

- Trong phạm vi bán kính khoảng 500 m xung quanh Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành chủ yếu là nhà ở của các hộ dân, các cơ quan làm việc, một số cơ sở sản xuất kinh doanh với quy mô nhỏ, trong khu vực không có các công trình trọng điểm như: khu bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử, văn hóa, khu nghỉ dưỡng,...

## **2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt**

Trong quá trình hoạt động của Sân bóng đá huyện Châu Thành không phát sinh nước thải nên không tiến hành đánh giá sức chịu tải của môi trường nước mặt đối với Sân bóng đá huyện Châu Thành.

Riêng Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành có hoạt động xả nước thải ra hệ thống thoát nước công cộng dọc theo đường tránh cống Đa Lộc. Như vậy nguồn tiếp nhận cuối cùng của nước thải phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành là môi trường nước mặt sông Đa Lộc. Do vậy, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao (đơn vị quản lý) phối hợp với đơn vị tư vấn Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tiến hành đánh giá sức chịu tải của môi trường nước mặt sông Đa Lộc để đảm bảo sự phù hợp của Nhà thi đấu đa năng đối với khả năng chịu tải của môi trường. Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Đặc trưng nguồn nước thải và hoạt động xả nước thải:

- **Các hoạt động phát sinh nước thải:** Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, người dân đến hoạt động tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.

- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý được dẫn ra hệ thống thoát nước công cộng dọc đường tránh cống Đa Lộc. Trong quá trình lập báo cáo, Trung tâm và đơn vị tư vấn đã tiến hành khảo sát thực tế và thu thập thông tin cho thấy, hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường của Trung tâm đã được đầu tư xây dựng đồng bộ, hạ tầng kỹ thuật thu gom nước thải và nước mưa của Trung tâm đã được xây dựng hoàn thiện và hoạt động ổn định.

- Theo số liệu sử dụng nước cấp hiện tại, lưu lượng nước cấp sử dụng cho tất cả các hoạt động bên trong Trung tâm là khoảng  $60\text{m}^3/\text{tháng}$  ( $\approx 02\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ).

+ Ước tính 100% lượng nước cấp sau sử dụng đều được thải ra bên ngoài, đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm thì lưu lượng xả nước thải trung bình của Trung tâm là  $Q_a = 02\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là lưu lượng sử dụng nước cấp theo tính toán (không bao gồm nước tưới cây, nước rửa đường) tại Bảng 4:  $Q_{\max} = 3,690\text{ m}^3/\text{ngày đêm} \approx 4\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  ( $4,63.10^{-5}\text{ m}^3/\text{s}$ ).

b) Đặc trưng nguồn tiếp nhận nước thải:

- **Điều kiện chế độ thủy văn:** Huyện Châu Thành chịu ảnh hưởng chủ yếu của chế độ thủy văn sông Cổ Chiên với các hệ thống sông rạch nhỏ đa dạng, có tổng chiều dài kênh cấp I khoảng 80 km và kênh cấp II khoảng 275 km, phân bố như sau:

- Sông Cổ Chiên: Là một trong ba nhánh sông lớn của sông Tiền, đi qua huyện Châu Thành dài khoảng 30 km và rẽ thành 02 nhánh bởi cù lao 02 xã Long Hòa và Hòa Minh sau đó đổ ra cửa Cung Hầu. Sông rộng trung bình từ 1,8 - 2,1 km và rất sâu với mặt cắt rộng, khả năng tích và thoát nước lớn.

- Sông Láng Thé - Ba Si, sông Song Lộc, sông Bãi Vàng, sông Giồng Lức (kênh Trà Vinh). Đây là hệ thống sông bắt nguồn từ sông Cổ Chiên có ảnh hưởng rất lớn đến việc cung cấp nguồn nước phục vụ sản xuất và giao thông thủy.

- Kênh Thống Nhất: Thông qua sông Song Lộc và sông Giồng Lức nối liền sông Hậu với sông Tiền (nhánh Cổ Chiên) rất thuận lợi cho việc vận chuyển, lưu thông hàng hóa.

- Ngoài ra huyện Châu Thành còn có nhiều kênh rạch lớn như: Kênh Tâm Phương, Thanh Nguyên, Đa Hòa,... thường xuyên cung cấp nước cho nội đồng và rửa phèn, mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp của huyện và các vùng lân cận.

Do nằm ven sông Cổ Chiên nên huyện Châu Thành chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều biển Đông (nước lên - xuống 2 lần/ngày), biên độ triều khá cao, nhất là các khu vực gần cửa sông. Vào mùa khô, triều cường và gió chướng đã đưa nước mặn xâm nhập vào nội đồng. Các cửa sông gần biển thì độ mặn càng cao. Do dự trữ nước nội đồng và nguồn bổ sung từ trên xuống, từ sông Hậu sang nên độ mặn giảm dần khi vào nội đồng.

*(Nguồn: Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Châu Thành – tỉnh Trà Vinh, 2022)*

#### **- Cơ sở lựa chọn và sự phù hợp của nguồn tiếp nhận nước thải**

+ Sông Đa Lộc cách Nhà thi đấu đa năng khoảng 150 m về phía Đông. Sông Đa Lộc thuộc địa phận huyện Châu Thành tổng chiều dài 11km, được xác định thành 01 đoạn sông trong quá trình đánh giá khả năng chịu tải.

+ Cơ sở lựa chọn Sông Đa Lộc làm nguồn tiếp nhận nước thải vì có vị trí gần điểm xả nước thải nhất, nguồn nước này được sử dụng cho mục đích tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và không có hoạt động khai thác nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ Theo Báo cáo tổng hợp dự án “Nghiên cứu đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và xả thải vào các nguồn tiếp nhận chính – Phân vùng khí thải tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” thì sông Đa Lộc (1 đoạn của Kênh Trà Vinh) có lưu lượng kiệt nhất dòng chảy nhỏ nhất là  $18 \text{ m}^3/\text{s}$ . Lưu lượng xả thải lớn nhất của Nhà thi đấu đa năng là  $4 \text{ m}^3/\text{ngày đêm tương đương } 4,63.10^{-5} \text{ m}^3/\text{s}$ ,

rất nhỏ so với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của sông Đa Lộc. Bên cạnh đó, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B). Do đó, việc xả thải của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành vào sông Đa Lộc không ảnh hưởng lớn đến lưu lượng, chất lượng cũng như mục đích sử dụng nguồn nước tiếp nhận.

**- Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước cụ thể như sau:**

+ Xác định mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt sông Đa Lộc dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp và không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Chất lượng nước sông Đa Lộc tương đối tốt, không có màu sắc lạ, không có mùi hôi thối, các thủy sinh vật phát triển bình thường và không có hiện tượng bất thường nào, nhiều loài cá phát triển mạnh trên đoạn kênh này.

+ Xác định thông số đánh giá: Các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được lựa chọn đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, QCVN 28:2010/BTNMT và các quy định hiện hành. Các thông số được lựa chọn cụ thể như sau: COD, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N, Tổng N, Tổng P. Tuy nhiên, theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B<sub>1</sub> không quy định giá trị giới hạn cho phép đối với thông số tổng N, tổng P, nên chỉ thực hiện đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của đoạn sông đối với 03 thông số là COD, BOD<sub>5</sub> và NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N.

+ Xác định phương pháp đánh giá: Đoạn sông cần đánh giá là đoạn sông Đa Lộc có các nguồn thải trực tiếp vào đoạn sông và không bị ảnh hưởng của thủy triều nên theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá gián tiếp. Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất gây ô nhiễm.

**📌 Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc bằng phương pháp đánh giá gián tiếp cụ thể được trình bày qua các bước như sau:**

(1) Công thức đánh giá:  $L_{tn} = (L_{td} - L_{mn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}$ .

Trong đó:

$L_{tn}$ : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

$L_{td}$ : tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư này, đơn vị tính là kg/ngày;

$L_{mn}$ : tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư này, đơn vị tính là kg/ngày;

$F_s$ : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại khoản 2 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lựa chọn giá trị tính là 0,7;

$L_{tt}$ : Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải và được xác định theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, đơn vị tính là kg/ngày;

$NP_{td}$ : Tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày. Giá trị  $NP_{td}$  phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

Như vậy, công thức xác định khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc bằng phương pháp đánh giá gián tiếp như sau:  $L_{tn} = (L_{td} - L_{mn} - L_{tt}) \times 0,7$ .

(2) Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt ( $L_{td}$ )

Công thức xác định:  $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$

+  $C_{qc}$ : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/L. Áp dụng, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B<sub>1</sub>.

+  $Q_s$ : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m<sup>3</sup>/s. Theo Báo cáo tổng hợp dự án “Nghiên cứu đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và xả thải vào các nguồn tiếp nhận chính – Phân vùng khí thải tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” thì sông Đa Lộc (1 đoạn của Kênh Trà Vinh) có lưu lượng kiệt nhất dòng chảy nhỏ nhất là 18 m<sup>3</sup>/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/L, m<sup>3</sup>/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

*Bảng 5: Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L<sub>td</sub>)*

STT	Thông số	C <sub>qc</sub> mg/l	Q <sub>s</sub> m <sup>3</sup> /s	Hệ số thứ nguyên	L <sub>td</sub> (kg/ngày)
1	TSS	50	18	86,4	77.760
2	BOD <sub>5</sub>	15	18	86,4	23.328
3	Amoni	0,9	18	86,4	1.399,7

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

(3) Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L<sub>mn</sub>)

- Công thức xác định:  $L_{mn} = C_{mn} \times Q_s \times 86,4$ . Trong đó:

+ C<sub>mn</sub>: kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/L;

+ Q<sub>s</sub>: Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m<sup>3</sup>/s. Lưu lượng dòng chảy tối thiểu của sông Đa Lộc là 18 m<sup>3</sup>/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/L, m<sup>3</sup>/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

- Nhằm có cơ sở tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước mặt sông Đa Lộc, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành đã phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường (đơn vị tư vấn) tiến hành lấy và thử nghiệm 03 mẫu nước mặt sông Đa Lộc với tần suất lấy mẫu 03 ngày/mẫu. Kết quả thử nghiệm nước mặt sông Đa Lộc và giá trị của C<sub>mn</sub> được tính trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích 03 mẫu nước mặt như sau:

*Bảng 6: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt sông Đa Lộc*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả Giá trị trung bình (ký hiệu: C <sub>mn</sub> )
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	TSS	mg/L	11,0	7,4	20,6	13,00
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	2,5	2,4	2,8	2,57
3	Amoni	mg/L	2,285	1,555	1,585	1,81

(Nguồn: Các phiếu kết quả thử nghiệm số 23160/KQTN-TTKT ngày 24/4/2023, 23164/KQTN-TTKT ngày 25/4/2023 và số 23166/KQTN-TTKT ngày 28/4/2023 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

- Như vậy tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước cụ thể như sau:

Bảng 7: Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước ( $L_{mn}$ )

STT	Thông số	$C_{mn}$ mg/L	$Q_s$ $m^3/s$	Hệ số thứ nguyên	$L_{mn}$ (kg/ngày)
1	TSS	13,00	18	86,4	20.217,6
2	BOD <sub>5</sub>	2,57	18	86,4	3.996,9
3	Amoni	1,81	18	86,4	2.814,9

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

(4) Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải ( $L_{tt}$ )

- Công thức xác định:  $L_{tt} = L_t + L_d + L_n$  Trong đó:

+  $L_t$ : Nguồn thải điểm, đơn vị tính là mg/L.

+  $L_d$ : Nguồn thải diện, đơn vị tính là mg/L.

+  $L_n$ : Nguồn thải tự nhiên, đơn vị tính là mg/L.

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đang trong quá trình tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”, dự kiến hoàn thành vào năm 2023.

Do đó, chưa có đủ số liệu, dữ liệu để xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nói chung và tại đoạn sông Đa Lộc nói riêng. Cho nên đơn vị tư vấn lựa chọn giá trị của  $L_d$  và  $L_n$  bằng 0 để tính toán và xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải.

Như vậy, công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải như sau:  $L_{tt} = L_t$

- Ngoài ra, theo kết quả khảo sát thực tế, các nguồn thải điểm cùng xả thải vào đoạn sông Đa Lộc (đoạn sông cần đánh giá), bao gồm:

+ Trung tâm Y tế huyện Châu Thành: Lưu lượng xả thải lớn nhất 36

$m^3/\text{ngày đêm}$  (tương đương  $4,17.10^{-4} m^3/s$ ).

+ Chợ Châu Thành: Lưu lượng xả thải lớn nhất  $10 m^3/\text{ngày}$  (tương đương  $1,16.10^{-4} m^3/s$ ).

Như vậy, tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải được tính toán bao gồm các nguồn chính như sau:

+ Nước thải từ Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành (ký hiệu:  $L_{t1}$ )

+ Nước thải Trung tâm y tế huyện Châu Thành (ký hiệu:  $L_{t2}$ )

+ Nước thải Chợ Châu Thành (ký hiệu:  $L_{t3}$ )

+ Công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải được viết lại như sau:  $L_{tt} = L_t = L_{t1} + L_{t2} + L_{t3}$

- Công thức xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm ( $L_t$ ):

$$L_t = C_t \times Q_t \times 86,4. \text{ Trong đó:}$$

+  $Q_t$ : Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là  $m^3/s$ .

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

+  $C_t$ : Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là  $mg/L$ .

- Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành ( $L_{t1}$ )

*Bảng 8: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành*

TT	Thông số	$C_{t1}$ mg/l	$Q_{t1}$ $m^3/s$	Hệ số thứ nguyên	$L_{t1}$ (kg/ngày)
1	TSS	120	$4,63.10^{-5}$	86,4	0,480
2	BOD <sub>5</sub>	60	$4,63.10^{-5}$	86,4	0,240
3	Amoni	12	$4,63.10^{-5}$	86,4	0,048

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

*Ghi chú:* Giá trị  $C_{t1}$  được tính theo giá trị tối đa cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B;  $K = 1,2$ ) do tại thời điểm lấy mẫu, Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành không phát sinh nước thải.

- Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ Trung tâm y tế huyện Châu Thành (ký hiệu:  $L_{t2}$ )



*Bảng 9: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ Trung tâm y tế huyện Châu Thành*

TT	Thông số	C <sub>t2</sub> (mg/l)	Q <sub>t2</sub> (m <sup>3</sup> /s)	Hệ số thứ nguyên	L <sub>t2</sub> (kg/ngày)
1	TSS	36	4,17.10 <sup>-4</sup>	86,4	1,297
2	BOD <sub>5</sub>	3	4,17.10 <sup>-4</sup>	86,4	0,108
3	Amoni	0,05	4,17.10 <sup>-4</sup>	86,4	0,002

(Nguồn: Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý Trung tâm y tế huyện Châu Thành đợt 4/2020)

- Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ Chợ Châu Thành (ký hiệu: L<sub>t3</sub>)

*Bảng 10: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải Chợ Châu Thành*

TT	Thông số	C <sub>t3</sub> (mg/l)	Q <sub>t2</sub> (m <sup>3</sup> /s)	Hệ số thứ nguyên	L <sub>t3</sub> (kg/ngày)
1	TSS	33	1,16.10 <sup>-4</sup>	86,4	0,331
2	BOD <sub>5</sub>	30	1,16.10 <sup>-4</sup>	86,4	0,301
3	Amoni	21,65	1,16.10 <sup>-4</sup>	86,4	0,217

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Châu Thành năm 2020)

Như vậy tải lượng thông số ô nhiễm có trong từng nguồn nước thải trên được tổng hợp như sau:

*Bảng 11: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ các nguồn thải lớn vào sông Đa Lộc*

TT	Thông số	L <sub>t1</sub>	L <sub>t2</sub>	L <sub>t3</sub>	L <sub>tt</sub> = L <sub>t1</sub> + L <sub>t2</sub> + L <sub>t3</sub>
		(kg/ngày)			
1	TSS	0,480	1,297	0,331	2,108
2	BOD <sub>5</sub>	0,240	0,108	0,301	0,649
3	Amoni	0,048	0,002	0,217	0,267

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc được tính theo công thức  $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times 0,7$ . Kết quả như sau:

*Bảng 12: Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Đa Lộc*

TT	Thông số	$L_{td}$ (kg/ngày)	$L_{nn}$ (kg/ngày)	$L_{tt}$ (kg/ngày)	$F_s$	$L_{tn}$ (kg/ngày)
1	TSS	77.760	20.217,6	2,108	0,7	40.278,20
2	BOD <sub>5</sub>	23.328	3.996,9	0,649	0,7	13.531,34
3	Amoni	1.399,7	2.814,9	0,267	0,7	-990,85

*(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)*

**Nhận xét:** Căn cứ vào bảng trên, cho thấy 02/03 ô nhiễm đặc trưng có giá trị  $L_{tn} > 0$  là TSS và BOD<sub>5</sub>, từ đó có thể kết luận nguồn nước mặt sông Đa Lộc có khả năng tiếp nhận 02/03 thông số đặc trưng được đánh giá của nước thải.

Nước thải phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành là nước thải sinh hoạt của người dân đến tham dự các hoạt động thể dục thể thao, lượng nước này chỉ phát sinh với lưu lượng rất thấp và đã được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. Bên cạnh đó, nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt sau xử lý của Nhà thi đấu đa năng được sử dụng cho mục đích tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và không có hoạt động khai thác nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nên hoạt động của Nhà thi đấu đa năng ảnh hưởng không đáng kể đến mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận.



### **Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

##### **3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

###### a. Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

- Lưu lượng phát sinh: Theo Handbook for Environment Engineering, 2005 thì lượng nước mưa lớn nhất theo ngày chảy tràn qua khu vực dự án được ước tính theo công thức:  $Q = C \cdot I \cdot A / 1.000$

+  $Q$ : Lưu lượng nước mưa chảy tràn cực đại ( $m^3$ /tháng);

+  $C$ : Hệ số chảy tràn ( $C = 0,6515$ );

+  $A$ : Diện tích thoát nước khu vực Nhà thi đấu đa năng ( $A = 4.498m^2$ );

+  $I$ : Lượng mưa cao nhất của tháng trong năm ( $mm$ /tháng).

- Lượng mưa trung bình tháng cao nhất được ghi nhận trong giai đoạn 05 năm gần đây vào năm 2021 với 135,5 mm/tháng.

Như vậy, lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất tại khu vực hoạt động của dự án là:  $Q_{\text{nước mưa}} = 397,08 m^3$ /tháng.

Tính chất nước mưa chảy tràn: Theo số liệu thống kê của WHO (1993) thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thông thường chứa khoảng 0,5 - 1,5 mgN/L; 0,004 - 0,03 mgP/L; 10 - 20mgCOD/L và 10 - 20mg TSS/L

**Biện pháp, công trình thu gom và thoát nước mưa chảy tràn:** Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành bao gồm các tuyến sau:

- Tuyến thu gom nước mưa từ mái Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành:

+ Máng sới hình chữ nhật nối với mái tol dọc phía sau Nhà thi đấu đa năng. Kích thước máng sới 525mm x 420mm, dài 54,8m, dày 1mm.

+ 10 ống thoát nước mưa bằng nhựa PVC Ø114 nối từ máng sới xuống tuyến thoát nước mưa xây dựng xung quanh khối nhà đi âm tường. Mỗi ống có chiều dài 12,1m.

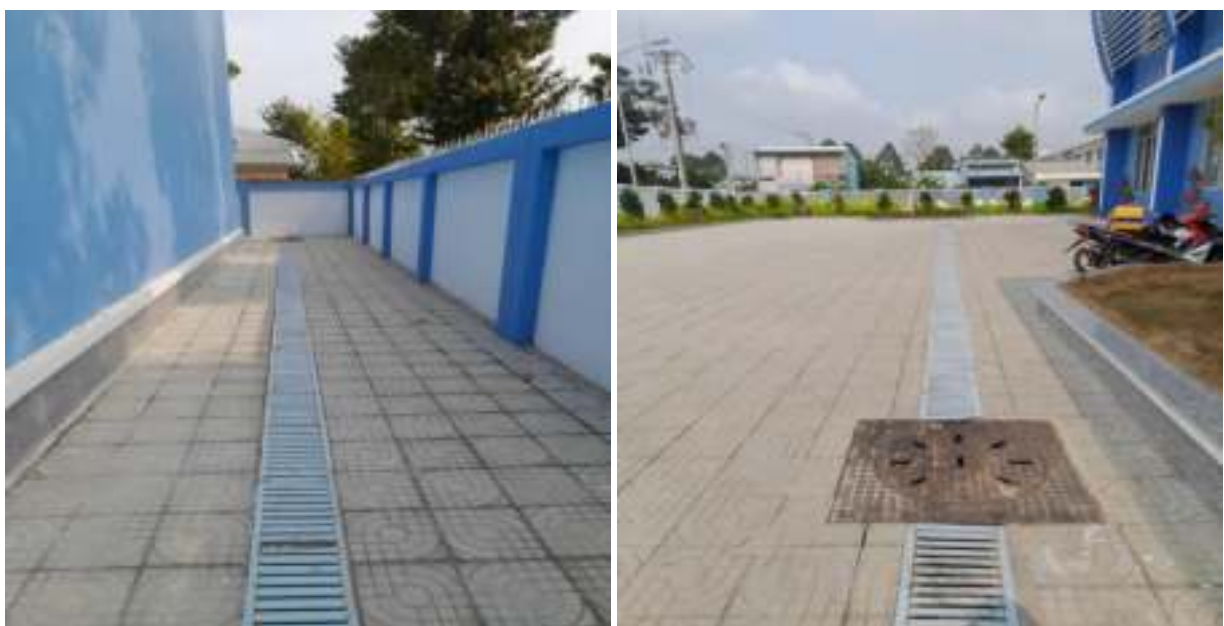


*Hình 5: Các ống thoát nước mưa Ø114 từ mái Nhà thi đấu đa năng*

- Tuyến thoát nước xây dựng xung quanh khối nhà bên trong cơ sở:

+ Hồ ga thu gom nước hình vuông kích thước 1.000mm x 1.000mm, sâu 660 - 1.260mm, tổng cộng có 11 hồ ga. Hồ được cấu tạo từ lớp bê tông đá 10 x 20, mác 250, dày 150. Nắp hồ ga dương khung vuông nắp tròn có kích thước 900mm x 900mm x 60mm, nắp có đường kính  $D = 700\text{mm}$ .

+ Rãnh hở rộng 300mm, sâu 360 - 660mm, dài 214m. Rãnh thoát nước được xây dựng bằng bê tông đá 10 x 20, mác 250, dày 100mm, độ dốc  $i = 0 - 3\%$ . Nắp rãnh thoát nước được cấu tạo từ đoạn thép dài 1m, đoạn thép này được bao quanh bởi các thanh thép V30 x 30 x 3, bên trong là các thanh thép la kích thước 30mm x 3mm x 240mm, các thanh được lắp đặt song song cách nhau 10mm.



*Hình 6: Tuyến thoát nước và hồ ga thoát nước chung của Nhà thi đấu đa năng*

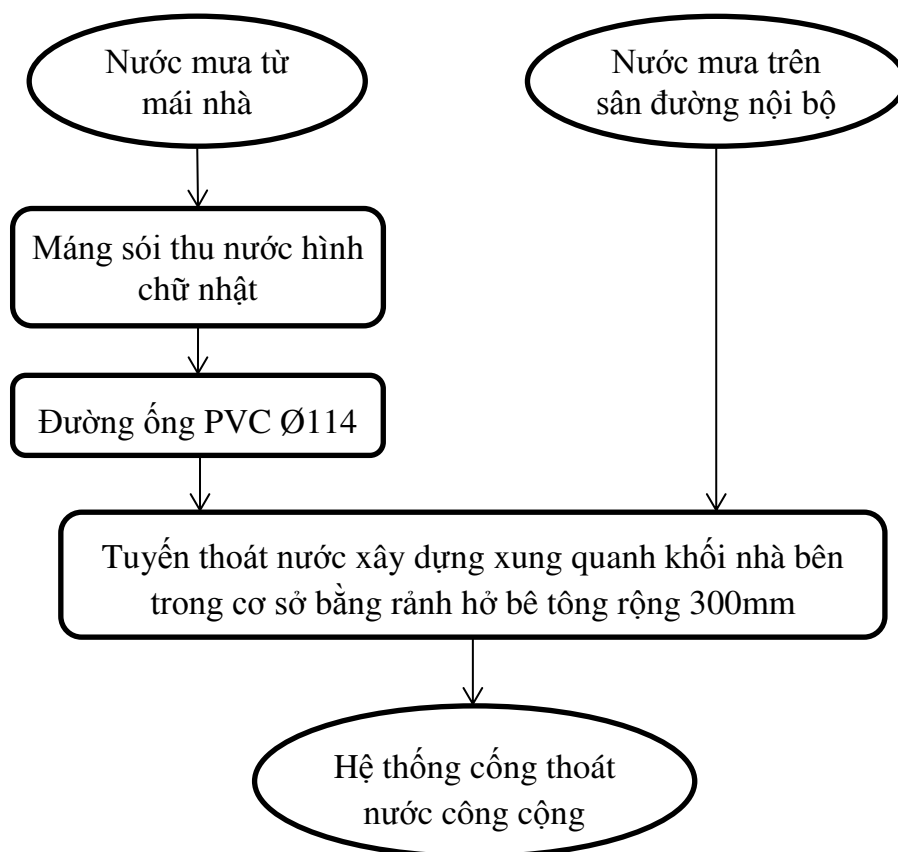


- Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ sẽ được đưa về các tuyến thoát nước xây dựng xung quanh khối nhà xây dựng bên trong cơ sở.

- Tuyến thoát nước này được đấu nối vào hệ thống thoát nước chung dọc theo đường tránh cống Đa Lộc bằng ống nhựa PVC Ø300 dày 10mm dài 13,0m để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

*(Bản vẽ mặt chi tiết đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo)*

Quá trình thu gom và tiêu thoát nước mưa chảy tràn tại Nhà thi đấu đa năng được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 7: Sơ đồ thu gom và tiêu thoát nước mưa chảy tràn của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

#### b. Sân bóng đá huyện Châu Thành

Do mặt bằng hiện trạng Sân bóng đá huyện Châu Thành có cấu tạo chủ yếu là đất cát, khả năng thấm cao, do vậy nước mưa chảy tràn sẽ được tự thấm xuống đất tại đây. Không tiến hành xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại Sân bóng đá huyện Châu Thành.

### **3.1.2. Thu gom, thoát nước thải**

Trong quá trình hoạt động của Sân bóng đá huyện Châu Thành không phát sinh nước thải nên trong Báo cáo này chỉ trình bày công trình thu gom và thoát nước thải của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành. Cụ thể như sau:

- **Nguồn phát sinh nước thải:** Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trong Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.

- **Công trình thu gom nước thải:** Hệ thống thu gom nước thải bao gồm hệ thống các ống PVC, các tuyến ống dẫn nước thải này đều được lắp đặt nằm bên dưới mặt đất cách sàn Nhà thi đấu đa năng -1,0m.

+ Nước thải từ các lavabo, vòi rửa và vòi sen trong các nhà vệ sinh được thu gom và thoát ra hệ thống thoát nước chung của cơ sở. Hệ thống thu gom nước này bao gồm ống PVC Ø34 dày 2,0mm dài 7,2m, ống PVC Ø90 dày 5,0mm dài 30,6m.

+ Nước thải từ chậu tiểu nam treo tường và bồn cầu trong các nhà vệ sinh được thu gom và đưa vào 02 bể tự hoại nhựa trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của cơ sở. Hệ thống thu gom trước bể tự hoại nhựa bao gồm ống PVC Ø34 dày 2,0mm dài 6,8m, PVC Ø114 dày 7,0mm dài 26,4m. Nước thải sau 02 bể tự hoại nhựa thoát ra hệ thống thoát nước chung của cơ sở là hệ thống ống PVC Ø90 dày 5,0mm dài 7,8m (02 ống PVC, mỗi ống dài 3,9m).

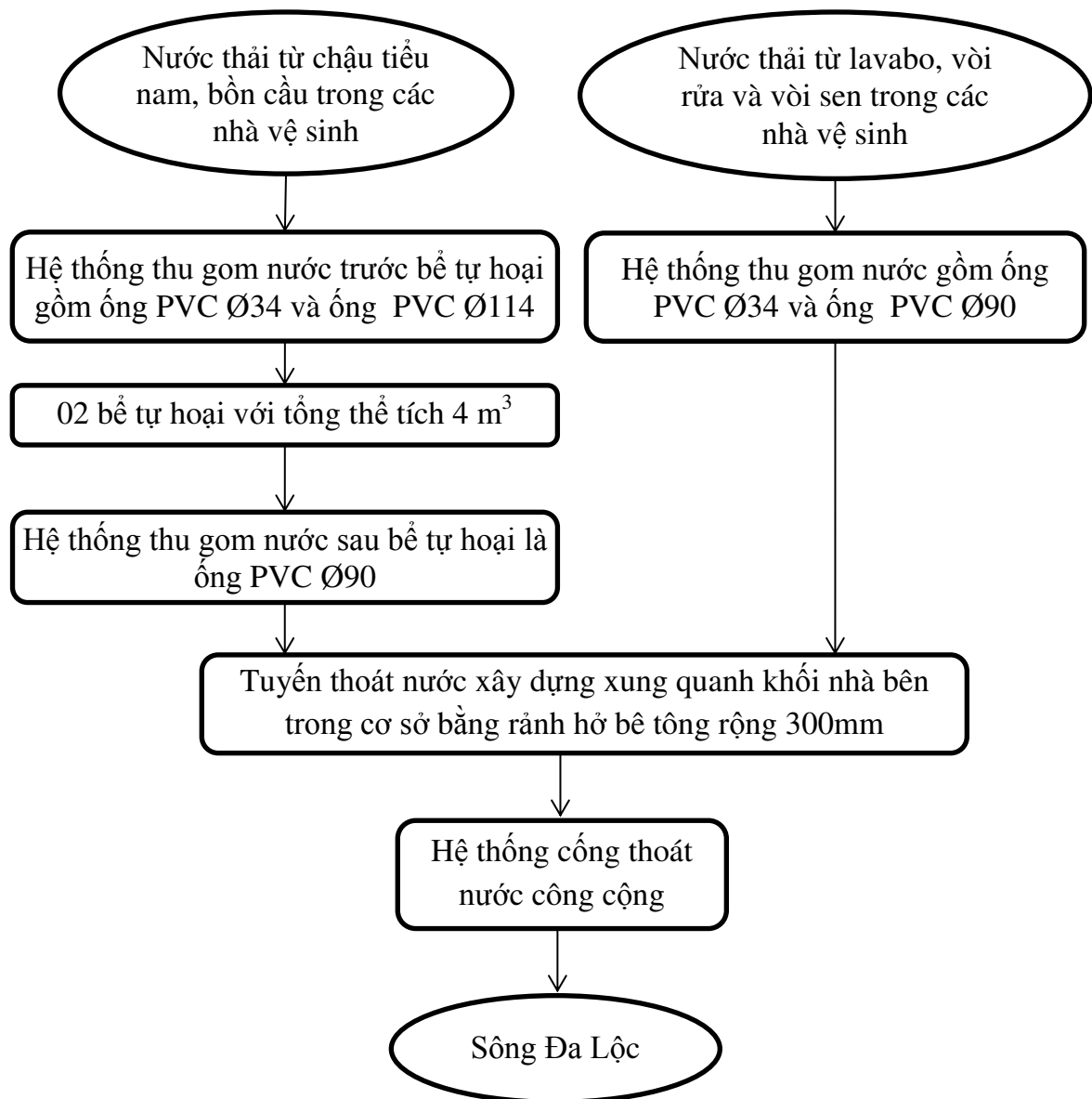
- **Công trình thoát nước thải:** nước thải theo hệ thống thoát nước chung của cơ sở thoát ra hệ thống thoát nước chung dọc đường tránh cống Đa Lộc trước khi chảy vào sông Đa Lộc.

+ Vị trí xả nước thải: Hồ ga của hệ thống công thoát nước công cộng dọc đường tránh cống Đa Lộc được lắp đặt phía trước Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành, thuộc Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ: X = 1091445; Y = 593010 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

+ Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt, ven bờ.

+ Chế độ xả thải: xả thải liên tục 24 giờ/ngày đêm.

*(Bản vẽ mặt bằng tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước đính kèm Phụ lục của Báo cáo).*

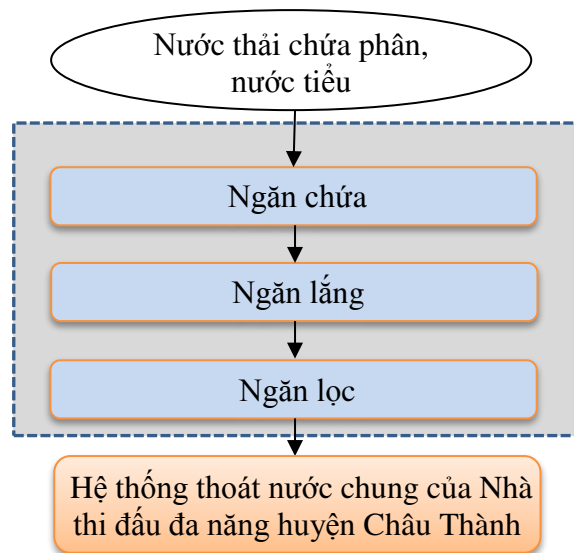


Hình 8: Sơ đồ thu gom và xả nước thải sinh hoạt của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

### 3.1.3. Xử lý nước thải

Trong quá trình hoạt động của Sân bóng đá huyện Châu Thành không phát sinh nước thải nên trong Báo cáo này chỉ trình bày công trình xử lý nước thải của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành. Nhằm thu gom và xử lý tốt lượng nước thải phát sinh, Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành đã bố trí xây dựng hai bể tự hoại nhựa được chế tạo sẵn thể tích mỗi bể tự hoại là 02 m<sup>3</sup>.





Hình 9: Quy trình xử lý nước thải bằng bể tự hoại nhựa được chế tạo sẵn

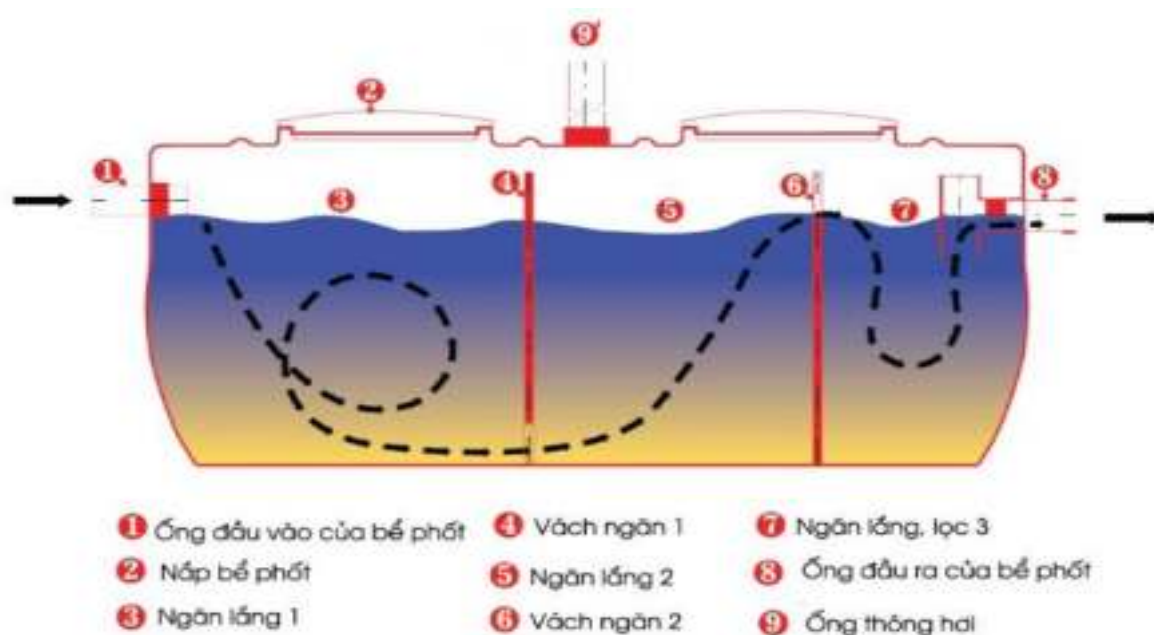
**Thuyết minh quy trình:**

+ Bể tự hoại 3 ngăn có dạng hình chữ nhật, được cấu tạo bằng nhựa với tổng thể tích 02m<sup>3</sup>. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và BOD là 60 - 65%.

+ Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải.

+ Nước thải tiếp tục theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo, ... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>,...).

+ Nước thải tiếp tục chảy sang ngăn thứ ba để lọc toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải bằng sạn sỏi. Nước thải sau bể tự hoại đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.



Hình 10: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại nhựa được chế tạo sẵn

### 3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

#### 3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

Tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn sau:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông của người dân đến tham gia các hoạt động thể dục thể thao và có thành phần chủ yếu: bụi,  $SO_2$ ,  $NO_2$ , CO,  $CO_2$ ...

- Mùi hôi từ nước thải và rác thải phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng.

Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành đã áp dụng một số biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí do bụi và khí thải tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành, cụ thể như sau:

##### a. Giảm thiểu ô nhiễm do khí thải của các phương tiện vận chuyển

- Định kỳ vệ sinh sân bãi, phun nước tạo độ ẩm hạn chế bụi phát tán vào môi trường không khí.

- Bố trí cây xanh xung quanh khuôn viên Nhà thi đấu đa năng.

- Trang bị đầy đủ các các dụng cụ trang thiết và hệ thống quạt trần thông gió, cửa sổ, hệ thống thông khí bên trong Nhà thi đấu đa năng.

##### b. Giảm thiểu mùi từ nước thải và từ rác thải

- Việc phát sinh mùi hôi từ nước thải là không đáng kể, do nước thải đã được xử lý bằng hầm tự hoại.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được cho vào thùng chứa rác được ghi chú rõ ràng theo từng loại, nhằm hạn chế nước rỉ rác ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và phát sinh mùi hôi. Bố trí nhân viên theo thực hiện thu gom và đưa ra vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt trên đường tránh cống Đa Lộc để đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực thị trấn Châu Thành tiến hành thu gom và xử lý.

### ***3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại Sân bóng đá huyện Châu Thành***

Do khu vực Sân bóng đá huyện Châu Thành có diện tích lớn (khoảng 34.000 m<sup>2</sup>). Các hoạt động thể dục thể thao thường chỉ diễn ra với quy mô nhỏ và tần suất không liên tục. Đồng thời tại bề mặt Sân bóng đá được bao phủ bởi các loại cỏ, khả năng phát sinh bụi và khí thải tại Sân bóng đá kể cả trong mùa khô là rất thấp và không đáng kể.

- Tại Sân bóng đá huyện Châu Thành, hầu như không có nguồn ồn nào đáng kể, tiếng ồn phát sinh chủ yếu là do giao tiếp giữa người dân đến tham gia các hoạt động thể dục thể thao, và các phương tiện giao thông của người dân. Tuy nhiên với các nguồn phát sinh trên thì tiếng ồn hầu như không ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh và các đối tượng lân cận.

### **3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

Tại Sân bóng đá huyện Châu Thành có hoạt động sinh hoạt thể dục thể thao của người dân khu vực, tuy nhiên thời gian hoạt động này khá ngắn và diễn ra không liên tục nên không áp dụng các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường tại đây. Trong trường hợp tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Sân vận động, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành sẽ bố trí một số thùng chứa rác tạm thời tại khu vực tổ chức giải thi đấu. Sau khi giải thi đấu thể thao kết thúc, đơn vị tổ chức giải thi đấu và Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao sẽ tiến hành công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong thời gian diễn ra hoạt động, đưa ra thùng rác được bố trí trên lề đường 30 tháng 4 phía trước Sân bóng đá để đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực thị trấn Châu Thành tiến hành thu gom và xử lý.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành chủ yếu là: giấy, bọc nylon, chai nhựa, thức ăn thừa,... phát sinh từ nhu cầu sinh hoạt của nhân viên và người dân đến tham gia các hoạt động thể dục thể thao tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.

Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 0,3 kg/người/ngày, với số lượt người dân đến Nhà thi đấu khoảng 50 người/ngày thì lượng rác phát sinh là khoảng 15 kg/ngày.

Với sức chứa tối đa 450 chỗ ngồi thì khi cao điểm diễn ra các giải thi đấu thể dục thể thao hoặc hội thao, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là 135 kg/ngày.

Trung tâm tiến hành thu gom chất thải loại này bằng cách đặt thùng rác đựng chất thải rắn thông thường tại khu vực bên trong và bên ngoài Nhà thi đấu đa năng. Hiện tại Trung tâm đã bố trí 05 sọt nhựa kích thước 34 x 34 x 38 cm có lót túi ni lông màu đen tại khu vực bên trong nhà thi đấu và 02 thùng chứa rác sinh hoạt màu xanh bên ngoài khối nhà xây dựng.



*Hình 11: Thùng chứa CTR thông thường tại Nhà thi đấu đa năng*

Hiện tại đơn vị tiến hành thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực thị trấn Châu Thành là Hợp tác xã Xây dựng - Môi trường Trà Vinh. Đơn vị này sẽ thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.

### **3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại chỉ phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành, không phát sinh tại Sân bóng đá huyện Châu Thành. Do vậy, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành chỉ áp dụng các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành. Chất thải nguy hại chỉ phát sinh tại đây bao gồm các loại giẻ lau dính dầu nhớt trong quá trình bảo trì các trang thiết bị, bóng đèn huỳnh quang hỏng. Lượng chất thải này phát sinh rất ít với khối lượng ước tính khoảng 02 kg/năm. Tại thời

điểm lập Báo cáo, Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành không phát sinh chất thải nguy hại.

*Bảng 13: Thống kê chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành*

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	01	Lưu giữ trong kho đến khi khối lượng đủ lớn,	-	0
Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	01	hợp đồng đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý	-	0
<b>Tổng số lượng</b>		02			0

*(Nguồn: Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành)*

Khi chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn tập trung vào khu vực nhất định. Định kỳ hằng năm Trung tâm sẽ báo cáo số lượng phát sinh gửi về cơ quan quản lý. Khi khối lượng đủ lớn sẽ thuê đơn vị chức năng thu gom và xử lý đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Do Sân bóng đá huyện Châu Thành có diện tích khá lớn (khoảng 34.000m<sup>2</sup>) cùng với việc các hoạt động thể thao diễn ra tại đây với tần suất không liên tục nên tiếng ồn, độ rung phát sinh tại Sân bóng đá huyện Châu Thành là không đáng kể.

Tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành phát sinh tiếng ồn do hoạt động giao tiếp giữa người với người đến tham dự các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động của máy bơm nước. Tuy nhiên tiếng ồn chỉ phát sinh khu vực bên trong Nhà thi đấu, không ảnh hưởng nhiều đến môi trường bên ngoài. Biện pháp hạn chế tiếng ồn và độ rung phát sinh cụ thể như sau:

- Các máy bơm công suất lớn được đặt ở trong phòng kín, thường xuyên được công nhân phụ trách kiểm tra, có chế độ bảo trì khi cần thiết.

- Ngoài ra, hệ thống cây xanh trong khuôn viên Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành ngoài việc tạo cảnh quan, giảm khả năng phát tán bụi, cây xanh còn có tác dụng làm giảm tiếng ồn đáng kể.



*Hình 12: Nhà bao che máy bơm công suất lớn và cây xanh trong khuôn viên Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành*

- Tại Nhà thi đấu đa năng hầu như không có nguồn ồn nào đáng kể, tiếng ồn phát sinh chủ yếu là do giao tiếp giữa người dân đến tham gia hoạt động thể dục thể thao, cán bộ nhân viên của Trung tâm và các phương tiện giao thông trên đường tránh cống Đa Lộc. Tuy nhiên với các nguồn phát sinh trên thì tiếng ồn hầu như không ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh và các đối tượng lân cận cơ sở.

### **3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

*Các biện pháp phòng chống cháy nổ:*

- Lắp đặt hệ thống chống sét, cho các vị trí cao của dự án.
- Huấn luyện thường xuyên cho cán bộ công nhân viên làm việc tại Nhà thi đấu đa năng nhằm duy trì khả năng giải quyết tại chỗ.
- Tại các khu vực bên trong Nhà thi đấu đa năng, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng.
- Cán bộ, nhân viên, người dân đến hoạt động tại Nhà thi đấu không được hút thuốc, không mang các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực có thể gây cháy.
- Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành đã xây dựng hoàn thiện hệ thống cấp nước cứu hỏa.
- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.





*Hình 13: Hệ thống phòng cháy chữa cháy bên trong và bên ngoài Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành*

## Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trong Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 04 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải 04 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải:

Bảng 14: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt (Cột B, hệ số K = 1,2)

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,2)
1	pH	-	5 – 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/l	12
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (Tính theo N)	mg/l	60
8	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (Tính theo P)	mg/l	12
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
10	Tổng coliforms	MPN/100mL	5.000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,2))

- Vị trí xả thải: Hồ ga của hệ thống cống thoát nước công cộng dọc đường tránh cống Đa Lộc được lắp đặt phía trước Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành, thuộc Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ: X = 1091445; Y = 593010 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.



- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Đa Lộc.

#### **4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải: không có**

Nguồn phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành có mức độ tác động đến môi trường xung quanh không đáng kể.

#### **4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn: không có**

Nguồn phát sinh tiếng ồn trong quá trình hoạt động của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành có mức độ tác động đến môi trường xung quanh không đáng kể.

## Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Do Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành vừa mới hoàn thành công tác xây dựng và đưa vào hoạt động từ tháng 12/2022. Bên cạnh đó, tại Sân bóng đá huyện Châu Thành không phát sinh nước thải và khí thải và tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành chỉ phát sinh nước thải thực tế với lưu lượng trung bình khoảng 02 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Riêng tại thời điểm lập báo cáo, Nhà thi đấu đa năng không phát sinh nước thải.

Để xác định chất lượng môi trường khu vực xung quanh Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành đã kết hợp cùng Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường (đơn vị tư vấn) tiến hành lấy mẫu không khí xung quanh cụ thể như sau:

- Lấy và thử nghiệm 01 mẫu không khí xung quanh khu vực phía trước cổng chính Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành vào ngày 14/4/2023, kí hiệu mẫu KK<sub>1</sub>. Kết quả quan trắc được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 15: Kết quả quan trắc không khí xung quanh trước cổng chính Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	58,2	70 <sup>(*)</sup>
2	Bụi lơ lửng	µg/m <sup>3</sup>	196	300
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	9,3	350
4	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	4,0	200
5	CO	µg/m <sup>3</sup>	KPH (LOD = 3.500)	30.000

(Nguồn: Phiếu KQTN số 23162/KQTN-TTKT ngày 24/4/2023 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

### Ghi chú:

+ <sup>(\*)</sup> QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ KPH: Không phát hiện; LOD = Giới hạn phát hiện.

**Nhận xét:** Theo bảng kết quả phân tích trên cho thấy tất cả các thông số tại vị trí quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT. Đồng thời, thông số tiếng ồn cũng có giá trị nằm

trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy, môi trường không khí tại khu vực Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành có chất lượng tốt.

- Lấy và thử nghiệm 01 mẫu không khí xung quanh khu vực phía trước cổng Sân bóng đá huyện Châu Thành vào ngày 14/4/2023, kí hiệu mẫu KK<sub>2</sub>. Kết quả quan trắc được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 16: Kết quả quan trắc không khí xung quanh trước cổng Sân bóng đá huyện Châu Thành*

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	60,6	70 <sup>(*)</sup>
2	Bụi lơ lửng	µg/m <sup>3</sup>	47	300
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	10,0	350
4	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	KPH (LOD = 3,0)	200
5	CO	µg/m <sup>3</sup>	KPH (LOD = 3.500)	30.000

(Nguồn: Phiếu KQTN số 23163/KQTN-TTKT ngày 24/4/2023 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

Ghi chú:

- (\*) QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- KPH: Không phát hiện; LOD = Giới hạn phát hiện.

- **Nhận xét:** Theo bảng kết quả phân tích trên cho thấy tất cả các thông số quan trắc trước Sân bóng đá huyện Châu Thành đều có giá trị nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT. Thông số tiếng ồn cũng có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy, môi trường không khí tại Sân bóng đá huyện Châu Thành có chất lượng tốt.

⇒ Kết quả quan trắc cho thấy hoạt động của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành không làm ảnh hưởng đến chất lượng không khí khu vực xung quanh.

## **Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải**

Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành đã đi vào hoạt động từ tháng 12/2022. Tại đây có nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng ít (trung bình 02 m<sup>3</sup>/ngày đêm) và được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dạng hộp khối, âm dưới lòng đất, nước sau bể tự hoại thoát bằng hệ thống đường ống ngầm kín và đường ống hở được trám bằng xi măng. Do vậy, cơ sở không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

### **6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

#### ***6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ***

- Căn cứ Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Căn cứ theo tình hình hoạt động thực tế của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành. Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành xin đề xuất không thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành.

#### ***6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải***

Căn cứ Khoản 2 Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục XXVIII, Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành không thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

## **Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Tính đến thời điểm lập báo cáo, Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành không có đợt thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 02 cơ sở trên. Do vậy, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành không tiến hành báo cáo tại nội dung này.

### **Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành xin cam kết:

- Cam kết đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành và Sân bóng đá huyện Châu Thành nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, áp dụng hệ số K =1,2) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là hệ thống cống thoát nước công cộng dọc đường tránh cống Đa Lộc đối với nước thải phát sinh tại Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.

+ Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại được quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

- Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã được đề xuất.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của thông tin trình bày trong toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường này của cơ sở. Kính đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường xem xét, phê duyệt./.

# PHỤ LỤC

Số: 165/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 28 tháng 12 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc chuyển chức năng sự nghiệp văn hóa, thể thao của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành vào Đài Truyền thanh huyện Châu Thành và đổi tên Đài Truyền thanh huyện Châu Thành thành Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành;

Xét đề nghị của Trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện tại Tờ trình số 565/Tr-CQTC-NV ngày 28/12/2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện, Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- Sở VH, TT & DL (b/c);
- Sở TT & TT (b/c);
- Đài PT & TH TV (b/c);
- TT HU, TT HĐND huyện (b/c);
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, NCNC;
- Lưu: VT. *17/6*



**Nguyễn Trọng Nhân**

## QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 165/QĐ-UBND  
ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.
2. Quy định này áp dụng đối với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định.

#### 2. Chức năng:

a) Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện.

b) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch ở cơ sở.

c) Tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thông tin, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của Nhân dân trên địa bàn huyện.



## Chương II

# NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ CỦA TRUNG TÂM

### Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Căn cứ chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của huyện để xây dựng kế hoạch hoạt động, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.
2. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, đọc sách, báo, giải trí, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật.
3. Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao; hướng dẫn kỹ thuật, phương pháp, điều kiện tập luyện cho các tổ chức và cá nhân.
4. Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao đối với cơ sở theo phân cấp quản lý.
5. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn nghệ, thể dục - thể thao.
6. Sưu tầm, bảo tồn và hướng dẫn các loại hình nghệ thuật dân gian, các môn thể thao truyền thống.
7. Tổ chức các hoạt động tác nghiệp chuyên môn, các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao và các hoạt động dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn huyện đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Trung tâm.
8. Tổ chức các hoạt động của Thư viện và Nhà truyền thống theo quy định.
9. Hợp tác, giao lưu, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài huyện.
10. Sản xuất và phát sóng các chương trình truyền thanh trên hệ thống loa truyền thanh, thiết bị phát sóng phát thanh được trang bị nhằm tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tập trung vào sự chi đạo, điều hành của huyện, các hoạt động tại cơ sở, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác an ninh, trật tự, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến đến Nhân dân theo quy định của pháp luật.
11. Tiếp sóng và phát sóng các chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh phục vụ nhu cầu tiếp nhận thông tin của Nhân dân theo quy định của pháp luật.
12. Trực tiếp quản lý hệ thống kỹ thuật chuyên ngành để thực hiện việc tiếp sóng, phát sóng các chương trình phát thanh theo quy định của pháp luật.



13. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh.

14. Quản lý, vận hành đài phát sóng phát thanh trên địa bàn theo sự phân công. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật đối với Trạm Truyền thanh xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

15. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ do cơ quan cấp trên tổ chức. Tổ chức hoạt động thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý, sử dụng viên chức, người lao động, tài sản, ngân sách và nguồn thu từ dịch vụ (nếu có); thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao.

#### **Điều 4. Cơ cấu tổ chức**

1. Lãnh đạo Trung tâm:

a) Trung tâm có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

b) Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Phó Giám đốc Trung tâm là người giúp Giám đốc Trung tâm chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Trung tâm vắng mặt, một Phó Giám đốc Trung tâm được Giám đốc Trung tâm ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Trung tâm.

d) Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định.

đ) Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật;

2. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Tổ Hành chính - Tổng hợp.

b) Tổ nghiệp vụ Văn hóa - Thông tin và Thể thao.



Ngoài các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ nêu trên, Trung tâm còn có các Câu lạc bộ trực thuộc và chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các Tổ nghiệp vụ (các Câu lạc bộ tự đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động).

#### **Điều 5. Số lượng người làm việc**

Số lượng người làm việc của Trung tâm được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao hàng năm trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ Đề án vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy định về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, Giám đốc Trung tâm: Đề xuất Ủy ban nhân dân huyện quyết định số lượng người làm việc theo vị trí việc làm; xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế thuộc Trung tâm (số lượng người làm việc đến năm 2021 giảm ít nhất 10% so với số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2015).

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Giám đốc Trung tâm**

1. Ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm (sau khi có văn bản trao đổi thống nhất với Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện).

2. Sắp xếp, bố trí số lượng người làm việc của các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm; phân công nhiệm vụ cụ thể đối với viên chức và người lao động phù hợp với trình độ, năng lực nhằm hoàn thành và đạt hiệu quả cao công việc được giao.

3. Ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (qua Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện) xem xét bổ sung, sửa đổi Quy định này cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Nhân**



Số: 102/QĐ-BQL

Châu Thành, ngày 26 tháng 5 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình:  
Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

### BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt dự án: Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt danh mục và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Căn cứ Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành do Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long lập tháng 5/2021 và Báo cáo thẩm tra số 06/KQTTTKDT-4.0.2021 của Công ty Cổ phần tư vấn đấu thầu 4.0;

Căn cứ Thông báo số 75/PKTHT-TĐ ngày 25/5/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Căn cứ Thông báo số 33/BCTĐ-BQL ngày 25/5/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành về việc thông báo kết quả thẩm định



- + Diện tích kho: 113,6m<sup>2</sup>
- + Diện tích hành lan+ sảnh: 240m<sup>2</sup>
- + Khán đài : 272 ghế
- Hạng mục: San lấp mặt bằng - tổng khối lượng 2.863,1m<sup>3</sup>.
- Hạng mục: Hàng rào xây tường - tổng chiều dài 126,6md.
- Hạng mục: Hàng rào ô hoa, cổng – tổng chiều dài 133,96md.
- Hạng mục: Sân đường + HTTN + cây xanh – tổng diện tích 2.119,7m<sup>2</sup>
- Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy toàn khu.
- Hạng mục: Chiếu sáng điện toàn khu.
- Hệ thống cấp nước tổng thể diện tích toàn khu.
- Trạm hạ thế 3\*50KVA: 01 trạm.

**9.2. Chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế:**

- Giải pháp kỹ thuật của các hạng mục nêu trên thực hiện theo Công văn số 75/PKTHT-TĐ ngày 25/5/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

- Thiết bị công nghệ: Không.
- Phương án GPMB, tái định cư: Không có.

**10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:** từ 20 năm trở lên.

**11. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí:** 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng).

\* Trong đó:

- Chi phí xây dựng	: 28.369.390.537 đồng;
- Chi phí thiết bị	: 0 đồng;
- Chi phí QLDA	: 523.921.295 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 2.492.443.198 đồng;
- Chi phí khác	: 507.427.660 đồng;
- Chi phí dự phòng	: 106.827.310 đồng.

**12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:** Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng Theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hưng Long lập.

**13. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

**14. Hình thức quản lý dự án:** Theo quy định Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính Phủ.



Số: 1313 /QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 19 tháng 11 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình:  
Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 110/TTr-PKTHT ngày 18/11/2020 (kèm theo Báo cáo số 32/BQL ngày 18/11/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện).

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành, với các nội dung như sau:



**1. Tên công trình:** Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.

**2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.

**3. Mục tiêu đầu tư:** Nhằm giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác tổ chức các hội thi, hội thao của huyện và tạo sân chơi lành mạnh đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất; đồng thời góp phần hoàn chỉnh các tiêu chí xây dựng huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

**4. Quy mô đầu tư:**

- Hạng mục: Nhà thi đấu đa năng diện tích 1.844,90m<sup>2</sup>.
- Hạng mục: Sàn lắp mặt bằng: tổng khối lượng: 5.063,52m<sup>3</sup>.
- Hạng mục: Hàng rào xây tường: tổng chiều dài: 135,80m.
- Hạng mục: Hàng rào ô hoa, cổng: tổng chiều dài: 142,00m.
- Hạng mục: Sân đường + HTTN + cây xanh diện tích 2.451,53m<sup>2</sup>.
- Hạng mục: PCCC toàn khu diện tích toàn khu.
- Hạng mục: Chiếu sáng diện tích toàn khu.
- Hạng mục: Hệ thống cấp nước tổng thể diện tích toàn khu.
- Hạng mục: Trạm hạ thế 3x50KVA: 01 trạm.

**5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long.

**6. Chủ nhiệm lập dự án:** KTS. Huỳnh Công Phong

**7. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**8. Diện tích sử dụng đất:** Tổng diện tích khu đất 4.498m<sup>2</sup>.

**9. Nhóm dự án và loại, cấp công trình:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại và cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

**10. Số bước thiết kế:** 02 bước.

**11. Phương án xây dựng:** Giải pháp thiết kế cơ sở thực hiện theo Kết quả thẩm định tại Công văn số 255/PKTHT-TĐDA ngày 18/11/2020 của Trường Phòng Kinh tế và Hạ tầng và hồ sơ dự án.

**12. Phương án GPMB, tái định cư:** Không có.

**13. Tổng mức đầu tư: 32.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng).**

\* Trong đó:

- |                    |                |      |
|--------------------|----------------|------|
| - Chi phí xây dựng | 26.595.182.900 | đồng |
| - Chi phí QLDA     | 523.921.295    | đồng |

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.413.054.271 đồng
- Chi phí khác	445.613.038 đồng
- Chi phí dự phòng	2.022.228.496 đồng

**14. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

**15. Hình thức quản lý dự án:** Theo quy định Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.

**16. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2021 - 2023.

**Điều 2.** Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành chịu trách nhiệm trực tiếp về quy mô hiệu quả của dự án, quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, yêu cầu, tổ chức thực hiện đạt tiêu chuẩn, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật của từng hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Thạch Thị Sa Thy**



**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư đầu tư dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-BQL ngày 26/5/2021 của Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành;

Xét Tờ trình số 31/TTr-PTCKH ngày 24/02/2022 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với các nội dung như sau:

- **Tên công trình:** Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành.
- **Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.
- **Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành.
- **Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):**
  - Thời gian khởi công: 15/7/2021 (theo hợp đồng thi công xây dựng).
  - Thời gian hoàn thành: 30/6/2022 (theo biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng).

**Điều 2.** Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

*DVT: Đồng*

Stt	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán
1	2	3	4
	Tổng số	32.000.000.000	29.923.341.679
1	Xây dựng	28.369.390.537	27.155.420.696
2	Quản lý dự án	523.921.295	504.012.286
3	Tư vấn	2.492.443.198	2.103.839.367
4	Chi phí khác	507.427.660	160.069.330
5	Dự phòng	106.817.310	

2. Nguồn vốn đầu tư:

*DVT: Đồng*

Stt	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Thực hiện			
			Giá trị đề nghị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn thu hồi so giá trị đề nghị QT



1	2	3	4	5	6=4-5	7=6-4
1	<b>Tổng số</b>	32.000.000.000	29.923.341.679	29.244.049.597	679.292.082	0
1.1	Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí nông thôn mới	32.000.000.000	29.923.341.679	29.244.049.597	679.292.082	0

### 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

*DVT: Đồng*

Stt	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
	1	2	3	4	5
	<b>Tổng số</b>	-	-	29.923.341.679	-
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	-	-	29.923.341.679	-
2	Tài sản ngắn hạn	-	-	-	-

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí dự án là:

*DVT: Đồng*

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>	29.923.341.679	
1	Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí nông thôn mới	29.923.341.679	

- Tổng các khoản công nợ là:

+ Tổng nợ phải thu: 679.292.082 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 679.292.082 đồng.  
(Chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục đính kèm).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

DVT: Đồng

Stt	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cổ định	Tài sản ngắn hạn
1	Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Châu Thành	29.923.341.679	-

3. Trách nhiệm của các đơn vị, các cơ quan có liên quan:

Hoàn thành thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư theo khối lượng thực hiện và giá trị quyết toán được duyệt.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành; Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Châu Thành; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT



**CHỦ TỊCH**

**Thạch Thị Sa Thy**





Chi tiết các khoản công nợ của công trình  
Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

Kiểm theo Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện

Số TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị trình phê duyệt quyết toán	Giá trị chủ đầu tư đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ	
						Phải trả	Phải thu
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>A</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>		27,155,420,696	27,155,420,696	26,715,574,651	439,846,045	0
1	Liên danh Cty cổ phần đầu tư xây dựng Bách Việt TV (trước là Cty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Nông thôn Mới) Cty TNHH MTV Tân Đạt và Cty cổ phần tư vấn xây dựng Khánh Hưng	Xây dựng	26,606,584,332	26,606,584,332	26,606,584,332		
2	Tân Đạt và Cty cổ phần tư vấn xây dựng Khánh Hưng	Xây dựng phát sinh	548,836,364	548,836,364	108,990,319	439,846,045	
<b>B</b>	<b>Quản lý dự án</b>		504,012,286	504,012,286	504,012,286	0	0
1	Bun QLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành	Quản lý dự án	504,012,286	504,012,286	504,012,286		
<b>C</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>		2,103,839,367	2,103,839,367	1,965,457,330	138,382,037	0
1	Cty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long	Khảo sát địa chất công trình	312,858,000	312,858,000	281,572,200	31,285,800	
2	Cty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	234,323,000	234,323,000	210,890,700	23,432,300	
3	Cty TNHH TM DV xây dựng Ý Nguyễn	Lập HSMT và ĐG HSDT (1/TK bản vẽ thi công dự toán)	7,066,000	7,066,000	7,066,000		
4	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định HSMT TVTK bản vẽ thi công dự toán	1,000,000	1,000,000	1,000,000		
5	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định KQ LCNT TVTK bản vẽ thi công dự toán	1,000,000	1,000,000	1,000,000		
6	Cty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long	Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	836,639,375	836,639,375	752,975,438	83,663,937	
7	Cty cổ phần tư vấn đầu thầu 4.0	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	113,699,000	113,699,000	113,699,000		

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị trình phê duyệt quyết toán	Giá trị chủ đầu tư đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ	
						Phải trả	Phải thu
7	2	3	4	5	6	7	8
8	Cty TNHH TM DV xây dựng Ý Nguyễn	Lập HSMT và DG HSDT gói thầu thi công xây dựng	89,930,968	89,930,968	89,930,968	-	-
9	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định HSMT gói thầu thi công xây dựng	14,184,695	14,184,695	14,184,695	-	-
10	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định KQ LCNT gói thầu thi công xây dựng	14,184,695	14,184,695	14,184,695	-	-
11	Cty cổ phần tư vấn đầu thầu 4.0	Lập HSMT DG HSDT gói thầu giám sát xây dựng	6,417,020	6,417,020	6,417,020	-	-
12	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định HSMT gói thầu giám sát xây dựng	1,000,000	1,000,000	1,000,000	-	-
13	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Thẩm định KQ LCNT gói thầu giám sát xây dựng	1,000,000	1,000,000	1,000,000	-	-
14	Liên danh Cty TNHH TM DV xây dựng Ý Nguyễn, Cty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long và Cty TNHH PCCC ST	Giám sát thi công xây dựng	470,536,614	470,536,614	470,536,614	-	-
<b>D</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>165,209,628</b>	<b>160,069,330</b>	<b>59,005,330</b>	<b>101,064,000</b>	<b>0</b>
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	5,260,000	5,260,000	5,260,000	-	-
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	22,539,000	22,539,000	22,539,000	-	-
3	Cty Bảo hiểm Bảo Việt Trà Vinh	Bảo hiểm công trình	31,206,330	31,206,330	31,206,330	-	-
4	Phòng Tài chính - KH (Tổ thẩm tra quyết toán)	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	106,204,298	101,064,000	-	101,064,000	-
<b>E</b>	<b>Nội dung khác</b>						<b>679,292,082</b>
1	Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí nông thôn mới	Công nợ					679,292,082
<b>Tổng cộng (A+B+C+D+E)</b>			<b>29,928,481,977</b>	<b>29,923,341,679</b>	<b>29,244,049,597</b>	<b>679,292,082</b>	<b>679,292,082</b>



Số: 1175/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 10 tháng 11 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án:  
Sân bóng đá huyện Châu Thành

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/5/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc thông qua phương án kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/10/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021;

Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 09/11/2020 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành và Báo cáo số 72/BC-HĐTĐ ngày 19/10/2020 của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Sân bóng đá huyện Châu Thành, với các nội dung như sau:

- 1. Tên công trình:** Sân bóng đá huyện Châu Thành.
- 2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.
- 3. Mục tiêu đầu tư:** Nhằm giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác tổ chức các hội thi, hội thao của huyện và tạo sân chơi lành mạnh đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất; đồng thời góp phần hoàn chỉnh các tiêu chí xây dựng huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

**4. Nhóm dự án và loại, cấp công trình:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

**5. Quy mô đầu tư:**

- San lấp mặt bằng (phía trước sân bóng), khối lượng 16.400m<sup>3</sup>;
- Hàng rào xây tường cao 2,2m, dài 751m.

**6. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**7. Tổng mức đầu tư:** 7.600.000.000 đồng (Bảy tỷ sáu trăm triệu đồng).

**8. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

**9. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2021 - 2023 (năm 2020 chuẩn bị đầu tư).

**Điều 2.** Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành chịu trách nhiệm đảm bảo về mặt bằng, vị trí, quy mô xây dựng; triển khai quản lý, thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả và thực hiện đầy đủ các hồ sơ thủ tục, trình tự đầu tư đúng theo quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT.



**Thạch Thị Sa Thy**



Số: 1315 /QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 19 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình  
Sân bóng đá huyện Châu Thành

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng*

*Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Sân bóng đá huyện Châu Thành;*

*Xét Tờ trình số 154c/TTr-BQL ngày 18/11/2020 của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện và Công văn số 257/PKTHT-TĐ ngày 18/11/2020 của Trường phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sân bóng đá huyện Châu Thành, với các nội dung như sau:

**1. Tên công trình:** Sân bóng đá huyện Châu Thành.

2. **Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.

3. **Mục tiêu đầu tư:** Nhằm giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác tổ chức các hội thi, hội thao của huyện và tạo sân chơi lành mạnh đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất; đồng thời góp phần hoàn chỉnh các tiêu chí xây dựng huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

4. **Quy mô đầu tư:**

- San lấp mặt bằng (phía trước sân bóng), khối lượng 25.449,51m<sup>3</sup>;
- Hàng rào xây tường cao 2,2m, dài 731,46m; trong đó:
  - + Hàng rào loại A (đoạn 1-2, 2-3, 3-4) xây tường làm mới cao 1,5m, dài 170,22m;
  - + Hàng rào loại B (đoạn 4-5, 5-6, 6-1) xây tường làm mới cao 2,2m, dài 561,24m.

5. **Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long.

6. **Chủ nhiệm lập dự án:** KTS. Huỳnh Công Phong.

7. **Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

8. **Diện tích sử dụng đất:** Theo bản vẽ công trình (diện tích đất nằm trong khuôn viên sân bóng đá huyện có cọc ranh riêng biệt, đất do Ủy ban nhân dân huyện quản lý sử dụng, đã được cấp quyền sử dụng đất).

9. **Nhóm dự án và loại, cấp công trình:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại và cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

10. **Số bước thiết kế:** 01 bước.

11. **Phương án xây dựng:** Giải pháp thiết kế thực hiện theo Kết quả thẩm định tại Công văn số 257/PKTHT-TĐ ngày 18/11/2020 của Trường Phòng Kinh tế và Hạ tầng và hồ sơ dự án.

12. **Phương án GPMB, tái định cư:** Không có.

13. **Tổng mức đầu tư:** 7.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ sáu trăm triệu đồng).

\* Trong đó:

- Chi phí xây dựng	6.430.519.439	đồng
- Chi phí QLDA	153.490.653	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	583.611.579	đồng
- Chi phí khác	148.629.267	đồng
- Chi phí dự phòng	283.749.062	đồng



**14. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

**15. Hình thức quản lý dự án:** Theo quy định Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.

**16. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2021 - 2023 (Năm 2020 chuẩn bị đầu tư).

**Điều 2.** Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành chịu trách nhiệm trực tiếp về quy mô hiệu quả của dự án, quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, yêu cầu, tổ chức thực hiện đạt tiêu chuẩn, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật của từng hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT. /



Số: 20/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 07 tháng 10 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sân bóng đá huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Sân bóng đá huyện Châu Thành;

Xét Tài trình số 263/TTr-PTCKH ngày 15/8/2022 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với các nội dung như sau:

- Tên công trình: Sân bóng đá huyện Châu Thành.
- Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.
- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):
  - + Thời gian khởi công: 11/5/2021 (theo hợp đồng thi công xây dựng).
  - + Thời gian hoàn thành: 17/12/2021 (theo biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng).

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Giá trị quyết toán
	Tổng số	7.600.000.000	7.024.122.080
1	Chi phí xây dựng	6.430.519.439	6.247.122.000
2	Chi phí quản lý dự án	153.490.653	153.490.653
3	Chi phí tư vấn	583.611.579	580.793.856
4	Chi phí khác	148.629.267	42.715.571
5	Chi phí dự phòng	283.749.062	-

2. Nguồn vốn đầu tư:

DVT: Đồng

Stt	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Thực hiện			
			Giá trị đề nghị quyết toán	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn thu hồi so giá trị đề nghị QT
1	2	3	4	5	6=4-5	7=6-4
1	Tổng số	7.600.000.000	7.024.122.080	6.961.267.904	62.854.176	0
1.1	Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí nông thôn mới	7.600.000.000	7.024.122.080	6.961.267.904	62.854.176	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

DVT: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	-	-	7.024.122.080	-
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	-	-	7.024.122.080	-
2. Tài sản ngắn hạn	-	-	-	-

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:



- 4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.  
 4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.  
 5. Vật tư thiết bị tổn động: Không.

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí dự án là:

Nội dung	Số tiền	DVT: Đồng
		Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>7.024.122.080</b>	
Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí nông thôn mới	7.024.122.080	

- Tổng các khoản công nợ là:  
 + Tổng nợ phải thu: 62.854.176 đồng.  
 + Tổng nợ phải trả: 62.854.176 đồng.

*Chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục đính kèm.*

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ có định	DVT: Đồng
		Tài sản ngắn hạn
Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành	7.024.122.080	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, các cơ quan có liên quan:

Hoàn thành thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư theo khối lượng thực hiện và giá trị quyết toán được duyệt.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LDVP, NCKT;
- Lưu: VI.







Kiểm theo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện

Thực hiện khoản công nợ của công trình

Số TT	Đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị trình phê duyệt quyết toán	Giá trị chi đầu tư đã thanh toán, tạm ứng	Phải trả	Công nợ	Đơn vị tính
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>A</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>							
1	Cty TNHH MTV DV TM Gia Thành	Xây dựng	6.247.122.000	6.247.122.000	6.247.122.000	0	0	0
<b>B</b>	<b>Quản lý dự án</b>							
1	Ban QLDA, đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành	Quản lý dự án	153.490.653	153.490.653	153.490.653	0	0	0
<b>C</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>							
1	Cty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long	Lập BC KTKT - Ks	580.793.856	580.793.856	552.889.680	27.934.176	27.934.176	0
2	Cty cổ phần tư vấn xây dựng Minh Hoà	Thẩm tra TKX.T-DT	32.667.039	32.667.039	32.667.039			
3	Cty TNHH đầu tư phát triển Nguyễn Phúc	Lập HSMT và DG HSDT	27.779.844	27.779.844	27.779.844			
4	Cty TNHH tư vấn đầu thầu Trà Vinh	Thẩm định HSMT	3.215.260	3.215.260	3.215.260			
5	Cty TNHH tư vấn đầu thầu Trà Vinh	Thẩm định KQ LCNT	3.215.260	3.215.260	3.215.260			
6	Cty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Hoàng Việt	Giám sát thi công	209.448.000	209.448.000	209.448.000			
<b>D</b>	<b>Chi phí khác</b>							
1	Phòng Kinh tế và Hộ tầng	Thẩm định BCKTKT	43.425.713	42.715.571	7.795.571	34.920.000	0	0
2	Cty Bảo Việt Trà Vinh	Bảo hiểm công trình	722.000	722.000	722.000			
3	Tổ thẩm tra quyết toán	Thẩm tra quyết toán	7.073.571	7.073.571	7.073.571			
<b>E</b>	<b>Nội dung khác</b>							
1	Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ các huyện đại niều chỉ nông thôn mới	Công nợ	35.630.142	34.920.000		34.920.000		
<b>Tổng cộng (A+B+C+D+E)</b>			<b>7.024.832.222</b>	<b>7.024.122.080</b>	<b>6.961.267.904</b>	<b>62.854.176</b>	<b>62.854.176</b>	<b>62.854.176</b>

Số: 805/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 05 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình:  
Sân bóng đá huyện Châu Thành**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt dự án Sân bóng đá huyện Châu Thành;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo thẩm định số 33/BC-PTCKH ngày 03/3/2021 (kèm theo Tờ trình số 11/TT- BQL ngày 01/3/2021 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Sân bóng đá huyện Châu Thành, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước; cân đối nguồn vốn bố trí, triển khai thực hiện các gói thầu cho phù hợp, đảm bảo thanh toán cho nhà thầu, tránh nợ đọng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện; Thủ trưởng các ngành huyện



có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành chịu trách nhiệm  
thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT, UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LDVP, NCKT;
- Lưu: VT.



**Thạch Thị Sa Thy**



## LỊCH KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Công trình: Sân bóng đá huyện Châu Thành.

(Kèm theo Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành)

Số TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 03: Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSYC	27.779.844	Vốn Xô số kiến thiết hỗ trợ các huyện đạt tiêu chí nông thôn mới	Chỉ định thầu	Thương thảo, ký kết hợp đồng	Quý I năm 2021	Trọn gói	45 ngày
2	Gói thầu số 04: Tư vấn thẩm định HSMT	3.215.260		Chỉ định thầu	Thương thảo, ký kết hợp đồng	Quý I năm 2021	Trọn gói	10 ngày
3	Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.215.260		Chỉ định thầu	Thương thảo, ký kết hợp đồng	Quý I, II năm 2021	Trọn gói	15 ngày
4	Gói thầu số 06: Tư vấn giám sát thi công xây dựng	211.242.564		Chỉ định thầu	Thương thảo, ký kết hợp đồng	Quý I, II năm 2021	Trọn gói	270 ngày
5	Gói thầu số 07: Bảo hiểm công trình	7.073.571		Chỉ định thầu	Thương thảo, ký kết hợp đồng	Quý I, II năm 2021	Trọn gói	270 ngày
6	Gói thầu số 08: Thi công xây dựng công trình Sân bóng đá huyện Châu Thành	6.430.519.439		Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý I, II năm 2021	Trọn gói	270 ngày
<b>Tổng cộng giá gói thầu: 6.683.045.938 đồng</b>								

*Yac*



## BIÊN BẢN

Về việc bàn giao tài sản trên đất cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành quản lý, sử dụng

Hôm nay, ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.

### I. Thành phần gồm có:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình - Phó giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành;
2. Ông Kim Thái Thanh - CB Ban QL Dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành;
3. Ông: Lâm Anh Dũng - Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành;
4. Bà: Dương Thị Cẩm Vân - Kế toán Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành.

### II. Nội dung làm việc:

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ- UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sân bóng đá huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng công trình Sân bóng đá huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 3842/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình Sân bóng đá huyện Châu Thành;

Để Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành đưa công trình và diện tích đất vào sử dụng. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành tổ chức bàn giao công trình đã xây dựng trên đất bàn giao lại cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành quản lý, sử dụng, với các hồ sơ và diện tích đất và cơ sở vật chất như sau:

\* Phần hồ sơ:



- Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Hồ sơ dự toán thiết kế thi công

- Bản vẽ hoàn công.

- Hồ sơ quản lý chất lượng công trình.

\* **Phần cơ sở vật chất:**

- San lấp mặt bằng (phía trước sân bóng), khối lượng 25.449,51m<sup>3</sup>;

- Hàng rào xây tường cao 2,2m; dài 731,46m; trong đó:

+ Hàng rào loại A (đoạn 1-2, 2-3, 3-4) xây tường làm mới cao 1,5m, dài 170,22m.

+ Hàng rào B (đoạn 4-5, 5-6, 6-1) xây tường làm mới cao 2,2, dài 561,24m..

### III. Nhận xét kết luận:

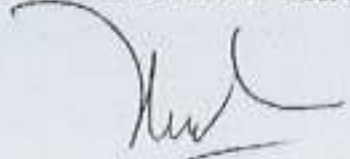
Các bên đã kiểm tra, bàn giao và tiếp nhận đầy đủ các loại hồ sơ, cơ sở vật chất nêu tại mục II của biên bản này.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành có trách nhiệm bảo quản, sử dụng phần đất và cơ sở vật chất nói trên đúng mục đích, đồng thời liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành trong thời gian sớm nhất.

Biên bản được lập thành 02 bản, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản có giá trị pháp lý ngang nhau./.


**BÊN GIAO**  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÒNG GIÁM ĐỐC**  
  
Nguyễn Thanh Bình

NGƯỜI VIẾT BIÊN BẢN

  
Kim Thái Thanh

**BÊN NHẬN**  
**GIÁM ĐỐC**  
  
Lâm Anh Dũng

KÊ TOÁN

  
Dương Thị Cẩm Vân





Số: 23160/KQTN-TTKT

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Khách hàng: **TRUNG TÂM VĂN HÓA – THÔNG TIN VÀ THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 14/4/2023

Địa điểm lấy mẫu: Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành (Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước mặt sông Đa Lộc – nơi tiếp nhận nước thải từ cống thoát nước công cộng khu vực dự án

Phương pháp mẫu: TCVN 6663-6:2018

Ngày trả kết quả: 24/4/2023

1. Mã số mẫu: 068/23-1

Ký hiệu mẫu: NM

**2. Kết quả thử nghiệm**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	Tổng cặn lơ lửng (TSS) <sup>(1)</sup>	mg/L	11,0	SMEWW 2540 D:2017
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	21,8	SMEWW 5220 C:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	2,5	TCVN 6001-1:2008
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	2,285	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> B&F: 2017

**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.

- <sup>(1)</sup>: thông số được VILAS công nhận.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG  
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lu Văn Bình**



**Trần Thị Thu Hiền**





Số: 23162/KQTN-TTKT

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **TRUNG TÂM VĂN HÓA – THÔNG TIN VÀ THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 14/4/2023

Địa điểm lấy mẫu: Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành (Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu không khí xung quanh trước cổng Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành

Ngày trả kết quả: 24/4/2023

1. Mã số mẫu: 068/23-4      Ký hiệu mẫu: KK<sub>1</sub>

### 2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm
1	Tiếng ồn	dB(A)	58,2	TCVN 7878-2:2010
2	Bụi lơ lửng <sup>(1)</sup>	µg/m <sup>3</sup>	196	TCVN 5067:1995
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	9,3	TCVN 5971:1995
4	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	4,0	TCVN 6137:2009
5	CO	µg/m <sup>3</sup>	KPH (LOD = 3.500)	QTLM-KK01, QTTN-KK08

#### Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- <sup>(1)</sup>: thông số được VILAS công nhận.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.

- Thông số đo tại hiện trường: tiếng ồn.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG  
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lu Văn Bình**



**Trần Thị Thu Hiền**

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH**

Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3840 713  
E-mail: kttnttv@yahoo.com.vn

Số: 23163/KQTN-TTKT

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Khách hàng: **TRUNG TÂM VĂN HÓA – THÔNG TIN VÀ THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 14/4/2023

Địa điểm lấy mẫu: Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành (Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu không khí xung quanh trước cổng Sân bóng đá huyện Châu Thành

Ngày trả kết quả: 24/4/2023

1. Mã số mẫu: 068/23-5      Ký hiệu mẫu: KK<sub>2</sub>

**2. Kết quả thử nghiệm**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm
1	Tiếng ồn	dB(A)	60,6	TCVN 7878-2:2010
2	Bụi lơ lửng	µg/m <sup>3</sup>	47	TCVN 5067:1995
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	10,0	TCVN 5971:1995
4	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	KPH (LOD = 3,0)	TCVN 6137:2009
5	CO	µg/m <sup>3</sup>	KPH (LOD = 3.500)	QILM-KK01, QTTN-KK08

**Ghi chú:**

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.



- Thông số đo tại hiện trường: tiếng ồn.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG  
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lu Văn Bình**



**Trần Thị Thu Hiền**





Số: 23164/KQTN-TTKT

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **TRUNG TÂM VĂN HÓA – THÔNG TIN VÀ THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 17/4/2023

Địa điểm lấy mẫu: Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành (Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước mặt sông Đa Lộc – nơi tiếp nhận nước thải từ cống thoát nước công cộng khu vực dự án

Phương pháp mẫu: TCVN 6663-6:2018

Ngày trả kết quả: 25/4/2023

1. Mã số mẫu: 068/23-6

Ký hiệu mẫu: NM

### 2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	Tổng cặn lơ lửng (TSS)	mg/L	7,4	SMEWW 2540 D:2017
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	23,3	SMEWW 5220 C:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	2,4	TCVN 6001-1:2008
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	1,555	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> B&F: 2017

#### Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.

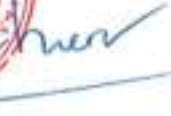
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG  
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



**Lu Văn Bình**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Thị Thu Hiền**



Số: 23166/KQTN-TTKT

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **TRUNG TÂM VĂN HÓA – THÔNG TIN VÀ THỂ THAO HUYỆN CHÂU THÀNH**

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 20/4/2023

Địa điểm lấy mẫu: Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Châu Thành (Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước mặt sông Đa Lộc – nơi tiếp nhận nước thải từ công thoát nước công cộng khu vực dự án

Phương pháp mẫu: TCVN 6663-6:2018

Ngày trả kết quả: 28/4/2023

1. Mã số mẫu: 068/23-7

Ký hiệu mẫu: NM

### 2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	Tổng cặn lơ lửng (TSS)	mg/L	20,6	SMEWW 2540 D:2017
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	23,5	SMEWW 5220 C:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	2,8	TCVN 6001-1:2008
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/L	1,585	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> B&F: 2017

#### Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.



- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG  
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



**Lu Văn Bình**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Thị Thu Hiền**



Số: 53 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;*

*Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;*

*Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

**CHỨNG NHẬN:**

**1. Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh**

Địa chỉ văn phòng: Số 478A. đường Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 478A. đường Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943840166; Email: kttntmtv@yahoo.com.vn

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 165**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày ..... tháng ..... năm 2025.

4. Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

***Nơi nhận:***

- Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

**Phụ lục****PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG****Đối với Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường,****Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh***(Kèm theo Giấy chứng nhận số /GCN-BTNMT ngày tháng năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)***1. Nước****1.1. Nước mặt**

- Đo đạc tại hiện trường:

<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/số hiệu phương pháp sử dụng</b>	<b>Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo</b>
1.	pH	TCVN 6492:2011	2÷12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng Oxy hoà tan (DO)	TCVN 7325:2016	0÷16 mg/L
4.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0÷50 mS/cm
5.	Độ đục	TCVN 6184: 2008	0÷800 NTU
6.	Độ muối	SMEWW 2520B:2017	0÷70‰
7.	Tổng lượng chất rắn hòa tan (TDS)	QTĐ-N07	0÷1.999 mg/L

*QTĐ-N07: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc TDS trong nước mặt*

- Lấy và bảo quản mẫu:

<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/số hiệu phương pháp sử dụng</b>
1.	Mẫu nước sông, suối	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu nước ao hồ	TCVN 6663-4:2018, TCVN 5994:1995; TCVN 6663-3:2016
3.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011
4.	Thực vật nổi	SMEWW 10200 B:2017
5.	Động vật đáy	SMEWW 10500 B:2017

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/số hiệu phương pháp sử dụng</b>	<b>Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo</b>
1.	Độ màu	SMEWW 2120B:2017	2,0 Pt/Co
2.	Độ kiềm (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	TCVN 6636- 1:2000	3,0 mg/L
3.	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	SMEWW 2340 C:2017	3,0 mg /L
4.	Tổng cặn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540 D:2017	4,0 mg/L
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017	3,0 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
6.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
7.	Ammoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N)	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> B&F: 2017	0,040 mg/L
8.	Nitrite (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
9.	Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N)	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> E:2017	0,015 mg/L
10.	Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	SMEWW 4500 SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E:2017	2,0 mg/L
11.	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P)	SMEWW 4500 P E:2017	0,01 mg/L
12.	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194-1:1996	6,0 mg/L
13.	Sulfua (S <sup>2-</sup> )	SMEWW 4500 S <sup>2-</sup> B&D:2017	0,008 mg/L
14.	Tổng N	TCVN 6638:2000	1,0 mg/L
15.	Tổng P	SMEWW 4500 P – B, E:2017	0,01 mg/L
16.	Canxi (Ca <sup>2+</sup> )	SMEWW 3500 Ca B:2017	3,0 mg/L
17.	Magie (Mg <sup>2+</sup> )	SMEWW 3500 Mg B:2017	2,0 mg/L
18.	Sắt (Fe)	SMEWW 3500 Fe B:2017	0,02 mg/L
19.	Coliform	SMEWW 9221B: 2017	2 MPN/100mL
20.	Coliform chịu nhiệt	SMEWW 9221E: 2017	2 MPN/100mL
21.	E.Coli	SMEWW 9221G: 2017	2 MPN/100mL
22.	Dầu mỡ tổng	SMEWW 5220B:2017	0,3 mg/L

## 1.2. Nước thải

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
2.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
3.	Tổng lượng chất rắn hòa tan (TDS)	QTĐ-N07	0 ÷ 1.999 mg/L

QTĐ-N07: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc TDS trong nước thải.

- Lấy mẫu và bảo quản:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Độ màu	SMEWW 2120B:2017	2,0 Pt-Co
2.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017	3,0 mg/L



<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng</b>	<b>Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo</b>
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540 D:2017	5,0 mg/L
5.	Ammoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N)	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> B&F:2017	0,043 mg/L
6.	Tổng N	TCVN 6638:2000	<b>1,0 mg/L</b>
7.	Photpho (P)	SMEWW 4500 P – B,E:2017	0,01 mg/L
8.	Nitrite (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> - N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
9.	Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N)	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> E:2017	0,015 mg/L
10.	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P)	SMEWW 4500 P E:2017	0,01 mg/L
11.	Clo dư (Cl <sub>2</sub> )	SMEWW 4500 Cl G:2017	0,03 mg/L
12.	Clorua (Cl)	TCVN 6194:1996	5 mg/L
13.	Sắt (Fe)	SMEWW 3500 Fe B:2017	0,22 mg/L
14.	Sulfua (S <sup>2-</sup> )	SMEWW 4500 S <sup>2-</sup> B&D:2017	0,03 mg/L
15.	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5220B&F:2017	0,3 mg/L
16.	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5220B&F:2017	0,3 mg/L
17.	Coliform	SMEWW 9221B: 2017	2 MPN/100mL

### 1.3. Nước dưới đất

- Đo đạc tại hiện trường:

<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng</b>	<b>Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo</b>
1.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
2.	pH	TCVN 6492:2011	2÷12
3.	Hàm lượng Oxy hoà tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷16 mg/L
4.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0÷50 mS/cm
5.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	QTĐ-N07	0÷100 g/L
6.	Độ đục	TCVN 6184: 2008	0÷800 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2017	0÷70‰

*QTĐ-N07: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường*

- Lấy mẫu và bảo quản:

<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng</b>
1.	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng</b>	<b>Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo</b>
1.	Độ kiềm (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	TCVN 6636- 1:2000	3,0 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
2.	Độ màu	SMEWW 2120B:2017	2,0 Pt-Co
3.	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	SMEWW 2340 C:2017	3,0 mg/L
4.	Canxi (Ca <sup>2+</sup> ) (tính theo CaCO <sub>3</sub> )	SMEWW 3500 Ca B:2017	3,0 mg/L
5.	Magie (Mg <sup>2+</sup> )	SMEWW 3500 Mg B:2017	2,0 mg/L
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540 D:2017	3,0 mg/L
7.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017	3,0 mg/L
8.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
9.	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,2 mg/L
10.	Ammoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N)	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> B&F: 2012	0,045 mg/L
11.	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P)	SMEWW 4500 P - E:2017	0,01 mg/L
12.	Nitrite (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
13.	Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N)	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> E:2017	0,02 mg/L
14.	Sulphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	SMEWW 4500 SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E:2017	2,0 mg/L
15.	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194:1996	3 mg/L
16.	Sulfua (S <sup>2-</sup> )	SMEWW 4500 S <sup>2-</sup> B&D:2017	0,035 mg/L
17.	Tổng N	TCVN 6638:2000	1,0 mg/L
18.	Tổng P	SMEWW 4500 P – B, E:2017	0,01 mg/L
19.	Fe	SMEWW 3500 Fe B:2017	0,27 mg/L
20.	Coliforms	SMEWW 9221B: 2017	2 MPN/100mL
21.	E.Coli	SMEWW 9221G: 2017	2 MPN/100mL
22.	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5220B:2017	0,3 mg/L

#### 1.4. Nước biển

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
2.	Độ muối	SMEWW 2520B:2017	0 ÷ 70‰
3.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
4.	Hàm lượng Oxy hoà tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 100 mS/cm
6.	Độ đục	TCVN 6184: 2008	0 ÷ 800 NTU
7.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	QTĐ-N07	0 ÷ 100.000 mg/L

QTĐ-N07: Quy trình hướng dẫn nội bộ quan trắc TDS trong nước biển

- Lấy mẫu và bảo quản:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011; TCVN 5998:1995; TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011
3.	Thực vật nổi	SMEWW 10200 B:2017; TCVN 6663-3:2016

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540 D:2017	4,4 mg/L
2.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N)	SMEWW 4500 NH <sub>3</sub> B&F:2017	0,03 mg/L
3.	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P)	SMEWW 4500 P E:2017	0,01 mg/L
4.	Nitrite (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
5.	Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N)	SMEWW 4500 NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> E:2017	0,015 mg/L
6.	Tổng N	TCVN 6638:2000	1,0 mg/L
7.	Tổng P	SMEWW 4500 P – B, E:2017	0,01 mg/L
8.	Sulfua (S <sup>2-</sup> )	SMEWW 4500 S <sup>2-</sup> B&D:2017	0,03 mg/L
9.	Sắt (Fe)	SMEWW 3500 Fe B:2017	0,022 mg/L
10.	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5220B:2017	0,3 mg/L
11.	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5220B&F:2017	0,3 mg/L
12.	Coliforms	SMEWW 9221B: 2017	2 MPN/100mL

## 2. Không khí

### 2.1. Không khí xung quanh

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50 <sup>0</sup> C
2.	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷ 95%
3.	Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0,4 ÷ 30 m/s
4.	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA
5.	Áp suất	QTĐ:KK01	700÷1.100 mBar

QTĐ-KK01: Quy trình hướng dẫn nội bộ đo áp suất không khí xung quanh

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995
2.	CO	QTLM-KK01
3.	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009
4.	H <sub>2</sub> S	MASA Method 701
5.	NH <sub>3</sub>	TCVN 5293:1995
6.	VOCs	
	<i>Benzen</i>	<i>NOISH Method 1501</i>
	<i>Toluen</i>	<i>NOISH Method 1501</i>
	<i>Xylen</i>	<i>NOISH Method 1501</i>
	<i>Styren</i>	<i>NOISH Method 1501</i>
7.	Hydrocacbon	NOISH Method 1500
	<i>n-octan</i>	<i>NOISH Method 1500</i>
	<i>Cyclohexan</i>	<i>NOISH Method 1500</i>
	<i>n-heptan</i>	<i>NOISH Method 1500</i>
8.	Ni	TCVN 5067:1995
9.	Mn	TCVN 5067:1995
10.	As	TCVN 5067:1995
11.	Cd	TCVN 5067:1995
12.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
13.	Pb	TCVN 5067:1995

*QTLM-KK01: Quy trình hướng dẫn nội bộ lấy mẫu CO trong không khí*

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	6,0 µg/m <sup>3</sup>
2.	CO	QTTN-KK08	3.500 µg/m <sup>3</sup>
3.	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	3,0 µg/m <sup>3</sup>
4.	H <sub>2</sub> S	MASA Method 701	16 µg/m <sup>3</sup>
5.	NH <sub>3</sub>	TCVN 5293:1995	21,8 µg/m <sup>3</sup>
6.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	23 µg/m <sup>3</sup>

*QTTN-KK08: Quy trình hướng dẫn nội bộ thử nghiệm CO trong không khí*

## 2.2. Khí thải

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1.	Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 1	-
2.	Vận tốc	US EPA Method 2	0 ÷ 40 m/s
3.	Lưu lượng	US EPA Method 2	0 ÷ 6 m <sup>3</sup> /h
4.	Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA Method 3	-
5.	Hàm ẩm	US EPA Method 4	0 ÷ 100%
6.	Nhiệt độ	QTĐ-KT05	0 ÷ 1.200 <sup>0</sup> C



<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng</b>	<b>Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo</b>
7.	Áp suất	QTĐ-KT06	0 ÷ 200 hPa
8.	O <sub>2</sub>	QTĐ-KT07	0÷25 %
9.	CO	QTĐ-KT08	0 ÷ 11.400 mg/Nm <sup>3</sup>
10.	SO <sub>2</sub>	QTĐ-KT09	0 ÷ 13.100 mg/Nm <sup>3</sup>
11.	NO <sub>x</sub>	QTĐ-KT10	
	NO <sub>2</sub>		0 ÷ 940 mg/Nm <sup>3</sup>
	NO		0 ÷ 4.920 mg/Nm <sup>3</sup>

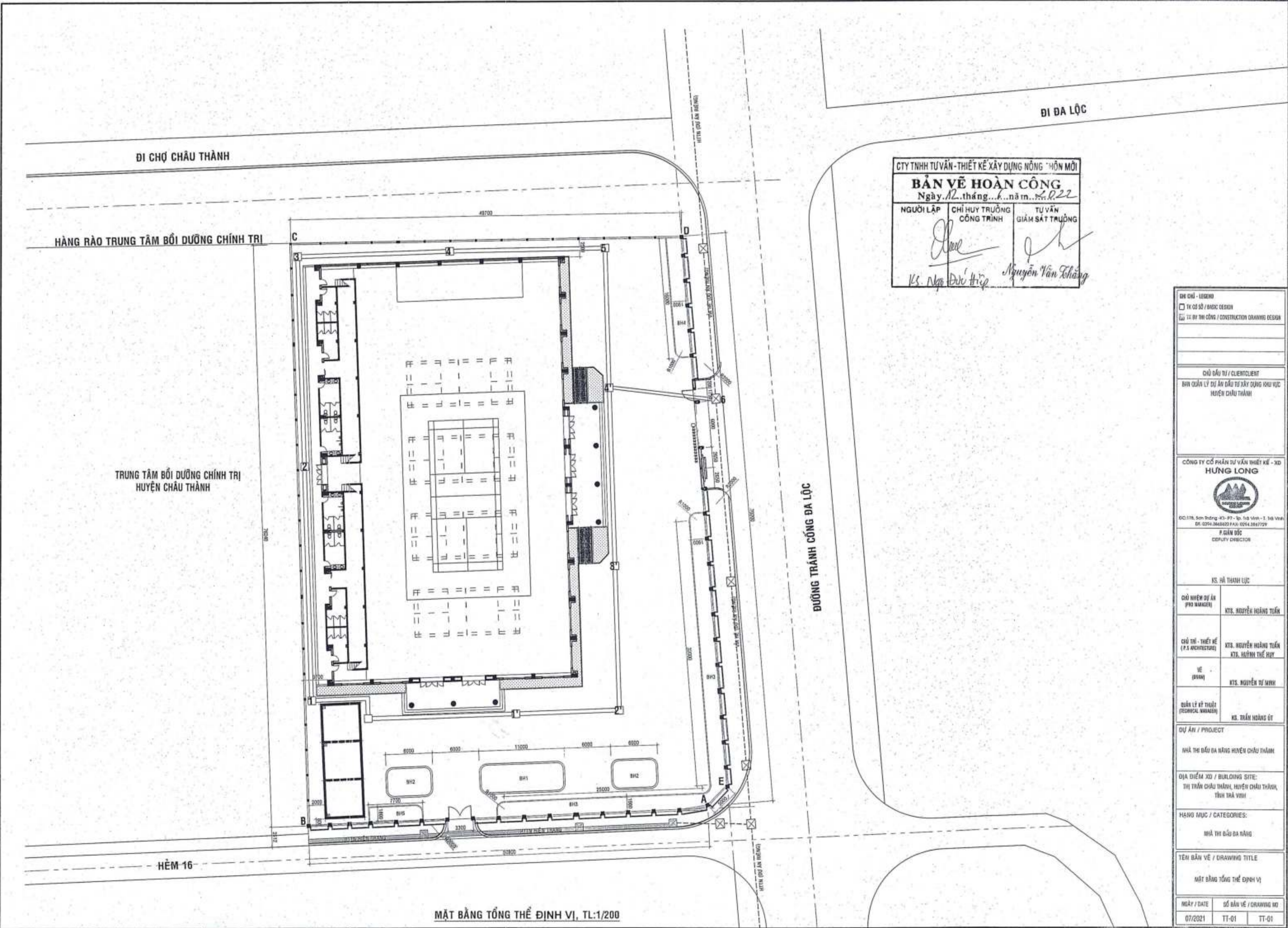
QTĐ-KT\*\*\*: Quy trình hướng dẫn nội bộ đo các thông số khí thải

<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/số hiệu phương pháp sử dụng</b>
1.	Bụi tổng	US EPA Method 5
2.	H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	US EPA Method 8
3.	Hydro bromua (HBr)	US EPA Method 26
4.	Hydro florua (HF)	US EPA Method 26
5.	Brom (Br <sub>2</sub> )	US EPA Method 26
6.	Hydro clorua (HCl)	US EPA Method 26
7.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 29
8.	Cadmi (Cd)	US EPA Method 29
9.	Chì (Pb)	US EPA Method 29
10.	Antimon (Sb)	US EPA Method 29
11.	Arsen (As)	US EPA Method 29
12.	Bari (Ba)	US EPA Method 29
13.	Beri (Be)	US EPA Method 29
14.	Crom (Cr)	US EPA Method 29
15.	Coban (Co)	US EPA Method 29
16.	Đồng (Cu)	US EPA Method 29
17.	Mangan (Mn)	US EPA Method 29
18.	Niken (Ni)	US EPA Method 29
19.	Selen (Se)	US EPA Method 29
20.	Bạc (Ag)	US EPA Method 29
21.	Tali (Tl)	US EPA Method 29
22.	Kẽm (Zn)	US EPA Method 29

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

<b>TT</b>	<b>Tên thông số</b>	<b>Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng</b>	<b>Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo</b>
1.	Bụi tổng	US EPA Method 5	2,0 mg/Nm <sup>3</sup>





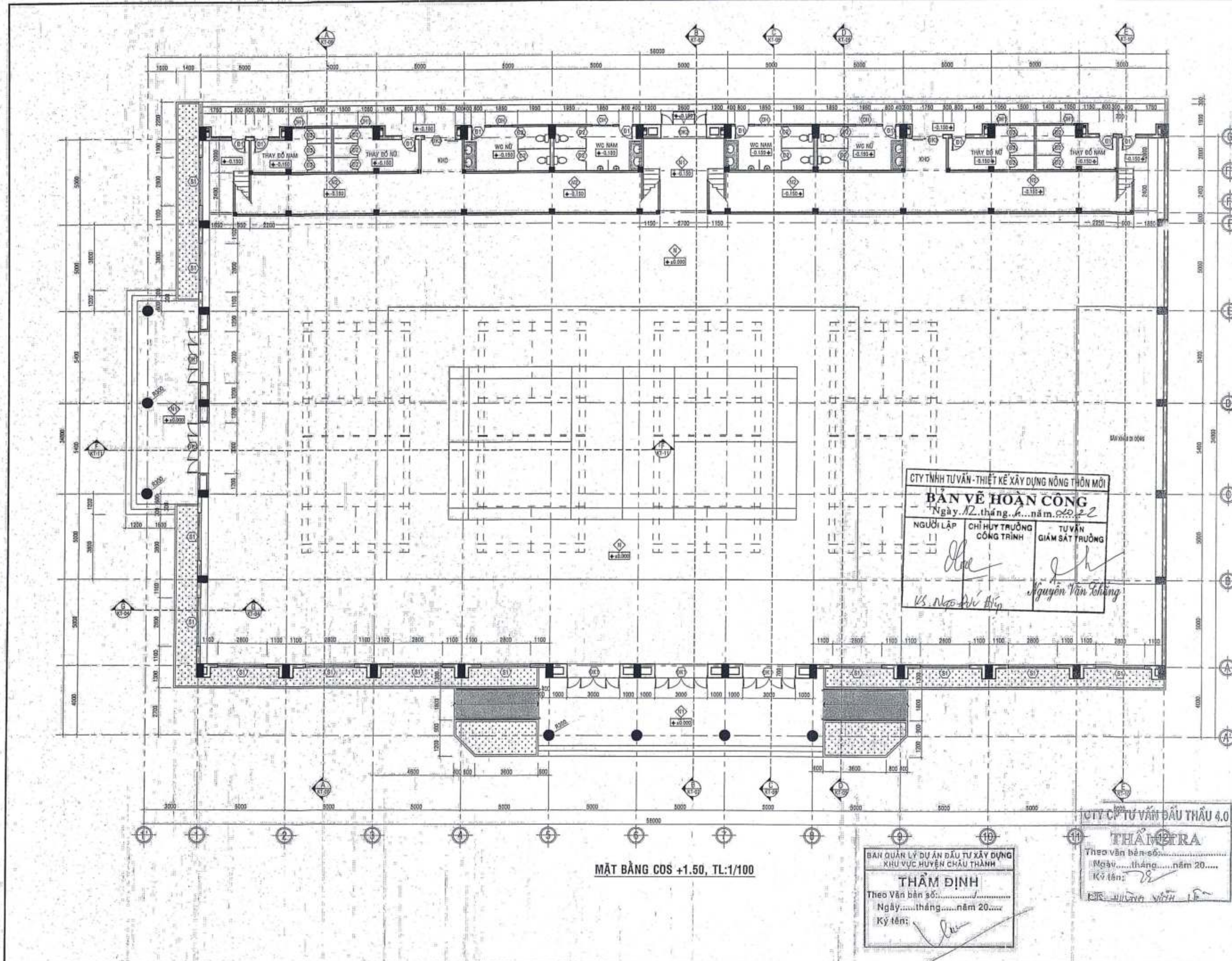
CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày 12 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>
Ks. Nguyễn Đức Hiệp		Nguyễn Văn Cường

KHU CHỈ - LEGEND <input type="checkbox"/> TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN <input checked="" type="checkbox"/> TX BY THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD <b>HUNG LONG</b> ĐC: 17B, Sơn Đồng, A1- P7 - Sp. 10 Vĩnh - T. 10 Vĩnh ĐT: 0294.366202 FAX: 0294.3667729 P. GIÁM ĐỐC DEPUTY DIRECTOR	
KS. HÀ THANH LỘC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PRO MANAGER)	KTS. NGUYỄN HỒNG TUẤN
CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.S ARCHITECTURE)	KTS. NGUYỄN HỒNG TUẤN KTS. NGUYỄN THẾ HUY
VẼ (DRAW)	KTS. NGUYỄN TỬ MINH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)	KS. TRẦN HỒNG ỨC
DỰ ÁN / PROJECT NHÀ THỊ ĐẤU BA NẰNG HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	
HẠNG MỤC / CATEGORIES: NHÀ THỊ ĐẤU BA NẰNG	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐỊNH VỊ	
NGÀY / DATE 07/2021	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO TT-01 TT-01

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐỊNH VỊ, TL:1/200





MẶT BẰNG COS +1.50, TL:1/100

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

**PHÊ DUYỆT**  
Theo Quyết định số:.....  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:.....



CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày 12 tháng 1 năm 2022

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
KS. Ngô Đức Hiệp		Nguyễn Văn Cường

CTY CP TƯ VẤN ĐẦU THẦU 4.0

**THẨM ĐỊNH**  
Theo văn bản số:.....  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên:.....  
KS. Huỳnh Việt Hùng

QUY CHẾ - LEGEND <input type="checkbox"/> TX CƠ ĐỒ / BASIC DESIGN <input checked="" type="checkbox"/> TX IV TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	
CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/EMT BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH  HÙNG LONG	
CÔNG TY - CHÁNH ĐỐC ĐỒ PHẪN VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG HÙNG LONG  KS. TRẦN LỰC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PM MANAGER) <i>[Signature]</i> KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.S ARCHITECTURE) <i>[Signature]</i> KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN KTS. NGUYỄN THẾ HUY
VẼ (DRAW) <i>[Signature]</i> KTS. NGUYỄN TU HÙNG	QUẢN LÝ KỸ THIẾT (TECHNICAL MANAGER) <i>[Signature]</i> KS. TRẦN HOÀNG ỚT
DỰ ÁN / PROJECT NHÀ THỜ ĐẤU ĐÀ HÙNG HUYỆN CHÂU THÀNH	
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NGUYÊN	
HẠNG MỤC / CATEGORIES: NHÀ THỜ ĐẤU ĐÀ HÙNG	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT BẰNG COS +1.50	
NGÀY / DATE 05/02/21	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO KT-01 KT-12

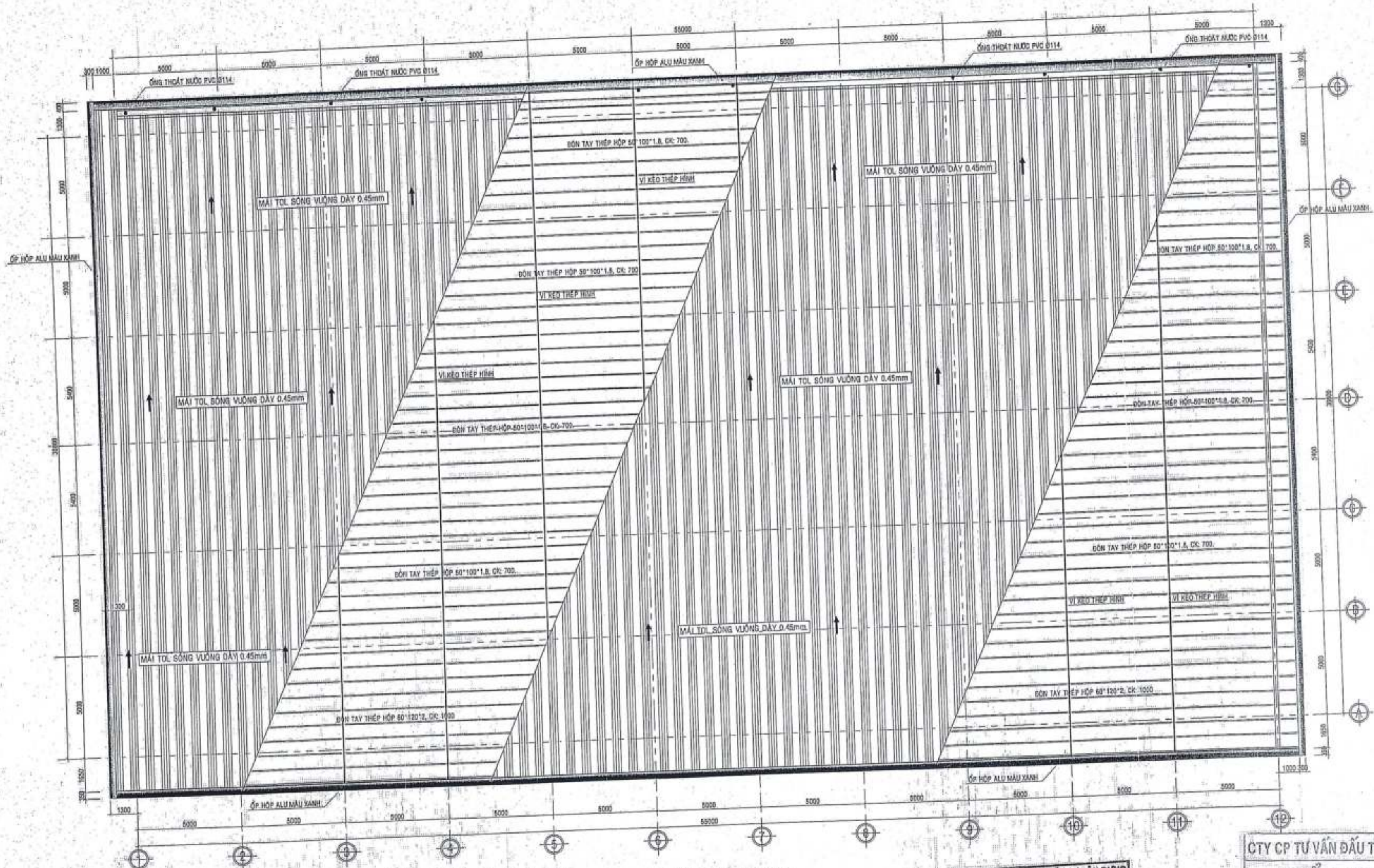






BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

**PHÊ DUYỆT**  
 Theo Quyết định số:.....  
 Ngày.....tháng.....năm 20.....  
 Ký tên: *[Signature]*



CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Ng. Nguyễn Đức Anh		Nguyễn Văn Cường

MẶT BẰNG MÁI, TL:1/100

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

**THẨM ĐỊNH**  
 Theo Văn bản số:.....  
 Ngày.....tháng.....năm 20.....  
 Ký tên: *[Signature]*

CTY CP TƯ VẤN ĐẦU THẦU 4.0

**THẨM TRA**  
 Theo văn bản số:.....  
 Ngày.....tháng.....năm 20.....  
 Ký tên: *[Signature]*

**PHI CHỮ - LEGEND**

- TX CƠ SỞ / BASIC DESIGN
- TX KW TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT  
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

*[Signature]*  
 HUNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG HUNG LONG

ĐC: 17/3, Đường 21, P. 17 - Q. Bình Thạnh - TP. HCM  
 Điện thoại: 0904.284772

**LEADER**  
 CÔNG TRÌNH  
 TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG  
 HUNG LONG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (PRO MANAGER) KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN

CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.S ARCHITECTURE) KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN  
 KTS. HUYỀN THỊ HUY

VỀ (WORK) KTS. NGUYỄN TỬ NINH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER) KTS. TRẦN HOÀNG ỨT

DỰ ÁN / PROJECT  
 NHÀ THỜ ĐA NANG HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:  
 THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC / CATEGORIES:  
 NHÀ THỜ ĐA NANG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE  
 MẶT BẰNG MÁI

NGÀY / DATE	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
06/2021	KT-05 KT-12



ĐI CHỢ CHÂU THÀNH

ĐI ĐÀ LỘC

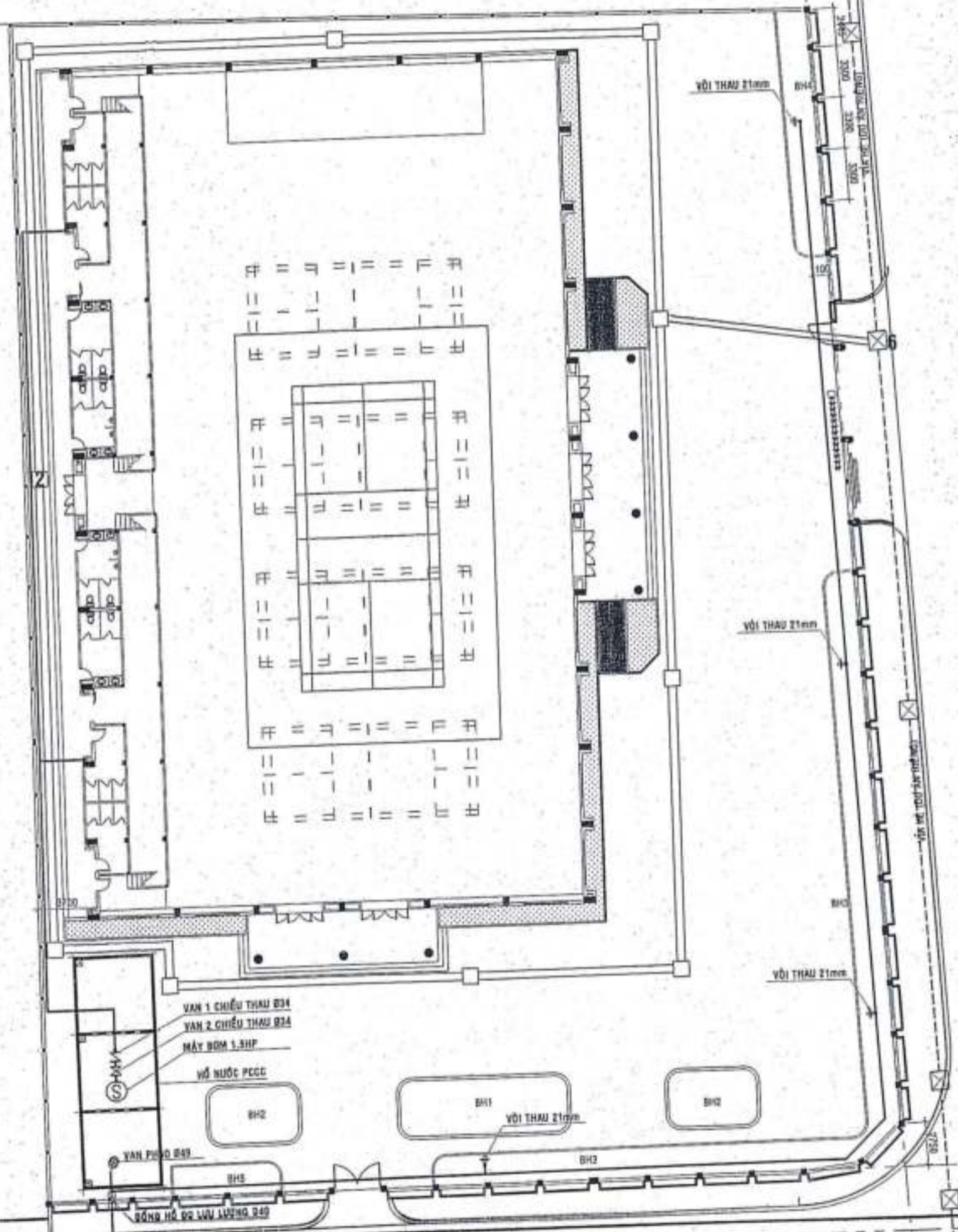
HÀNG RÀO TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ  
HUYỆN CHÂU THÀNH

ĐƯỜNG TRÁNH CÔNG ĐÀ LỘC

HÈM 16

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ, TL:1/200



CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		
<b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b>		
Ngày... tháng... năm...		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TU VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
N.S. Ngô Đức Hưng		Nguyễn Văn Thăng







# MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP ĐIỆN, TL:1/200

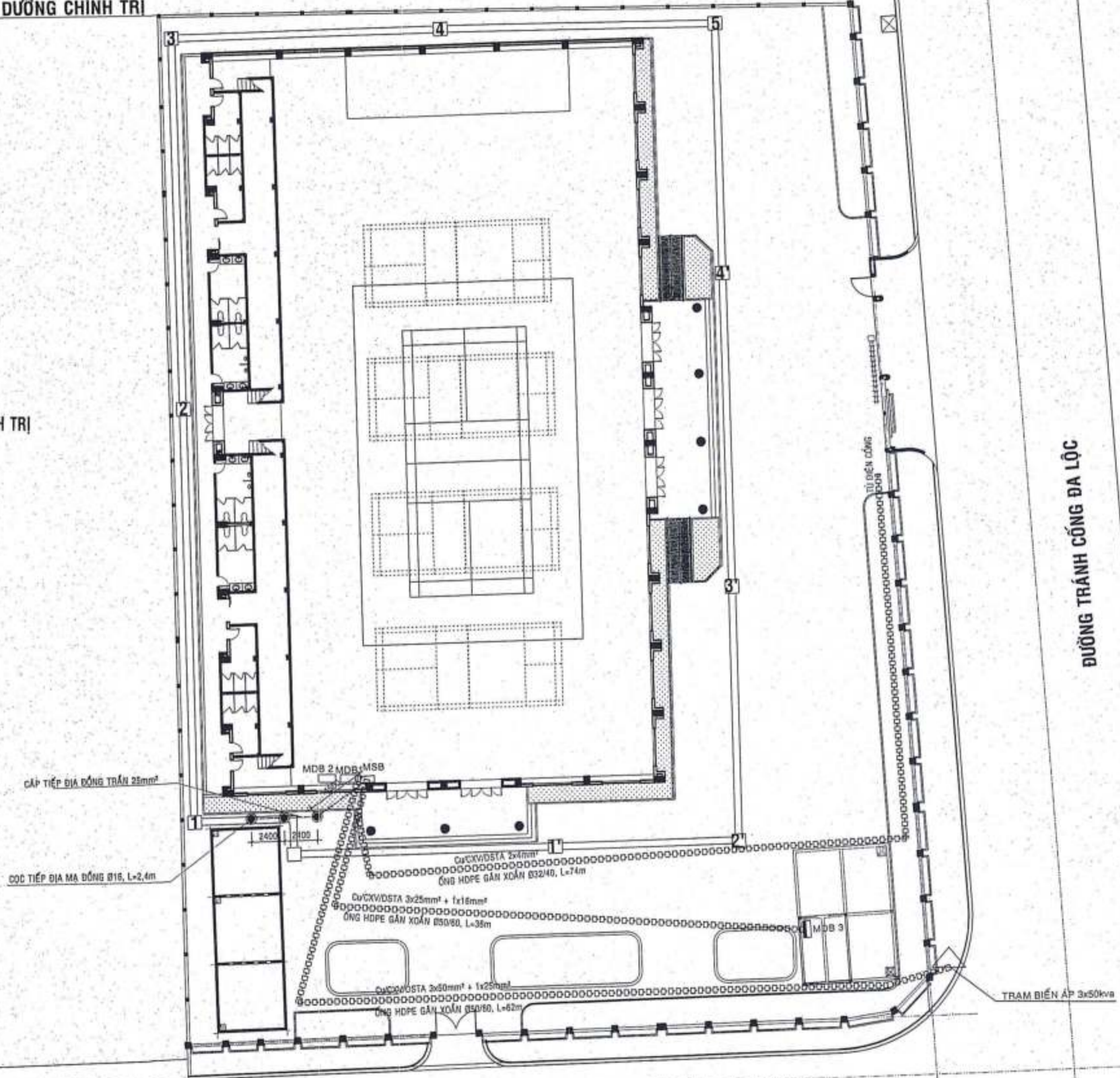
ĐI ĐA LỘC

ĐI CHỢ CHÂU THÀNH

HÀNG RÀO TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ  
HUYỆN CHÂU THÀNH

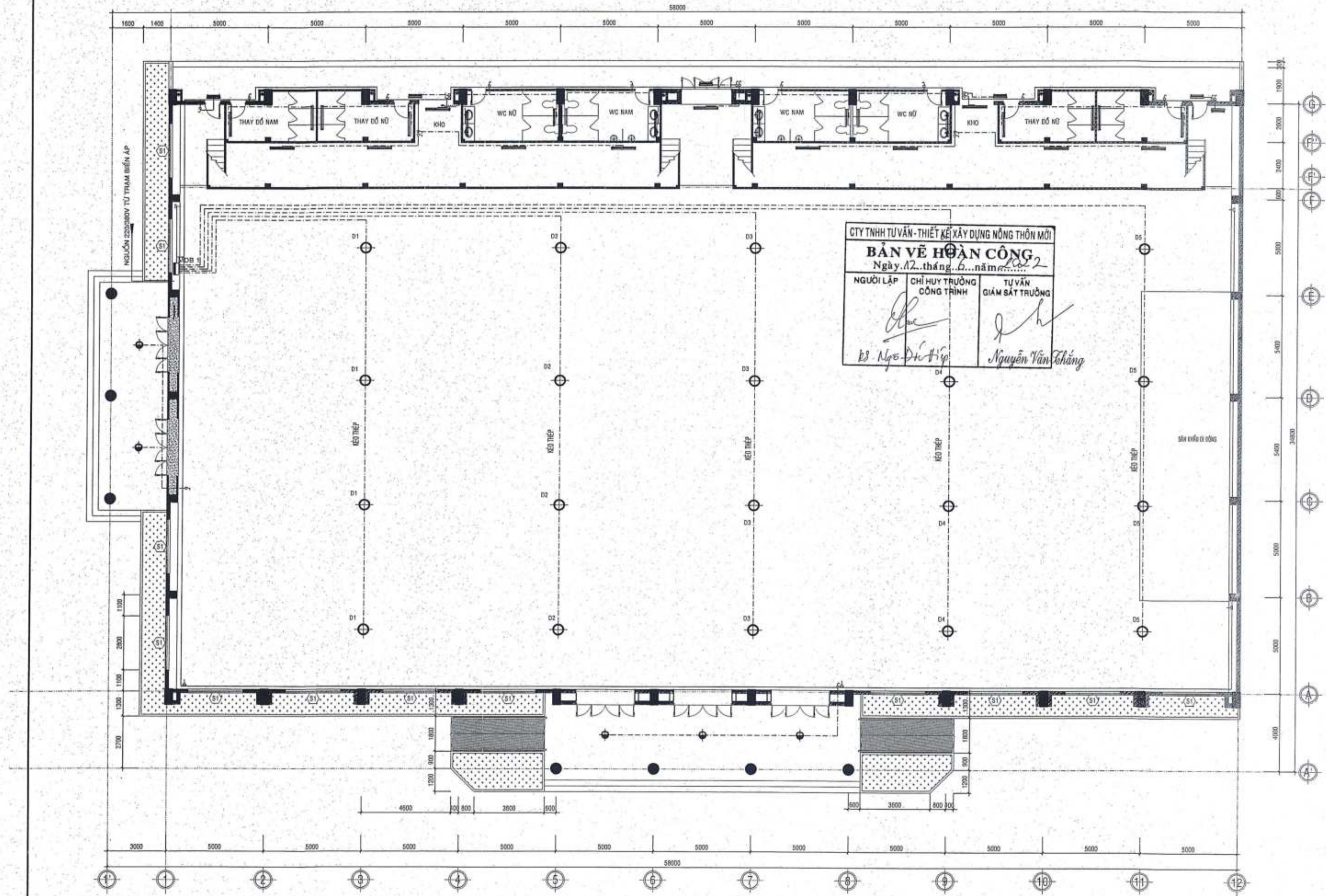
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		
<b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b>		
Ngày...12...tháng...6...năm...2022		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
K.S. Ngô Đức Hiệp		Nguyễn Văn Thắng



ĐƯỜNG TRÁNH CÔNG ĐA LỘC

HÈM 16



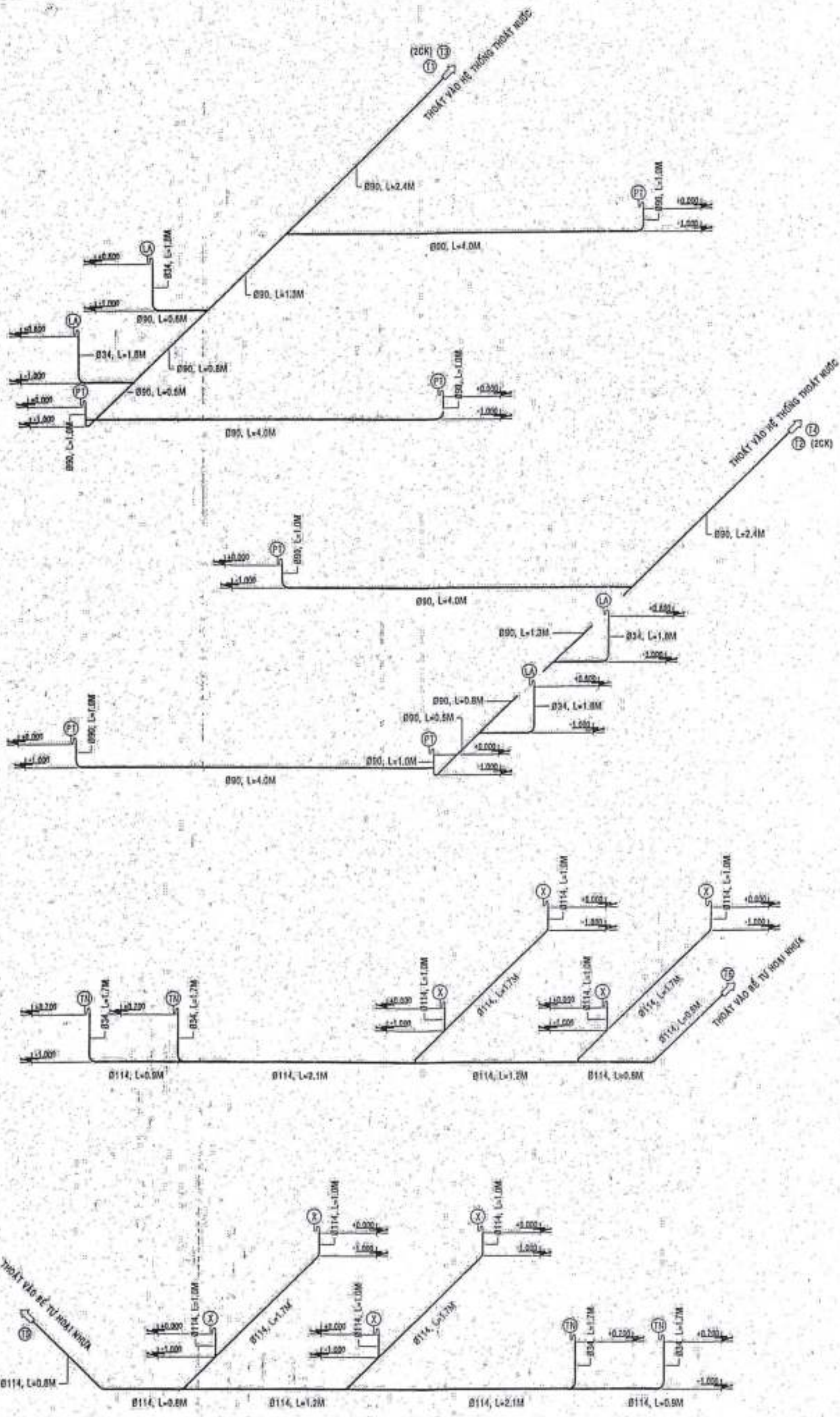


CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày 12 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI LẬP  K.S. Ngô Đình Hiệp	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH  Nguyễn Văn Thắng	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG  Nguyễn Văn Thắng
-------------------------------------	--	---

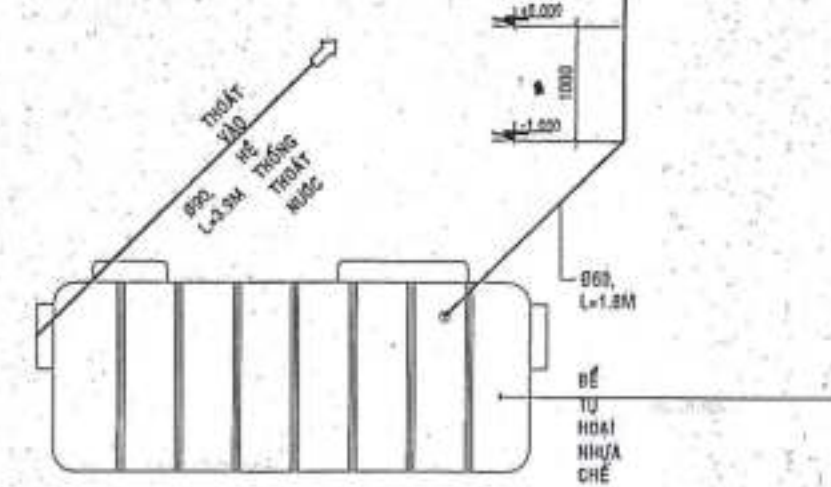
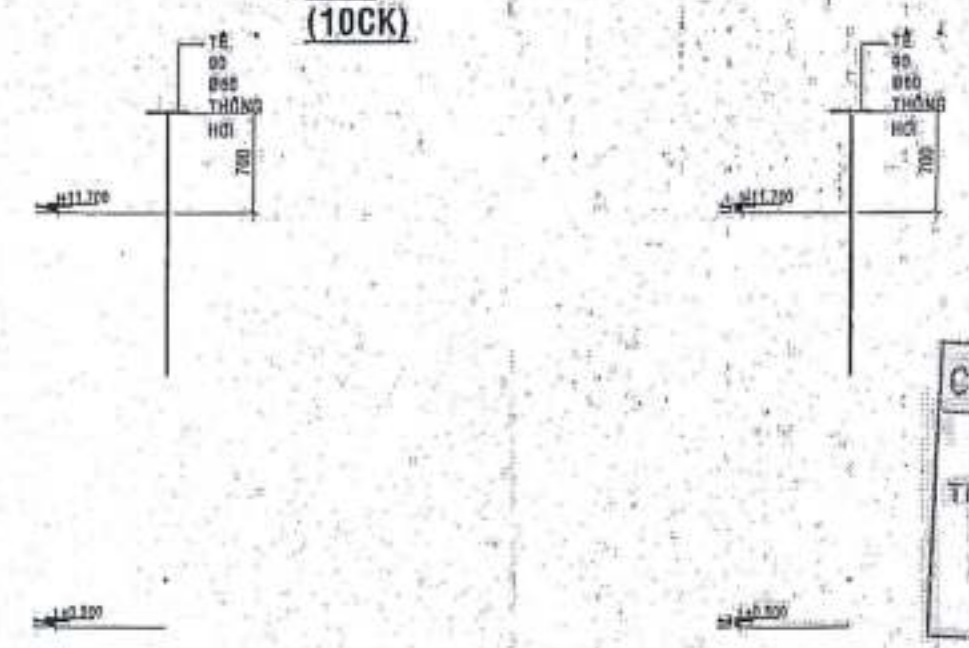
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐIỆN COS +1.50, TL:1/100



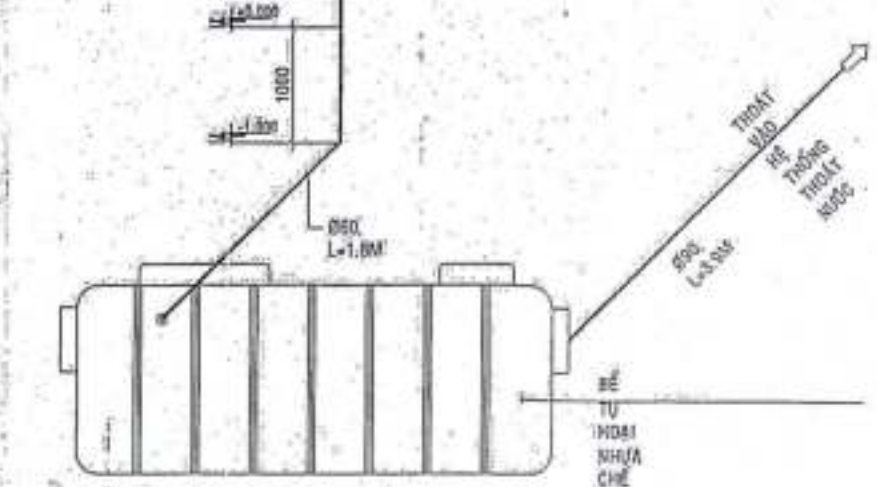


**SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC**

**CHI TIẾT ỨNG THOÁT MƯA (10CK)**



**CHI TIẾT ỨNG THÔNG HƠI 1 (1CK)**



**CHI TIẾT ỨNG THÔNG HƠI 2 (2CK)**

CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày 12 tháng 6 năm 2022  
 NGƯỜI LẬP: *18. Ngô Đức Hiệ*  
 CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: *[Signature]*  
 TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG: *Nguyễn Văn Cường*

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
 KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH  
**PHÊ DUYỆT**  
 Theo Quyết định số: .....  
 Ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
 Ký tên: *[Signature]*

CTY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ 4.0  
**THẨM TRA**  
 Theo văn bản số: .....  
 Ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
 Ký tên: *[Signature]*

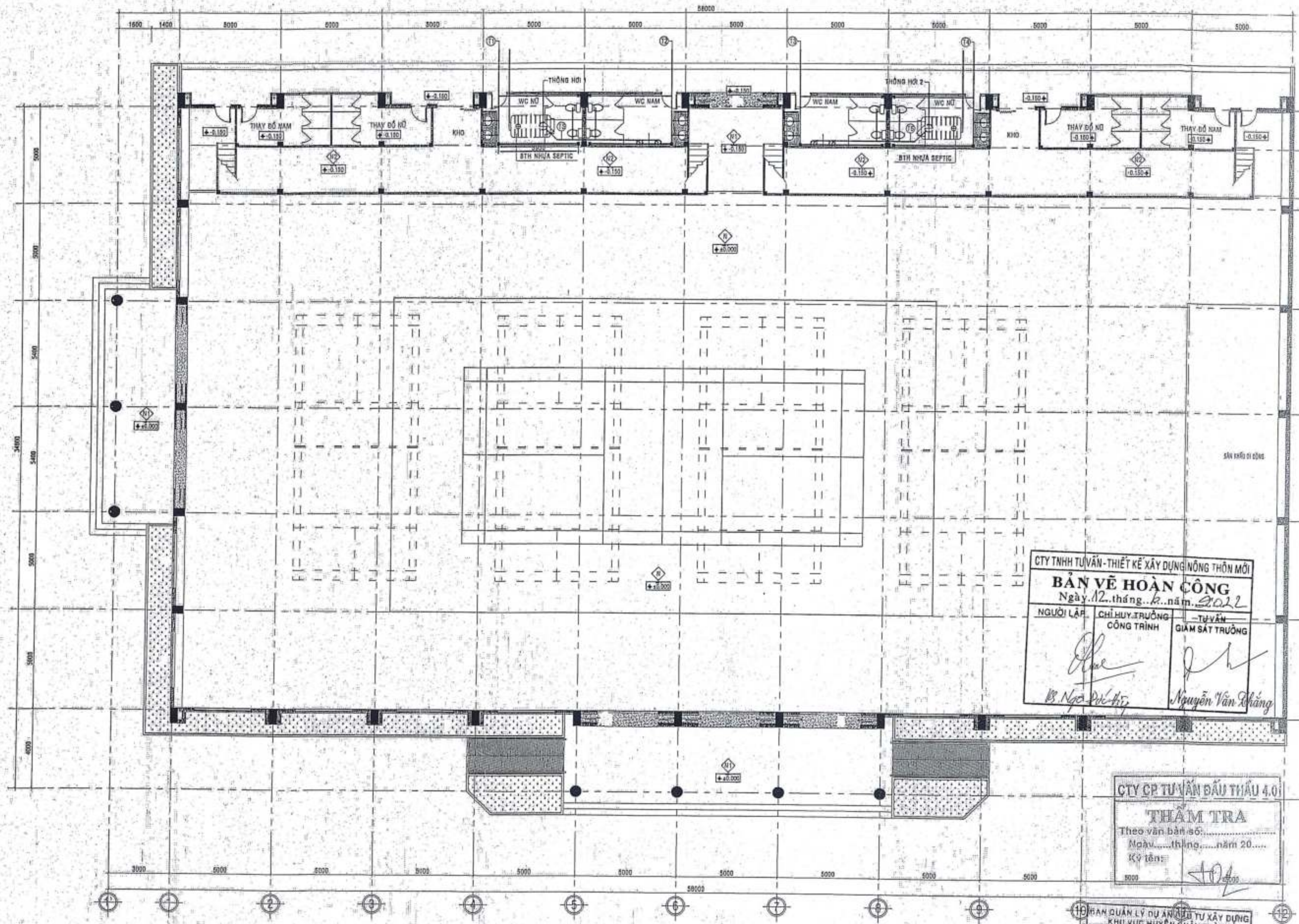
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
 KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH  
**THẨM ĐỊNH**  
 Theo Văn bản số: .....  
 Ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
 Ký tên: *[Signature]*

<b>SƠ CHỮ - LEGEND</b> <input type="checkbox"/> TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN <input checked="" type="checkbox"/> TK BV TH CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	
<b>CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT</b> BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH <i>[Signature]</i> <b>HUNG LONG</b>	
<b>PHÓ GIÁM ĐỐC / DEPUTY DIRECTOR</b> <i>[Signature]</i> <b>HUNG LONG</b>	
<b>CHỦ QUẢN DỰ ÁN / PROJECT MANAGER</b> <i>[Signature]</i> <b>KTS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN</b>	
<b>CHỦ THIẾT KẾ / ARCHITECTURE</b> <i>[Signature]</i> <b>KS. LÊ QUỐC HUY</b>	
<b>THẺ HIỆN / DRAWING</b> <i>[Signature]</i> <b>KS. LÊ VĂN TÍNH</b>	
<b>QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECHNICAL MANAGER</b> <i>[Signature]</i> <b>KS. HÀ THANH LỰC</b>	
<b>DỰ ÁN / PROJECT</b> NHÀ THỊ ĐẦU BA HÈNG HUYỆN CHÂU THÀNH	
<b>ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:</b> THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	
<b>HẠNG MỤC / CATEGORIES:</b> NHÀ THỊ ĐẦU BA HÈNG	
<b>TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE</b> SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC CHI TIẾT ỨNG THÔNG HƠI CHI TIẾT ỨNG THOÁT MƯA	
<b>NGÀY / DATE</b> 05/2021	<b>CỐ BẢN VẼ / DRAWING NO</b> N-05
<b>N-06</b>	



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

**PHÊ DUYỆT**  
Theo Quyết định số: .....  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên: \_\_\_\_\_



**MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC COS. +1.50, TL:1/100**

CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày 12 tháng 8 năm 2022

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
B. Ngọc Đức		Nguyễn Văn Đăng

CTY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ 4.0  
**THẨM TRA**  
Theo văn bản số: .....  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên: \_\_\_\_\_

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

**THẨM ĐỊNH**  
Theo Văn bản số: .....  
Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Ký tên: \_\_\_\_\_

**CHỈ CHỮ - LEGEND**

- TK CƠ SỞ / BASIC DESIGN
- TK BV THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

*[Signature]*  
HÙNG LONG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
HUNG LONG

CHỖ PHỐI PHỐI GIÁM ĐỐC  
VĂN THỊ  
XÂY DỰNG  
HUNG LONG

THÀNH VIÊN - K. HÀ THANH LỤC

CHỦ NHẬN DỰ ÁN (PRO MEMBER)  
KTS. NGUYỄN HỒNG TIẾN

CHỦ THIẾT KẾ (P/S ARCHITECTURE)  
K.S. LÊ QUỐC HUY

THẺ HẸU (DRAWY)  
K.S. LÊ VĂN TỈNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER)  
K.S. HÀ THANH LỤC

DỰ ÁN / PROJECT  
NHÀ THI ĐẤU BA HẸNG HUYỆN CHÂU THÀNH

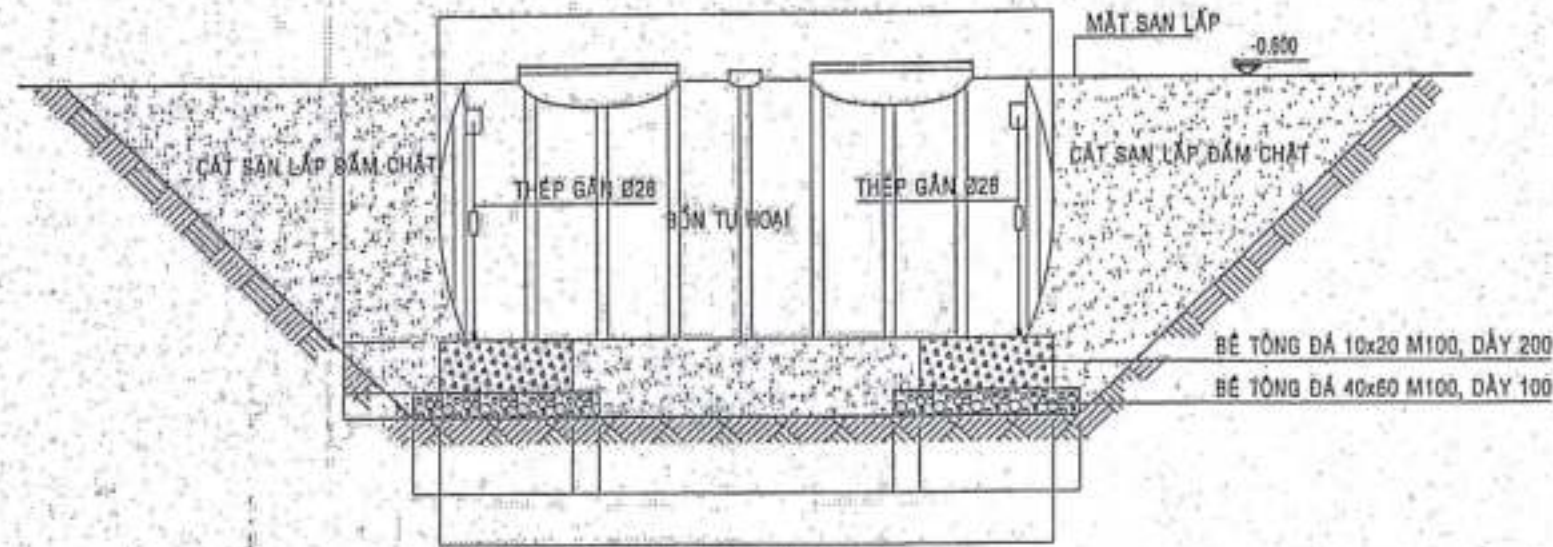
ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE:  
THỊ TRẤN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH,  
TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC / CATEGORIES:  
NHÀ THI ĐẤU BA HẸNG

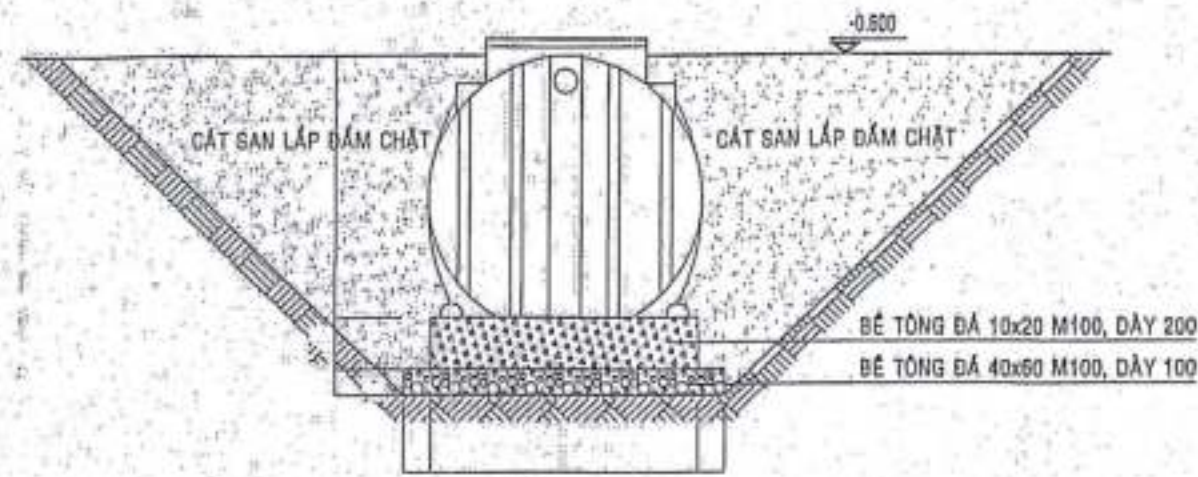
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE  
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

NGÀY / DATE	BỐ BẢN VẼ / DRAWING NO
05/2021	N-03 N-05





**CHI TIẾT BỒN TỰ HOẠI NHỰA SEPTIC - 02CK**  
 TYLE: V 22



**MẶT BÊN BỒN TỰ HOẠI**  
 TYLE: V 23

CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>
Ks. Ngô Văn Bình		Nguyễn Văn Thắng

**BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ**

SỐ TT	TÊN GỌI VÀ QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CHẬU XÍ BÊT 1 KHỐI SỬ + VỎI XIT (X) (liên doanh)	BỘ	8
2	LAVABO SỬ + VỎI RỬA (L) (liên doanh)	BỘ	8
3	CHẬU TIỂU NÁM TREQ TƯỜNG CÓ NÚT ẮN XÁ NƯỚC (liên doanh)	BỘ	4
4	VỎI SEN TẮM (liên doanh)	CÁI	8
5	BỒN NƯỚC INOX 500L + VÁN PHẠO	BỘ	2
6	PHỄU THU NƯỚC SÀN (PT)	BỘ	12
7	BỒN TỰ HOẠI NHỰA CHẾ TẠO SẴN 2.0m³	CÁI	2
8	CẦU CHẤM RÁC INOX 304 Ø114	CÁI	10
9	VÁN 2 CHIỀU THAU Ø49	CÁI	3
10	VÁN 2 CHIỀU THAU Ø34	CÁI	7
11	VÁN 2 CHIỀU THAU Ø21	CÁI	4
12	VÁN 1 CHIỀU THAU Ø34	CÁI	1
13	VÁN XÁ CẶN Ø34	CÁI	2
14	VÁN PHẠO Ø49	CÁI	1
15	ỐNG NHỰA uPVC Ø114 x 7.0mm	MÉT	148.0
16	ỐNG NHỰA uPVC Ø90 x 5.0mm	MÉT	77.0
17	ỐNG NHỰA uPVC Ø60 x 2.8mm	MÉT	31.0
18	ỐNG NHỰA uPVC Ø49 x 2.4mm	MÉT	6.0
19	ỐNG NHỰA uPVC Ø34 x 2.0mm	MÉT	172.0
20	ỐNG NHỰA uPVC Ø21 x 1.6mm	MÉT	50.0
21	CỔ NHỰA uPVC 135° Ø114	CÁI	46
22	CỔ NHỰA uPVC 135° Ø90	CÁI	40
23	CỔ NHỰA uPVC 90° Ø114	CÁI	10
24	CỔ NHỰA uPVC 90° Ø90	CÁI	2
25	CỔ NHỰA uPVC 90° Ø60	CÁI	4
26	CỔ NHỰA uPVC 90° Ø49	CÁI	6
27	CỔ NHỰA uPVC 90° Ø34	CÁI	23
28	CỔ NHỰA uPVC 90° Ø21	CÁI	34
29	CỔ RĂNG TRONG uPVC 90° Ø21	CÁI	12
30	CỔ RĂNG NGOÀI uPVC 90° Ø21	CÁI	16
31	CỔ GIÁM uPVC 90° Ø34/21	CÁI	2
32	TÊ NHỰA uPVC 135° Ø114	CÁI	10
33	TÊ NHỰA uPVC 90° Ø90	CÁI	12
34	TÊ NHỰA uPVC 90° Ø60	CÁI	2
35	TÊ NHỰA uPVC 90° Ø34	CÁI	3
36	TÊ NHỰA uPVC 90° Ø21	CÁI	22
37	TÊ CỐNG NHỰA uPVC Ø90	CÁI	4
38	TÊ GIÁM NHỰA uPVC Ø60/Ø4	CÁI	2
39	THẬP NHỰA uPVC Ø21	CÁI	2
40	TRÒM NHỰA uPVC Ø114/Ø60	CÁI	4
41	TRÒM NHỰA uPVC Ø90/Ø34	CÁI	6
42	TRÒM NHỰA uPVC Ø60/Ø34	CÁI	4
43	KHẤU NHỰA RĂNG NGOÀI uPVC Ø49	CÁI	6
44	KHẤU NHỰA RĂNG NGOÀI uPVC Ø34	CÁI	20
45	KHẤU NHỰA RĂNG NGOÀI uPVC Ø21	CÁI	8
46	GƯƠNG SƠI (liên doanh)	BỘ	8
47	KỆ KÍNH (liên doanh)	BỘ	6
48	GIÁ TREO INOX (liên doanh)	BỘ	8
49	HỘP GIẤY (liên doanh)	BỘ	8
50	HỘP XÁ PHÒNG (liên doanh)	BỘ	8
51	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG Đ40	BỘ	1
52	MÁY BƠM SINH HOẠT 2HP	BỘ	1
53	LƯPPE NHỰA 42	BỘ	1

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:.....  
 Ngày... tháng... năm 20...  
 Ký tên: *(Signature)*

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

**PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số:.....  
 Ngày... tháng... năm 20...  
 Ký tên: *(Signature)*

CTY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ 4.0

**THẨM TRA**

Theo văn bản số:.....  
 Ngày... tháng... năm 20...  
 Ký tên: *(Signature)*

THI CÔNG - LEGEND

THI CÔNG / BASIC DESIGN

THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN

---

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/CLIENT

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH

*(Signature)*

HÙNG LONG

---

PHÓ GIÁM ĐỐC / DEPUTY DIRECTOR

*(Signature)*

KS. HÀ THANH LỰC

---

CHỦ TH - THIẾT KẾ / P.A ARCHITECTURE

*(Signature)*

KS. LÊ QUANG HUY

---

TRƯỞNG / (PRO MANAGER)

*(Signature)*

KS. NGUYỄN HOÀNG TUẤN

---

CHỦ LÝ KỸ THUẬT / TECHNICAL MANAGER

*(Signature)*

KS. HÀ THANH LỰC

---

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ THỜ ĐA DẠNG HUYỆN CHÂU THÀNH

---

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / BUILDING SITE:

THị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

---

HẠNG MỤC / CATEGORIES:

NHÀ THỜ ĐA DẠNG

---

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE

BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ CHI TIẾT BỒN TỰ HOẠI

---

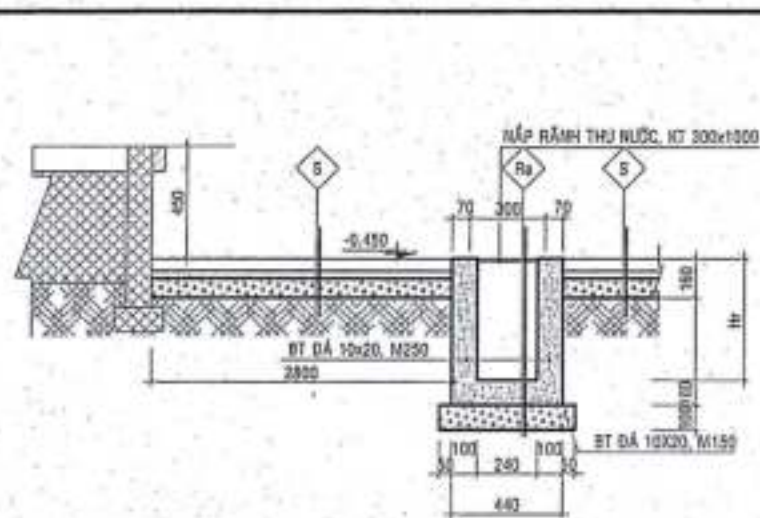
NGÀY / DATE

05/2021

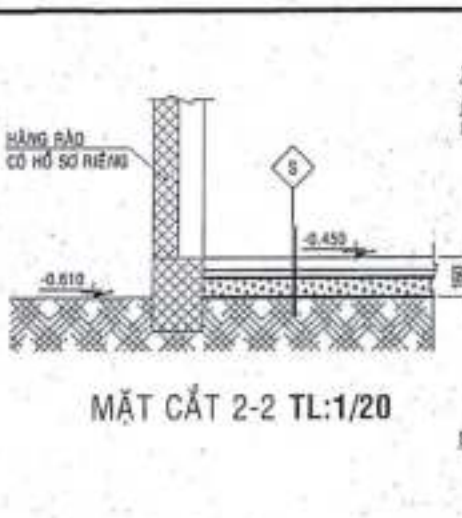
SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO

N-06 N-06

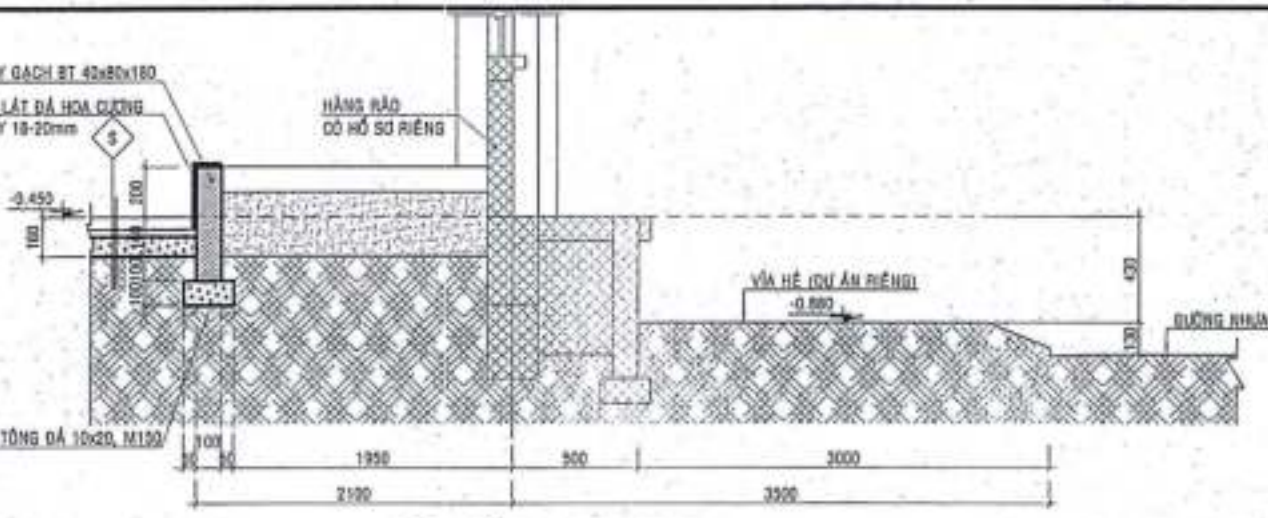




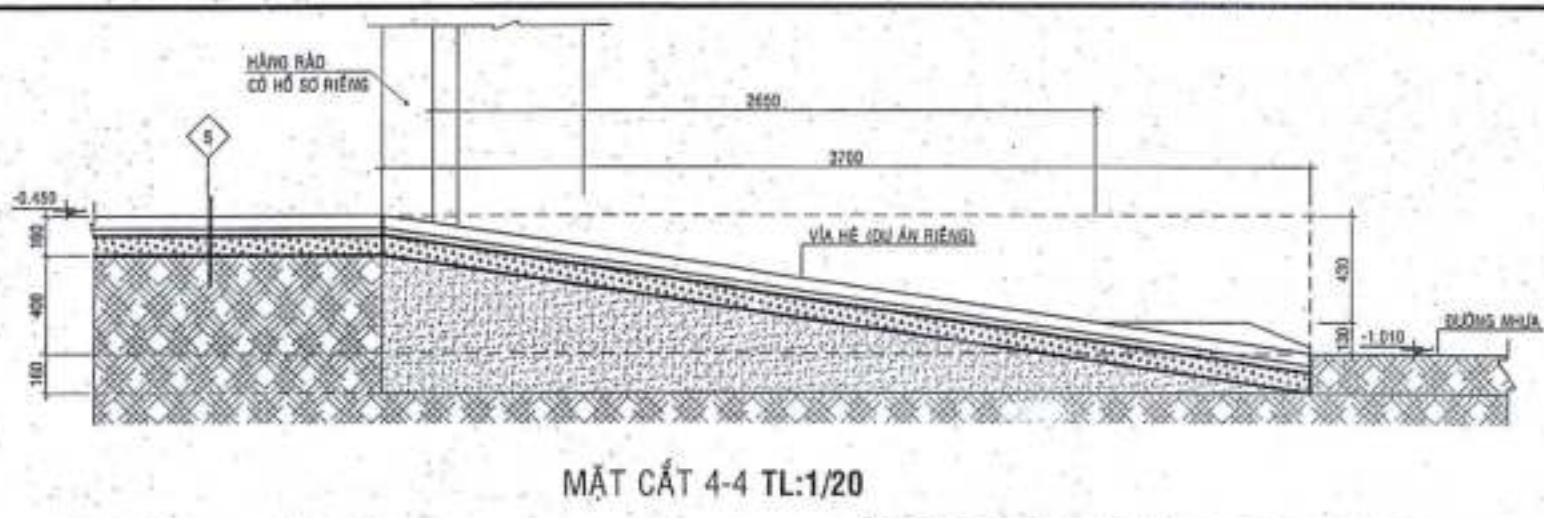
MẶT CẮT 1-1 TL:1/20



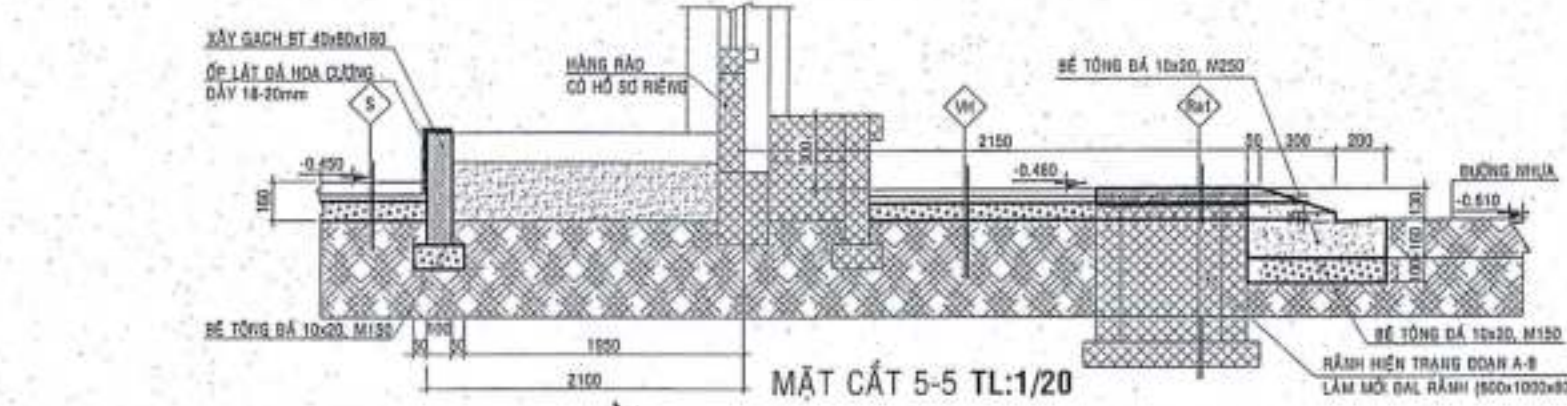
MẶT CẮT 2-2 TL:1/20



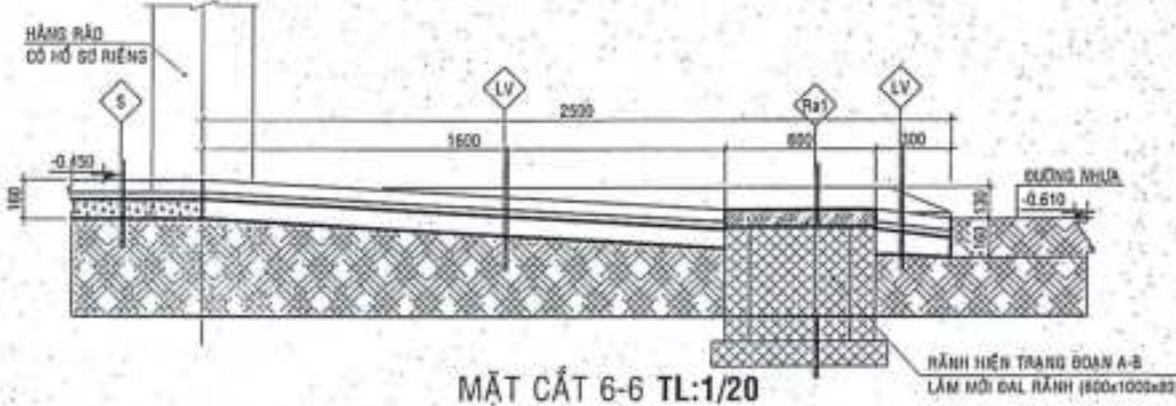
MẶT CẮT 3-3 TL:1/20



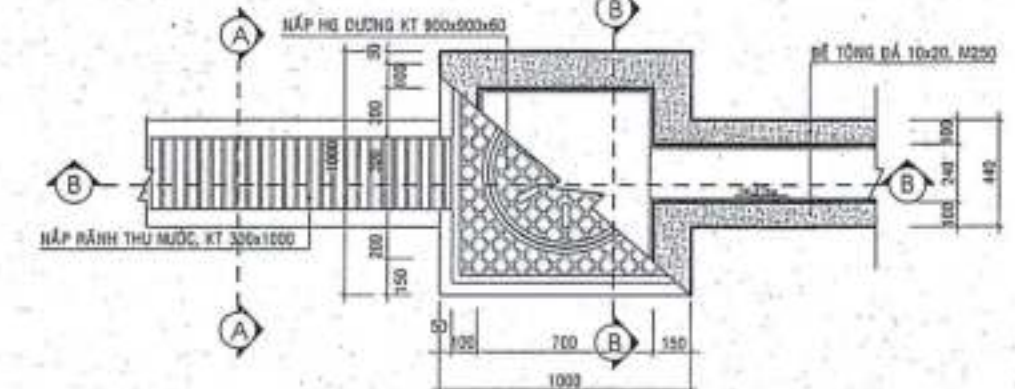
MẶT CẮT 4-4 TL:1/20



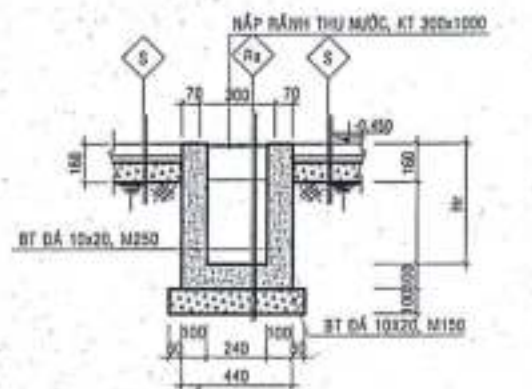
MẶT CẮT 5-5 TL:1/20



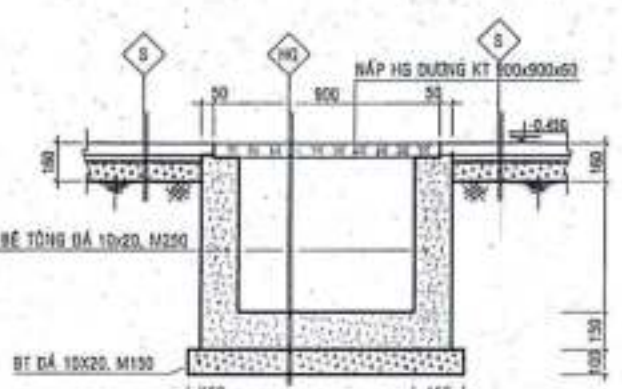
MẶT CẮT 6-6 TL:1/20



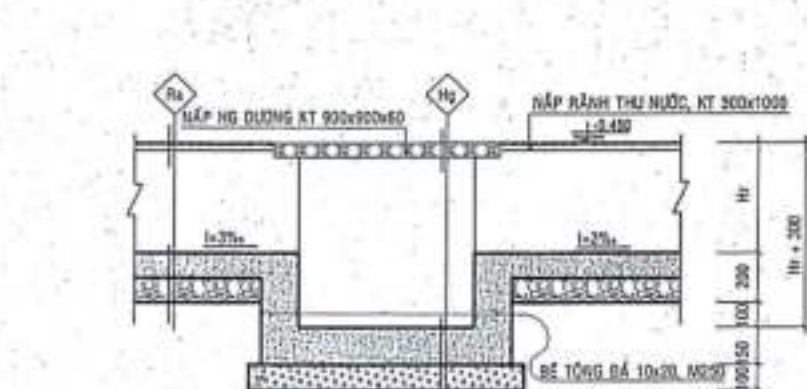
MẶT BẰNG 1 ĐOẠN RÃNH, HỒ GA, TL 1/20



MẶT CẮT A-A TL:1/20



MẶT CẮT B-B TL:1/20

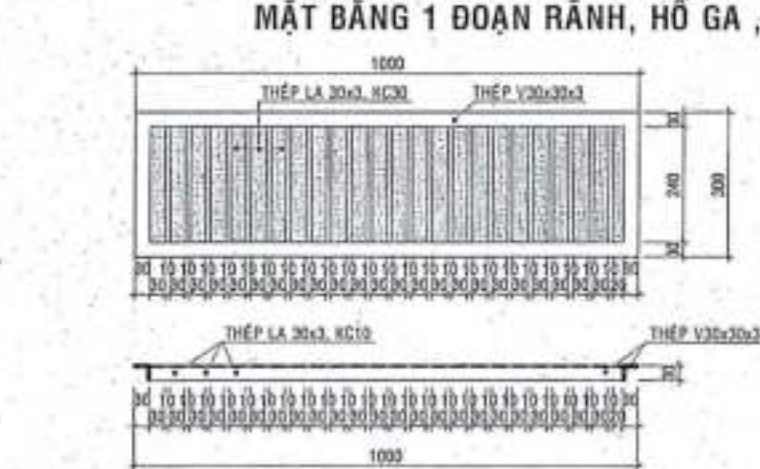


MẶT CẮT C-C TL:1/20

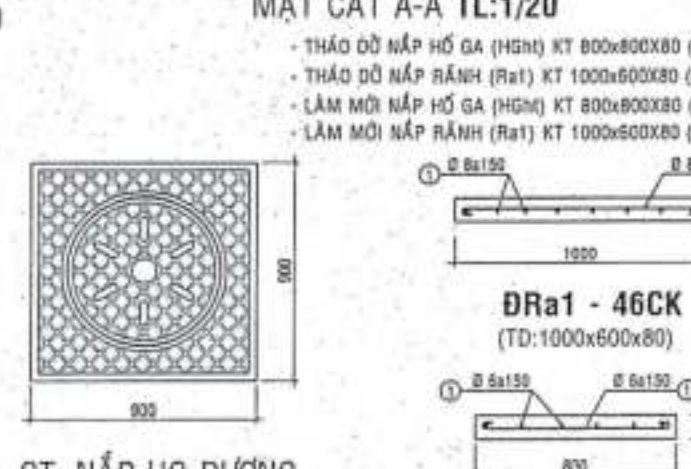
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÂN ĐẠT**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày: 12 tháng 5 năm 2020

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>
18. Ng. Đức Hiệp		Nguyễn Văn Thành

G1  
(L=440, 5m/cây, 19CK)



MẶT BẰNG 2 ĐOẠN RÃNH, HỒ GA, TL 1/20

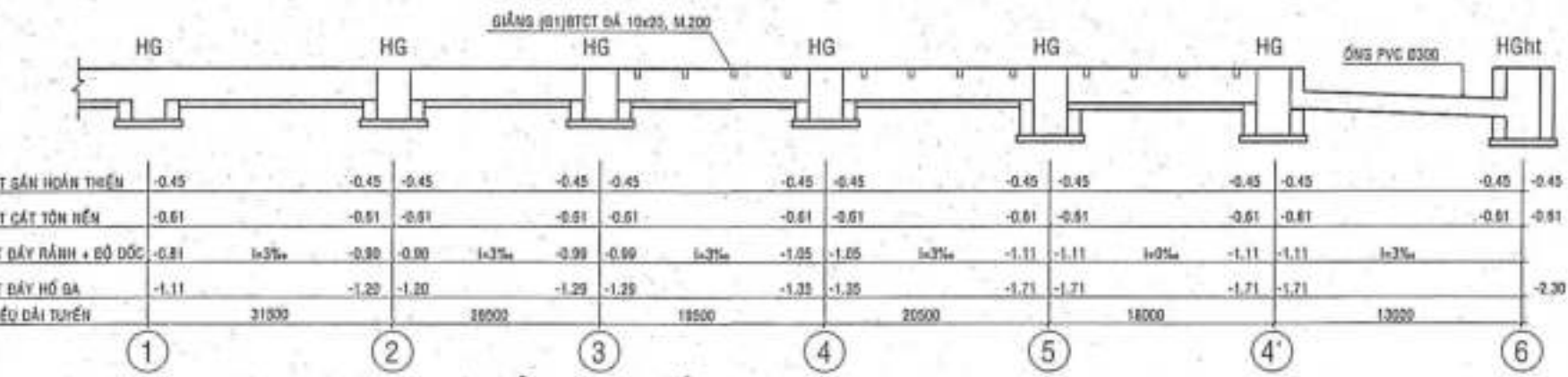


CT. NẮP HG DƯƠNG

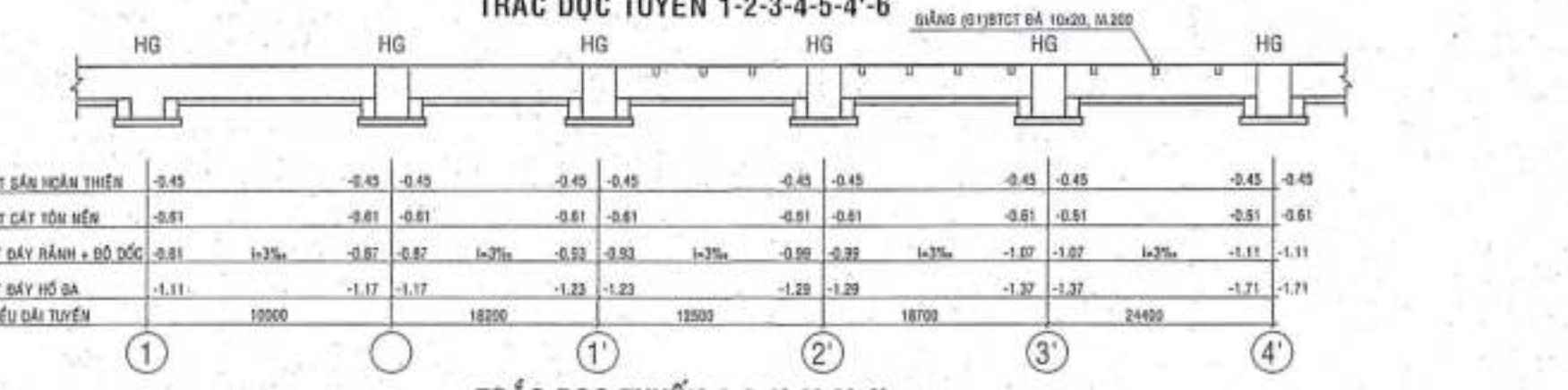
CT. NẮP RÃNH THU NƯỚC (Ra) (192CK), TL:1/10. KT 900x900x60 (HG) (10CK), TL: 1/25

**BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP**

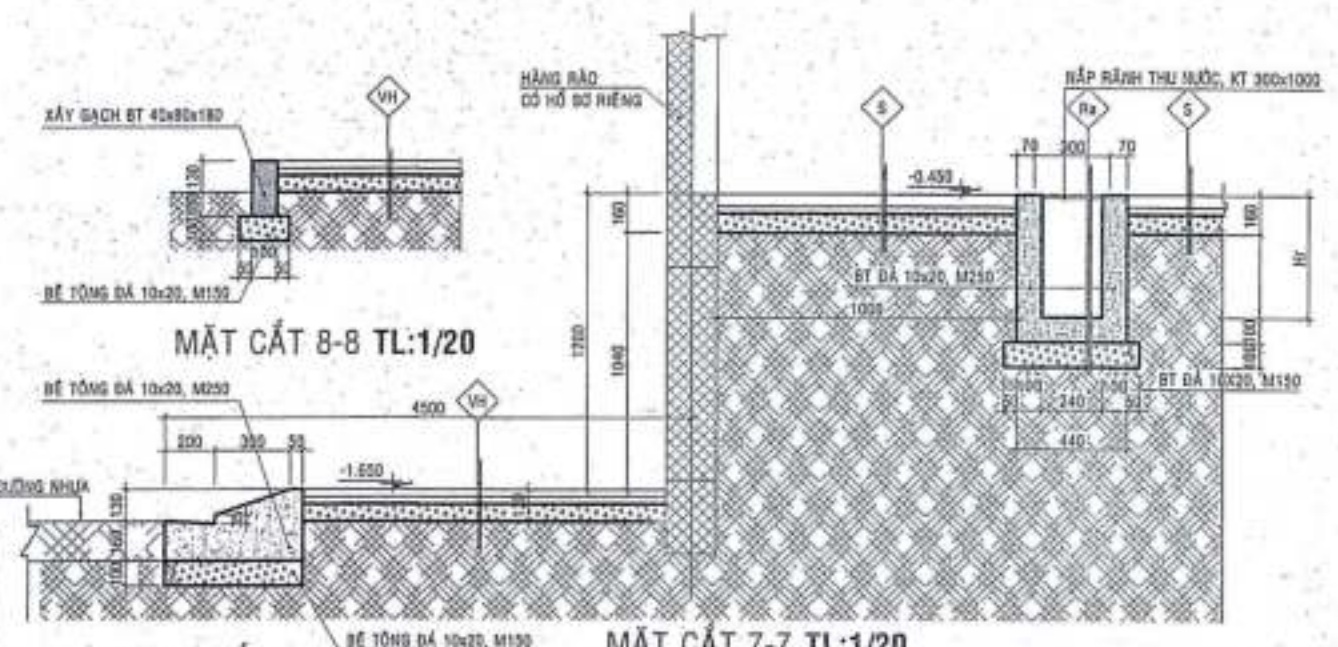
C.K	T.T	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	Ø	C.ĐÀI THẠNH (MM)	SỐ THANH	Ø C.ĐÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG KG
DRa1	1	533 x 50	8	850	8	308	226.2
	2	533 x 50	8	1020	4	194	153.2
BHGh	1	792 x 30	8	850	12	24	20.4
	2	450 x 30	10	550	2	38	28.9
	3	80 x 30	8	180	4	70	13.7
		TRỌNG LƯỢNG KG	3.0	178.7		12.9	
		TRỌNG LƯỢNG		194.592			



TRẮC ĐỌC TUYẾN 1-2-3-4-5-4'-6



TRẮC ĐỌC TUYẾN 1-0-1'-2'-3'-4'



MẶT CẮT 7-7 TL:1/20

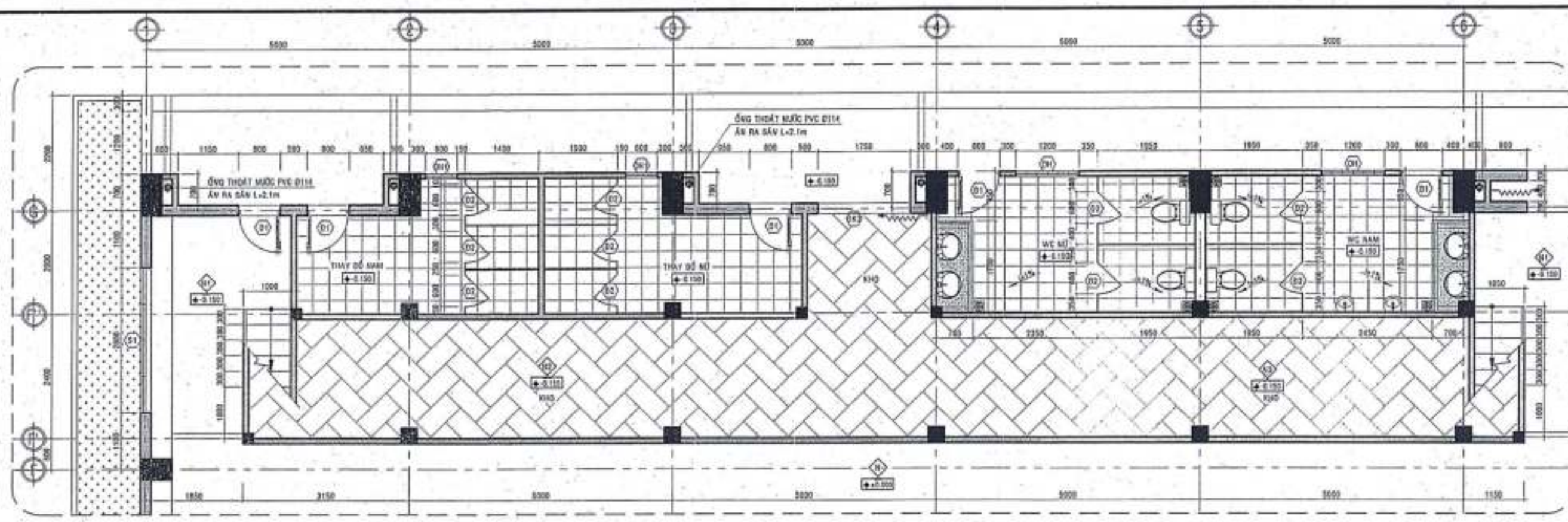
**\*GHI CHÚ:**

- COS -0.450 LÀ COS MẶT SÀN (S) HOÀN THIỆN,
- BỐN HOA, BỐ HÉ, XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÔNG NUNG 40x80x180
- TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (S) LÁT GẠCH VĨA HÉ 300x300x50 MẶT ĐÁ MÀI S=1658.4m²
- TỔNG DIỆN TÍCH PHẦN LỐI VÀO BÊ TÔNG LÂM MÔI (LV): S=63m²
- TỔNG CHIỀU DÀI BỐ VĨA BẰNG BÊ TÔNG ĐÁ 10x20, M250: L=103.1m
- TOÀN BỘ THÀNH, MẶT TRÊN BỐN HOA ỐP, LÁT ĐÁ HOA CƯỜNG DÂY 18mm-20mm
- TỔNG CHIỀU DÀI XÂY BỐ HÉ BẰNG BĂNG GẠCH BÊ TÔNG 40x80x180 DÂY 100, L=10m
- TƯỜNG XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÔNG NUNG: M50, TCVN 6477-2016 (40x80x180)

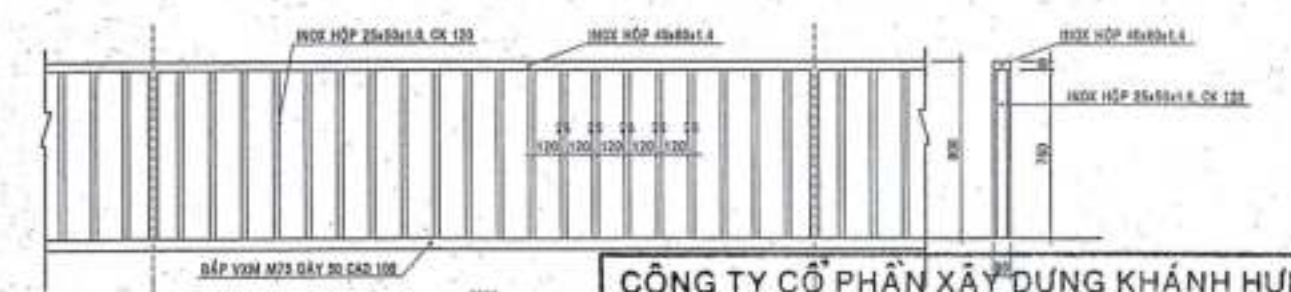
**MẶT CẮT BỐN HOA (BH3) (01CK),  
 MẶT CẮT BỐN HOA (BH4) (01CK)  
 MẶT CẮT BỐN HOA (BH5) (01CK), TL:1/20**

**MẶT CẮT BỐN HOA (BH1) (01CK),  
 MẶT CẮT BỐN HOA (BH2) (02CK), TL:1/20**



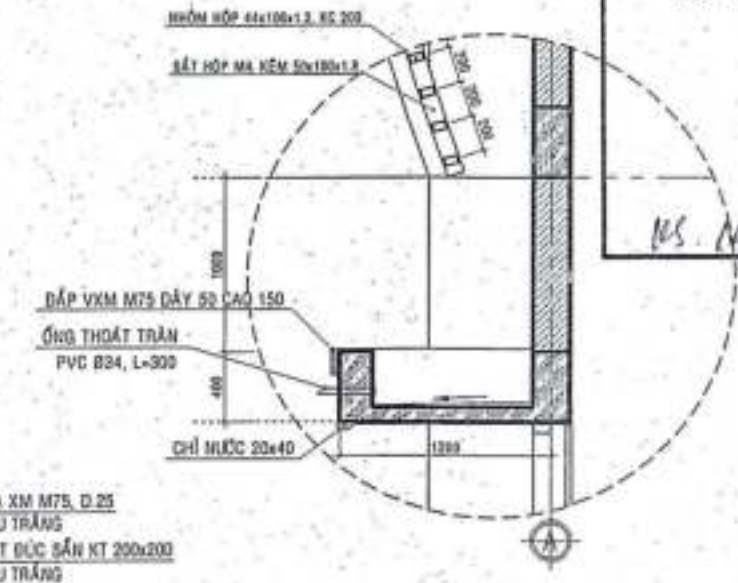


CHI TIẾT KHU VỆ SINH + KHO, TL:1/50

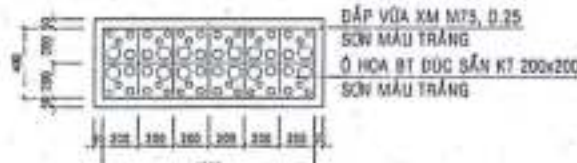


CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KHÁNH HƯNG  
 CHI TIẾT LAN CAN KHẨN DÀI, BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
 Ngày 12...tháng...h...năm...20...22

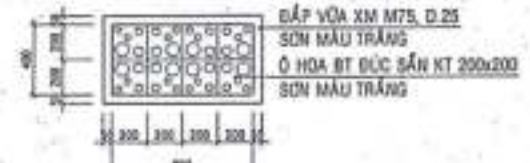
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trường
<i>Ms. Ngô Đức Hiệp</i>	<i>Nguyễn Văn Cường</i>	<i>Nguyễn Văn Cường</i>



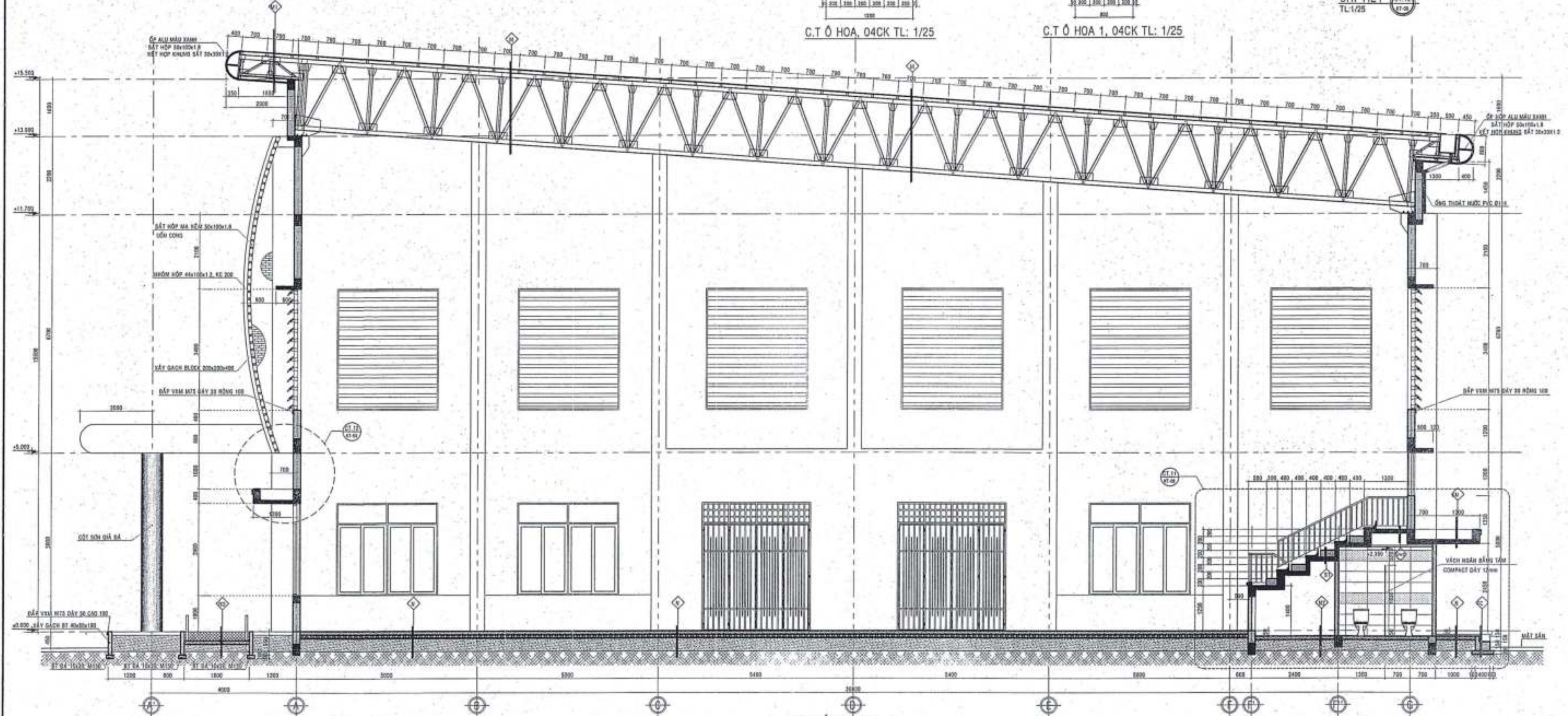
CHI TIẾT TL:1/25



C.T Ô HOA, Ø4CK TL: 1/25



C.T Ô HOA 1, Ø4CK TL: 1/25



MẶT CẮT D-D, TL:1/50



ĐI ĐA LỘC

ĐI CHỢ CHÂU THÀNH

HÀNG RÀO TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ

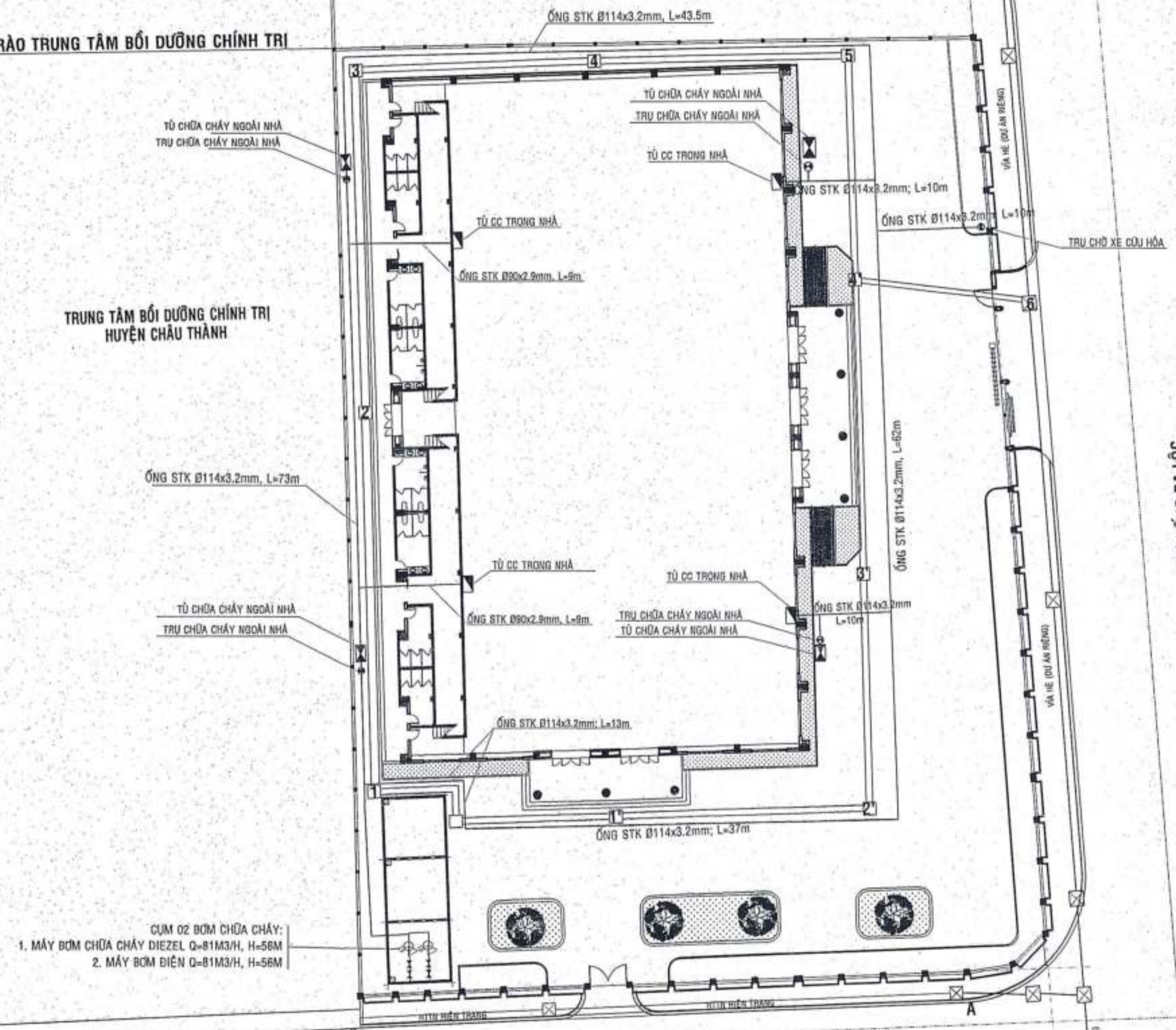
TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ  
HUYỆN CHÂU THÀNH

CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày...tháng...năm 2022

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>M. Ngọc Đức</i>	<i>[Signature]</i>	<i>Nguyễn Văn Sáng</i>



MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY



**CÁC LỚP CẤU TẠO**

MÁI LỚP TOLE SÔNG VƯƠNG MÀU ĐÀNG ĐẶC 0,45mm  
 ĐƠN TAY SẮT HỘP MÀ KEM 40\*80\*1,2 - KG: 700.  
 KÉO THÉP TRÒN Ø60\*2,5.

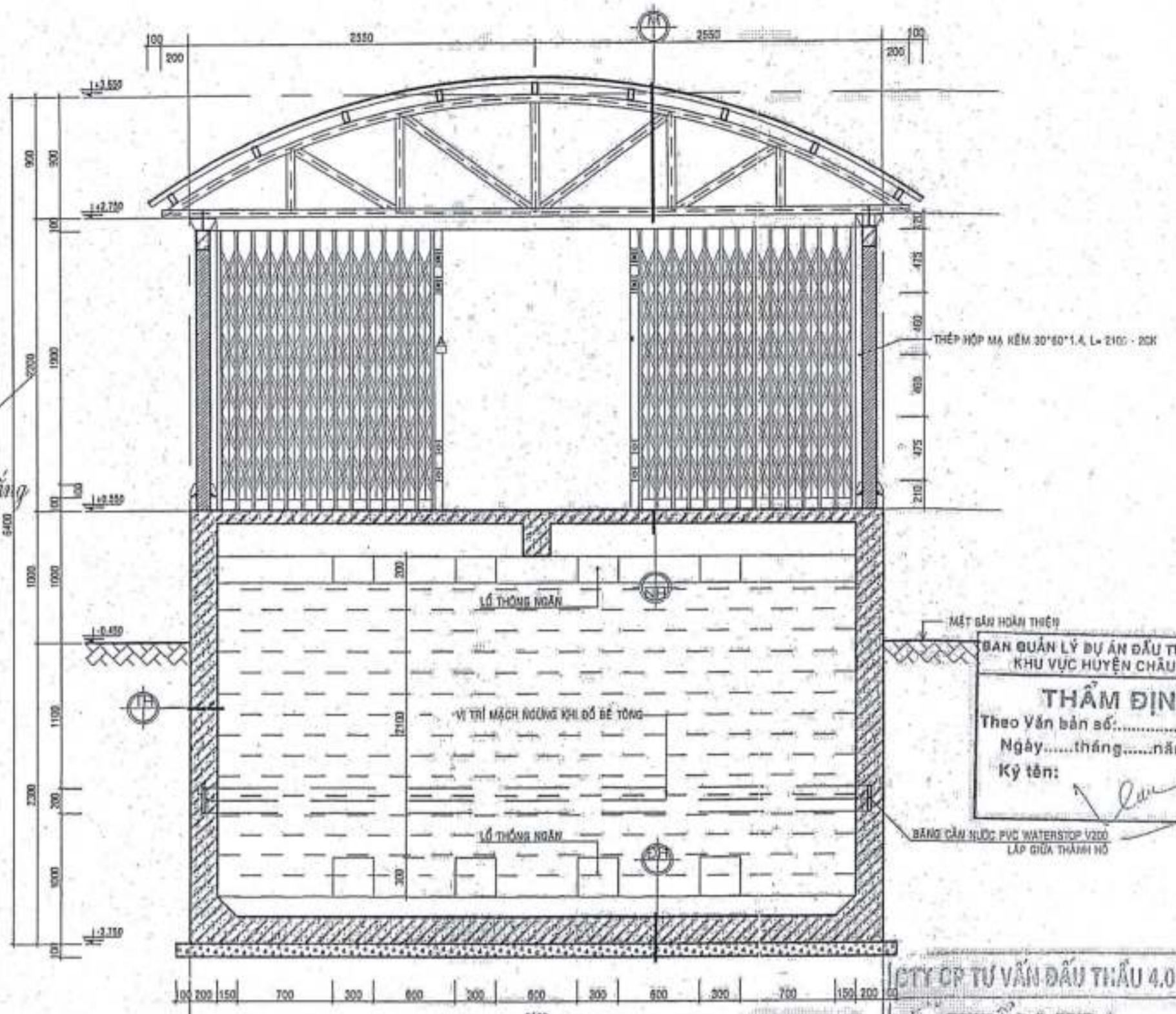
LĂNG VỮA XI MÀNG M75 ĐẶC 30 TẠO ĐỐC RA NGOÀI.  
 BTCT ĐÁ 10\*20 M.250 ĐẶC 100, CỐ PHỤ GIA CHỐNG THẤM KHÔNG ĐỘC TỐ.

QUÉT 03 NƯỚC VINKEM'S SIMON COAT 65 MẬT ĐỘ 1,6kg/m<sup>2</sup>.  
 CHỐNG THẤM CHÉO NHAU. (LỚP QUÉT KẾ TIẾP SAU 3 -> 4 GIỜ)  
 LĂNG VỮA XI MÀNG M75 ĐẶC 30.  
 TẠI CÁC VỊ TRÍ THÀNH VÀ ĐÁY HỒ PHẢI LĂNG BƠ TRƠN R>50.  
 BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 10\*20 M.250.  
 BÊ TÔNG LỚT ĐÁ 40\*60 MẮC 100, ĐẶC 100  
 ĐẤT TỰ NHIÊN ĐƠN GÁCH HỒU CỎ.

QUÉT 03 NƯỚC VINKEM'S SIMON COAT 65 MẬT ĐỘ 1,6kg/m<sup>2</sup>.  
 CHỐNG THẤM CHÉO NHAU. (LỚP QUÉT KẾ TIẾP SAU 3 -> 4 GIỜ)  
 TRÁT HỒ NƯỚC VXM MẮC 75, ĐẶC 20 THÀNH TRONG.  
 THÀNH HỒ NƯỚC BTCT ĐÁ 10\*20 MẮC 250. (XEM KG)  
 TRÁT HỒ NƯỚC VXM MẮC 75, ĐẶC 20 THÀNH NGOÀI.  
 QUÉT 03 NƯỚC VINKEM'S SIMON COAT 65 MẬT ĐỘ 1,6kg/m<sup>2</sup>.  
 CHỐNG THẤM CHÉO NHAU. (LỚP QUÉT KẾ TIẾP SAU 3 -> 4 GIỜ)

CTY TNHH TƯ VẤN - THIẾT KẾ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày... tháng... năm 20...

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>
Đỗ Ngọc Tuấn		Nguyễn Văn Thắng

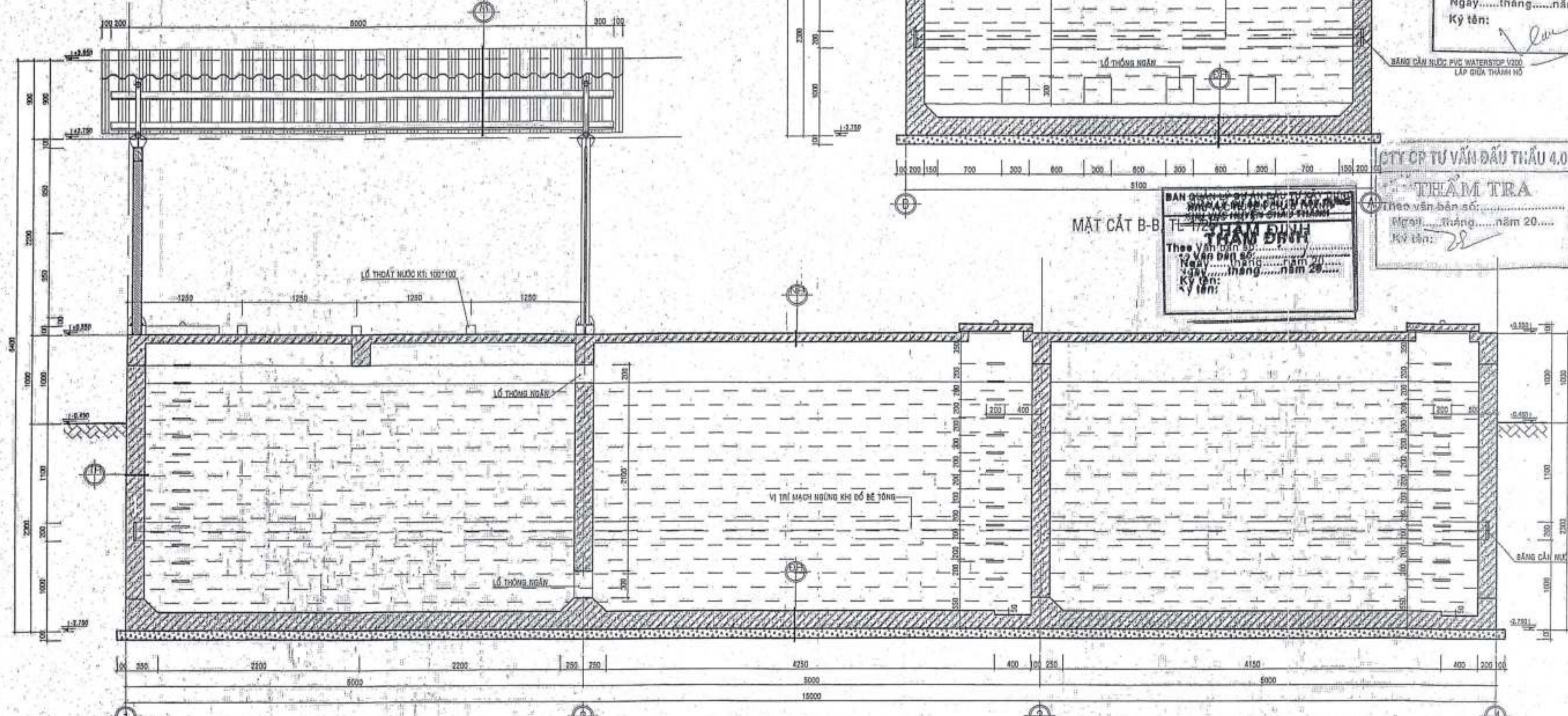


BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
 KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH  
**PHÊ DUYỆT**  
 Theo Quyết định số:.....  
 Ngày.....tháng.....năm 20....  
 Ký tên: *(Signature)*

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
 KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH  
**THẨM ĐỊNH**  
 Theo Văn bản số:.....  
 Ngày.....tháng.....năm 20....  
 Ký tên: *(Signature)*

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
 KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH  
**THẨM TRA**  
 Theo Văn bản số:.....  
 Ngày.....tháng.....năm 20....  
 Ký tên: *(Signature)*

CTY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ 4.0  
**THẨM TRA**  
 Theo Văn bản số:.....  
 Ngày.....tháng.....năm 20....  
 Ký tên: *(Signature)*



MẶT CẮT A-A, TỶ LỆ 1/25

<input type="checkbox"/> KHU CHƠI - LEISURE <input type="checkbox"/> TX CƠ SỞ / BASIC DESIGN <input checked="" type="checkbox"/> TX BIÊN THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING DESIGN	CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT/AGENT BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN CHÂU THÀNH HƯNG LONG (Signature)
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XD HƯNG LONG (Logo) ĐC: (Address) ĐT: (Phone) FAX: (Fax)	CHỦ NHIỆM DỰ ÁN (ARCHITECT) KTS. NGUYỄN HOÀNG TIẾN (Signature)
CÔNG TY P. SÁM ĐỐC CỐ PHỤ GIA HOÀN THỰC THI CÔNG YÊN THIẾT KẾ HƯNG LONG (Signature)	CHỦ THÌ - THIẾT KẾ (P.A ARCHITECTURE) KTS. NGUYỄN HOÀNG TIẾN KTS. NGUYỄN THẾ HUY (Signature)
(Signature)	VẼ (DRAW) KTS. NGUYỄN TỰ MINH (Signature)
(Signature)	QUẢN LÝ KỸ THUẬT (TECHNICAL MANAGER) KTS. TRẦN HỒNG ỨT (Signature)
DỰ ÁN / PROJECT NHÀ THỜ ĐỒ ĐÀ NẰNG HUYỆN CHÂU THÀNH	ĐỊA ĐIỂM XD / BUILDING SITE: TH. TRẦN CHÂU THÀNH, HUYỆN CHÂU THÀNH, BÌNH TRẠ VỊNH
HẠNG MỤC / CATEGORIES: PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY TOÀN KHU	TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE MẶT CẮT A-A, MẶT CẮT B-B, GHI CHỮ CẤU TẠO
NGÀY / DATE 05/2021	SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO KT-03 KT-03



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐƠN VỊ THI CÔNG: BAN YẾU

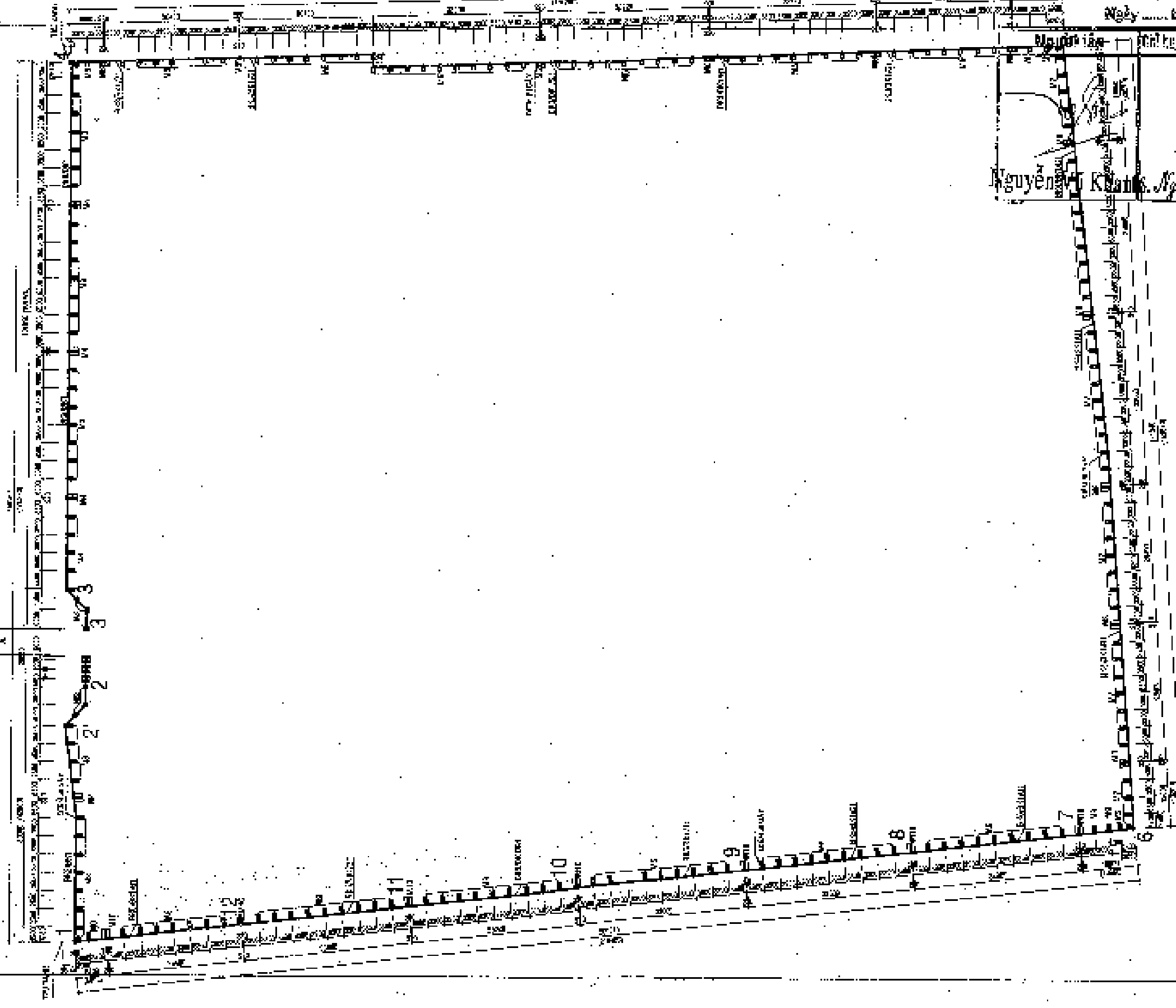
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày .. tháng .. năm 2021

Người lập: *(Signature)* Thủ dự trưởng công trình: *(Signature)* Trưởng nhóm cốt thép: *(Signature)*

Nguyễn Văn Kiên *(Signature)* Nguyễn Văn Kiên *(Signature)* Nguyễn Văn Tuấn *(Signature)*

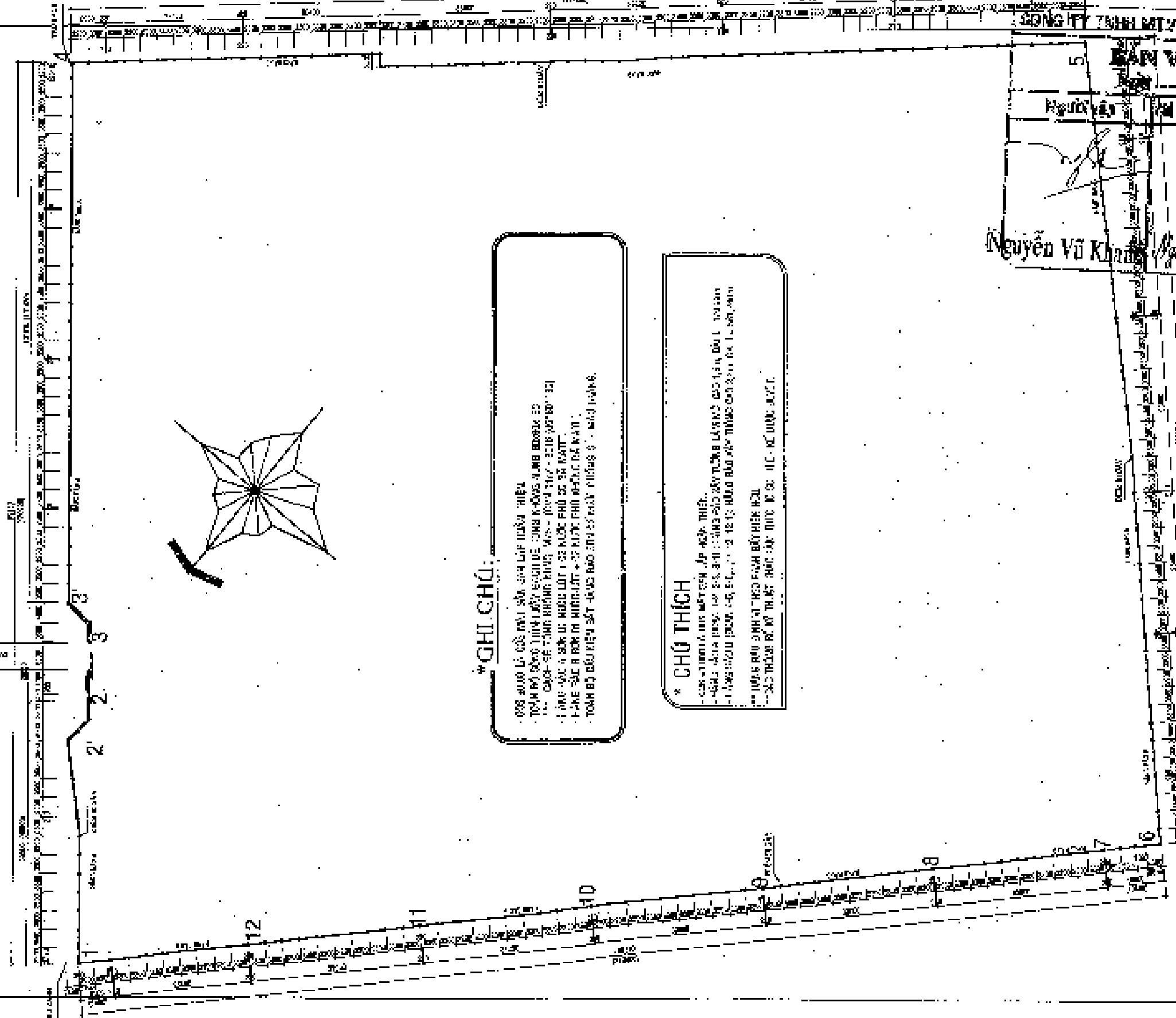
BƯỜNG BA MỤC TIÊU TƯ



MẶT BẰNG TỔNG THỂ, TL: 1/400

STT	CHỨC VỤ	HỌ TÊN
1	THỦ DỰ TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	<i>(Signature)</i>
2	TRƯỞNG NHÓM CỐT THÉP	<i>(Signature)</i>
3	NGƯỜI LẬP	<i>(Signature)</i>
4	...	...
5	...	...
6	...	...
7	...	...
8	...	...
9	...	...
10	...	...
11	...	...
12	...	...
13	...	...
14	...	...
15	...	...
16	...	...
17	...	...
18	...	...
19	...	...
20	...	...
21	...	...
22	...	...
23	...	...
24	...	...
25	...	...
26	...	...
27	...	...
28	...	...
29	...	...
30	...	...
31	...	...
32	...	...
33	...	...
34	...	...
35	...	...
36	...	...
37	...	...
38	...	...
39	...	...
40	...	...
41	...	...
42	...	...
43	...	...
44	...	...
45	...	...
46	...	...
47	...	...
48	...	...
49	...	...
50	...	...

ĐƯỜNG 2A MƯỜNG CHANG T.1



**\* CHỈ CHỮ:**

- 000 400 là góc của sân sân tập đánh cầu.
- TOÀN BỘ CÔNG TRÌNH THUỘC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ.
- CÔNG TRÌNH SẼ TẠO HƯỚNG KHUẾ, MẮC - CÔNG TRÌNH SẼ CÓ MẶT ĐÓNG.
- CÔNG TRÌNH SẼ SỬ DỤNG VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG.
- CÔNG TRÌNH SẼ SỬ DỤNG VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG.
- TOÀN BỘ CÔNG TRÌNH SẼ SỬ DỤNG VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG.

**\* CHÚ THÍCH**

- CÔNG TRÌNH SẼ SỬ DỤNG VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG.
- CÔNG TRÌNH SẼ SỬ DỤNG VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG.
- CÔNG TRÌNH SẼ SỬ DỤNG VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG.
- CÔNG TRÌNH SẼ SỬ DỤNG VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG.
- CÔNG TRÌNH SẼ SỬ DỤNG VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ**

**ĐƠN VỊ BIÊN CẬP**

Ngày ... tháng ... năm 2021.

Người lập: *[Signature]*

Người kiểm tra: *[Signature]*

Nguyễn Vũ Khanh | Nguyễn Văn Nghĩa | Nguyễn Việt Hoàng

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HIỆN  
TRẠNG, T.L: 1/400

<table border="1"> <tr><td>STT</td><td>CHỨC VỤ</td></tr> <tr><td>1</td><td>...</td></tr> <tr><td>2</td><td>...</td></tr> <tr><td>3</td><td>...</td></tr> <tr><td>4</td><td>...</td></tr> <tr><td>5</td><td>...</td></tr> <tr><td>6</td><td>...</td></tr> <tr><td>7</td><td>...</td></tr> <tr><td>8</td><td>...</td></tr> <tr><td>9</td><td>...</td></tr> <tr><td>10</td><td>...</td></tr> </table>	STT	CHỨC VỤ	1	...	2	...	3	...	4	...	5	...	6	...	7	...	8	...	9	...	10	...	<table border="1"> <tr><td>STT</td><td>CHỨC VỤ</td></tr> <tr><td>1</td><td>...</td></tr> <tr><td>2</td><td>...</td></tr> <tr><td>3</td><td>...</td></tr> <tr><td>4</td><td>...</td></tr> <tr><td>5</td><td>...</td></tr> <tr><td>6</td><td>...</td></tr> <tr><td>7</td><td>...</td></tr> <tr><td>8</td><td>...</td></tr> <tr><td>9</td><td>...</td></tr> <tr><td>10</td><td>...</td></tr> </table>	STT	CHỨC VỤ	1	...	2	...	3	...	4	...	5	...	6	...	7	...	8	...	9	...	10	...
STT	CHỨC VỤ																																												
1	...																																												
2	...																																												
3	...																																												
4	...																																												
5	...																																												
6	...																																												
7	...																																												
8	...																																												
9	...																																												
10	...																																												
STT	CHỨC VỤ																																												
1	...																																												
2	...																																												
3	...																																												
4	...																																												
5	...																																												
6	...																																												
7	...																																												
8	...																																												
9	...																																												
10	...																																												
<table border="1"> <tr><td>STT</td><td>CHỨC VỤ</td></tr> <tr><td>1</td><td>...</td></tr> <tr><td>2</td><td>...</td></tr> <tr><td>3</td><td>...</td></tr> <tr><td>4</td><td>...</td></tr> <tr><td>5</td><td>...</td></tr> <tr><td>6</td><td>...</td></tr> <tr><td>7</td><td>...</td></tr> <tr><td>8</td><td>...</td></tr> <tr><td>9</td><td>...</td></tr> <tr><td>10</td><td>...</td></tr> </table>		STT	CHỨC VỤ	1	...	2	...	3	...	4	...	5	...	6	...	7	...	8	...	9	...	10	...																						
STT	CHỨC VỤ																																												
1	...																																												
2	...																																												
3	...																																												
4	...																																												
5	...																																												
6	...																																												
7	...																																												
8	...																																												
9	...																																												
10	...																																												









